

THAM LUẬN

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ CÔNG TÁC GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHÁT HUY TINH THẦN TRÁCH NHIỆM NÊU GƯƠNG CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRONG ĐẢNG BỘ BỘ TƯ PHÁP¹

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng cộng sản Việt Nam đã xác định một trong số các nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu đó là: “*Tăng cường xây dựng chính đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ*”.

Có thể nói, trong xây dựng chính đốn Đảng, công tác tư tưởng là một bộ phận đặc biệt quan trọng trong hoạt động của Đảng nhằm xây dựng, bồi đắp nền tảng chính trị, tuyên truyền, giáo dục, động viên và tổ chức nhân dân thực hiện các nhiệm vụ cách mạng, khẳng định vai trò tiên phong của Đảng.

Hiện nay, Đảng bộ có 34 tổ chức đảng trực thuộc (có 06 Đảng bộ cơ sở với 37 chi bộ trực thuộc, 15 chi bộ cơ sở và 13 chi bộ trực thuộc). Đảng bộ hiện có 1042 đảng viên/hơn 1.500 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động Bộ Tư pháp. Đây là lực lượng “hạt nhân” trong cơ quan, đơn vị, đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị nói chung, nhiệm vụ giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, nêu gương nói riêng trong cơ quan, đơn vị.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, nhiệm kỳ vừa qua, Đảng bộ Bộ Tư pháp và các chi bộ, đảng bộ trực thuộc, tổ chức chính trị - xã hội đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, phát huy tinh thần trách nhiệm nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ và đạt được nhiều kết quả tích cực.

1. Thực trạng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, tinh thần trách nhiệm nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng Bộ

1.1. Kết quả đạt được

- Đảng ủy Bộ đã bám sát Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, các chỉ thị, nghị quyết, quy định của Trung ương và cấp ủy cấp trên để tổ chức việc học tập, quán triệt đầy đủ, kịp thời đến cán bộ, đảng viên. Trong nhiệm kỳ, hầu hết các văn bản, nghị quyết của Trung ương đều được sao gửi đến các tổ chức đảng và đảng viên để tự học tập, quán triệt và triển khai thực hiện dưới nhiều hình thức

¹ Ban Tuyên giáo Đảng ủy Bộ Tư pháp

phong phú, đa dạng như: Tổ chức Hội nghị học tập chuyên đề; thông báo nhanh hoặc quán triệt trong giao ban Lãnh đạo Bộ cho đội ngũ cán bộ chủ chốt; đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ; sao gửi để tổ chức học tập, quán triệt trong sinh hoạt Chi bộ; tổ chức thảo luận chuyên sâu và vận dụng trong công tác xây dựng, thẩm định văn bản, hoàn thiện hệ thống pháp luật...

- Đảng ủy Bộ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI và khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ và Nghị quyết số 05-NQ/ĐUK ngày 25/01/2017 của Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương về “đổi mới công tác tư tưởng nhằm đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

- Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 05-CT/TW được đẩy mạnh; gắn với triển khai thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương và Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức Ngành Tư pháp. Ban cán sự đảng Bộ đã ban hành Kế hoạch số 04-KH/BCS ngày 29/11/2016 về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” giai đoạn 2016 - 2021. Hằng năm Đảng ủy Bộ đều ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo chủ đề bám sát điều kiện thực tiễn của Bộ và từng cơ quan, đơn vị. Trong ba năm gần đây đều tiến hành đánh giá và ban hành Nghị quyết để chỉ đạo, hướng dẫn và lựa chọn làm điểm việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh tại một số tổ chức đảng trực thuộc với nhiều mô hình hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả đã được xây dựng. Kết quả hằng năm, 100% cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên đều đăng ký kế hoạch học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các quy định về trách nhiệm nêu gương, qua đó góp phần tích cực trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và đấu tranh phòng chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên trong Đảng Bộ.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội đã chú trọng đưa nội dung giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; phòng, chống những biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ vào nội dung sinh hoạt cấp ủy, chi bộ, tổ chức chính trị - xã hội. Mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cấp ủy viên, Thủ trưởng đơn vị, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội đã xây dựng bản cam kết rèn luyện, giữ gìn đạo đức, lối sống, không suy thoái, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, các quy định về trách nhiệm nêu gương. Nhờ vậy hầu hết các đảng viên của Đảng bộ đều giữ vững bản lĩnh

chính trị, phẩm chất đạo đức cách mạng, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ đảng viên theo Điều lệ Đảng, không suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyên hóa” trong nội bộ đến mức phải bị xử lý; yên tâm công tác và nỗ lực cố gắng để hoàn thành tốt nhất các nhiệm vụ được giao.

- Công tác bồi dưỡng lý luận chính trị, nghiệp vụ công tác đảng cho đội ngũ cấp ủy, cán bộ, đảng viên luôn được Đảng ủy Bộ quan tâm chú trọng. Trong nhiệm kỳ, Đảng ủy Bộ đã tổ chức 01 lớp tập huấn nghiệp vụ công tác đảng cho 120 cấp ủy viên và cán bộ làm công tác đảng; phối hợp với Trung tâm Bồi dưỡng chính trị Đảng ủy Khối tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao nhận thức về đảng cho 313 quần chúng ưu tú thuộc diện kết nạp Đảng; bồi dưỡng lý luận chính trị cho 274 đảng viên dự bị; cử hơn 30 lượt cán bộ thuộc diện quy hoạch cấp ủy, quy hoạch cấp vụ đi học các lớp lý luận chính trị cao cấp; 21 lượt cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương quản lý tham dự khóa bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng.

- Đảng ủy Bộ đã phát huy vai trò của đội ngũ Báo cáo viên, cộng tác viên, các cơ quan báo chí của Bộ để làm tốt công tác tuyên truyền miệng, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tăng cường nắm bắt dư luận, tình hình diễn biến tư tưởng; chú trọng đối thoại trong sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt đơn vị để kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, giải tỏa các vấn đề về tư tưởng của cán bộ, đảng viên để mọi người yên tâm lao động, làm việc; thường xuyên tổ chức mời báo cáo viên Trung ương nói chuyện thời sự, cung cấp kịp thời cho cán bộ, đảng viên các thông tin về tình hình chính trị trong nước, thế giới, nhất là tình hình biển Đông; chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ta về chống lại âm mưu “diễn biến hòa bình”, về chính sách tôn giáo, những điểm nóng về chính trị trên thế giới... Các chi bộ, đảng bộ đã tổ chức sinh hoạt chuyên đề định kỳ về nội dung liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ của đơn vị, những vấn đề dư luận xã hội quan tâm liên quan đến lĩnh vực công tác để gắn công tác đảng với thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

- Đảng ủy Bộ luôn xác định công tác giáo dục lịch sử, truyền thống của Bộ, Ngành, đất nước là nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên, lâu dài, xuyên suốt trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo và có nhiều chủ trương, biện pháp, hình thức thực hiện hiệu quả theo Đề cương do Ban Tuyên giáo Trung ương và Đảng ủy Khối các cơ quan trung ương phát hành. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Thanh niên có nhiều hình thức giáo dục truyền thống hấp dẫn, thu hút nhiều đảng viên, công

chức, viên chức, người lao động tham gia như: tổ chức hoạt động về nguồn²; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ (Công đoàn, Đoàn Thanh niên), Tọa đàm, thi trực tuyến tìm hiểu truyền thống Ngành Tư pháp (Đoàn Thanh niên).

Có thể khẳng định, nhiệm kỳ vừa qua, Ban Tuyên giáo Đảng ủy Bộ đã tích cực tham mưu với Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ lãnh đạo cấp ủy trực thuộc và các tổ chức chính trị - xã hội trong cơ quan tổ chức có hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, phát huy tinh thần trách nhiệm nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ Bộ Tư pháp với hình thức phù hợp với đặc thù của cơ quan, đơn vị. Qua đó, đã nâng cao nhận thức chính trị, giúp cán bộ, đảng viên nắm vững nền tảng tư tưởng, chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước để thể chế hóa, cụ thể hóa trong thực thi công vụ; củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, thống nhất trong nhận thức và hành động để đồng thuận trong thực hiện, phát huy tốt vai trò hạt nhân chính trị của tổ chức đảng và đảng viên trong cơ quan, đơn vị.

1.2. Một số tồn tại, hạn chế

Bên cạnh kết quả đã đạt được, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng còn tồn tại, hạn chế như: Còn tổ chức đảng chưa làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nhất là trong nắm bắt tình hình, định hướng tư tưởng cho cán bộ đảng viên. Hình thức giáo dục chính trị, tư tưởng có lúc chưa đổi mới, hấp dẫn. Việc sinh hoạt chi bộ, nhất là sinh hoạt chuyên đề gắn với nâng cao hiệu quả công tác giáo dục chính trị - tư tưởng tuy có đổi mới nhưng một số nơi vẫn chưa thực chất, hiệu quả thấp. Tồn tại, hạn chế này có nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong đó nguyên nhân chủ quan từ sự chưa chủ động, sáng tạo trong đổi mới công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức của một số đơn vị, tổ chức.

2. Nhiệm vụ, giải pháp và một số đề xuất, kiến nghị

2.1. Nhiệm vụ, giải pháp

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, phát huy tinh thần trách nhiệm nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên cần tập trung lãnh đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ giải pháp sau đây:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức của các tổ chức Đảng và đảng viên, đặc biệt là người đứng đầu tổ chức Đảng, cơ quan, đơn vị về vai trò của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức; tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với công tác này nhằm tạo sự đồng thuận và nhất trí cao trong tư tưởng và hành

² Cấp ủy, Công đoàn tổ chức thăm khu di tích Bộ Tư pháp; Đoàn Thanh niên tổ chức Hội trại về nguồn tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang nhân kỷ niệm 70 năm Ngày truyền thống ngành Tư pháp; Hội Cựu chiến binh và Đoàn Thanh niên tổ chức thăm, giáo dục truyền thống tại các “địa chỉ đỏ” di tích cách mạng...

động gắn với thực hiện chuẩn mực đạo đức cán bộ, công chức, viên chức ngành Tư pháp. Cán bộ, đảng viên cần nêu gương về ý thức, thái độ học tập lý luận, coi đây là công việc thường xuyên, là nhu cầu tự thân. Cấp ủy đảng, tổ chức chính trị - xã hội xây dựng kế hoạch hàng năm, căn cứ theo từng đối tượng để xây dựng nội dung, chương trình, loại hình tổ chức học tập phù hợp.

Thứ hai, đổi mới nội dung, hình thức, cách thức tiến hành công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức. Về nội dung, phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ chính trị. Phát triển các hình thức, kênh tuyên truyền phù hợp với đặc điểm của các tổ chức cơ sở Đảng. Đổi mới hình thức giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức; nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, quán triệt, triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng; đa dạng hoá các hình thức phổ biến pháp luật; giáo dục lý tưởng cách mạng, truyền thống yêu nước, ý thức tự tôn dân tộc, tự hào nghề nghiệp, yêu ngành, yêu nghề với hình thức phù hợp với thực tiễn, chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng các hình thức phong phú, hấp dẫn thu hút đông đảo cán bộ, đảng viên tham gia như: giáo dục về nguồn, giáo dục trực quan, tổ chức thi tìm hiểu, gắn với hoạt động phong trào, văn hóa, văn nghệ...

Thứ ba, tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 Khóa XI, XII; Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị; Quy định số 101-QĐ/TW của Ban Bí thư và các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; cụ thể hóa thành nhiệm vụ thường xuyên, hàng ngày của cán bộ, đảng viên; xây dựng, nhân rộng gương điển hình tiên tiến; gắn với đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng, chất lượng đảng viên và đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.

Thứ tư, phát huy vai trò của hệ thống các cơ quan báo chí, truyền thông của Bộ trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cho cán bộ, đảng viên. Thông tin phải kịp thời để định hướng, giáo dục chính trị tư tưởng của cán bộ, đảng viên theo phương châm “Lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực”, “lấy cái đẹp dẹp cái xấu”. Qua đó, tạo hiệu ứng tác động lan tỏa cơ quan, đơn vị. Chú trọng có các tin, bài về các lĩnh vực của Bộ, ngành Tư pháp trong việc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phê phán các quan điểm sai trái, thù địch.

Thứ năm, tiến hành đồng thời công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, phát huy tinh thần trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên với công tác tổ chức, cán bộ và công tác thi đua, khen thưởng. Thực hiện công khai, dân chủ, khách quan, công tâm trong đánh giá, phân loại tổ chức Đảng, đảng viên gắn với đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hàng năm; giải quyết hài hòa quyền, lợi ích chính đáng của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

Thứ sáu, tăng cường đối thoại, trách nhiệm giải trình trong các cuộc họp, sinh hoạt chi bộ, đơn vị; chủ động nắm bắt kịp thời những diễn biến tư tưởng mới nảy sinh trong cán bộ, đảng viên để giải quyết kịp thời.

2.2. Một số đề xuất, kiến nghị

- Nghiên cứu, xây dựng Nghị quyết chuyên đề của Đảng uỷ về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, phát huy trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên trong Đảng Bộ trên cơ sở cụ thể hoá Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

- Tiếp tục kiện toàn Ban Tuyên giáo Đảng uỷ Bộ để bảo đảm hoạt động hiệu quả, đáp ứng tốt yêu cầu của công tác tuyên giáo trong nhiệm kỳ mới.

THAM LUẬN

ĐỔI MỚI VIỆC HỌC TẬP, QUÁN TRIỆT, PHỔ BIẾN VÀ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC VĂN BẢN, NGHỊ QUYẾT CỦA TRUNG ƯƠNG VÀ CẤP ỦY CẤP TRÊN TẠI ĐẢNG BỘ BỘ TƯ PHÁP³

1. Vị trí, vai trò của việc học tập, quán triệt, phổ biến và tổ chức triển khai thực hiện các văn bản, nghị quyết

Trước hết, việc học tập, quán triệt, phổ biến và tổ chức triển khai thực hiện các văn bản, nghị quyết của Đảng có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng, là bảo đảm để Cương lĩnh, quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng được thể hiện trong văn bản, nghị quyết đi vào cuộc sống, qua đó xác lập, hiện thực hóa sự lãnh đạo và cầm quyền của Đảng đối với Nhà nước và xã hội; tạo sự thống nhất tư tưởng trong Đảng. Thực hiện hiệu quả công tác này còn giúp mỗi cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng, cán bộ, đảng viên nắm vững nền tảng tư tưởng của Đảng, biết vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng trong điều kiện thực tiễn công tác. Từ đó, kiên định nền tảng tư tưởng, mục tiêu, lý tưởng và đường lối đổi mới, giữ vững bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng; xác lập, củng cố, bồi đắp niềm tin, mối quan hệ gắn bó đối với Đảng; tích cực tham gia xây dựng đảng và hệ thống chính trị, quản lý nhà nước và xã hội; tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên, quần chúng tuân thủ và chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, tạo sự đồng thuận xã hội trong thực hiện, củng cố mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa người dân với Đảng và với chế độ. Thực hiện tốt các văn bản, nghị quyết còn giúp mỗi cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng, cán bộ, đảng viên thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao, đi đúng đường lối chính trị, không phạm phải các sai lầm về chính trị và đường lối, phòng ngừa, hạn chế đến mức thấp nhất sai sót, vi phạm hoặc hành vi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ dẫn đến phải bị xử lý, thi hành kỷ luật, góp phần giữ vững kỷ cương, kỷ luật đảng.

2. Kết quả thực hiện triển khai thực hiện trong Đảng Bộ

Những năm qua, nhất là trong nhiệm kỳ Đại hội X của Đảng Bộ, việc học tập, quán triệt, phổ biến và tổ chức triển khai thực hiện các văn bản, nghị quyết của Đảng luôn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm mà cấp ủy, tổ chức đảng, từng cán bộ, đảng viên phải tích cực triển khai thực hiện, cụ thể là:

³ Chi bộ Văn phòng Đảng-Đoàn thể

Thứ nhất, Đảng ủy Bộ có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cấp ủy đảng trực thuộc tổ chức việc học tập, quán triệt, phổ biến và triển khai thực hiện Văn kiện Đại hội XII của Đảng, của Đảng bộ Khối; văn kiện Đại hội X của Đảng Bộ và hầu hết các văn bản, nghị quyết của Trung ương và cấp ủy cấp trên cho cán bộ, đảng viên. Việc học tập, quán triệt, phổ biến được thực hiện dưới nhiều hình thức: Sao gửi để chi bộ tổ chức học tập trong sinh hoạt chi bộ định kỳ hoặc đảng viên tự nghiên cứu; đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử; tổ chức Hội nghị thông báo nhanh, quán triệt tại Hội nghị giao ban cho đội ngũ cán bộ chủ chốt; tổ chức Hội nghị học tập chuyên đề hoặc bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ công tác đảng hằng năm... Nội dung tập trung vào các điểm mới, các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu, nhất là những vấn đề có liên quan trực tiếp đến công tác xây dựng đảng, các lĩnh vực công tác của Bộ, ngành...

Thứ hai, Căn cứ nhiệm vụ được giao, các cấp ủy đảng ban hành chương trình hành động để triển khai thực hiện, trọng tâm là các văn bản liên quan đến công tác xây dựng đảng, tổ chức bộ máy, cán bộ, các Nghị quyết Trung ương và các văn bản khác liên quan đến phát triển ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ. Đối với các nhiệm vụ thường xuyên đều được cụ thể hóa trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm gắn với triển khai nhiệm vụ chính trị và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị để có nguồn lực bảo đảm. Đối với văn bản, nghị quyết liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, ngành, Bộ Tư pháp đều ban hành Chương trình, Kế hoạch thực hiện; thường xuyên rà soát, tham mưu thực hiện, bảo đảm kịp thời, nghiêm túc.

Thứ ba, Đã phân công, giao nhiệm vụ cho đơn vị làm đầu mối tham mưu, triển khai thực hiện phù hợp với tính chất, nội dung của từng văn bản, nghị quyết. Trong đó, chủ yếu là Văn phòng Đảng-Đoàn thể (*công tác xây dựng đảng*), Vụ Tổ chức cán bộ (*công tác tổ chức bộ máy, cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực*), Văn phòng Bộ (*công tác tham mưu tổng hợp, phát triển kinh tế-xã hội*) và các đơn vị thuộc Bộ (*liên quan đến các lĩnh vực quản lý*). Các đơn vị được giao nhiệm vụ đều tích cực rà soát, tham mưu Đảng ủy, Ban cán sự đảng xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đề ra và cơ bản hoàn thành theo tiến độ (trừ các nhiệm vụ thường xuyên hằng năm). Từ năm 2020, Văn phòng Đảng-Đoàn thể được giao là đầu mối chủ trì, phối hợp với các đơn vị theo dõi chung việc tổ chức triển khai thực hiện văn bản, nghị quyết trong Bộ.

Thứ tư, Chú trọng việc thể chế hóa các chủ trương, quan điểm, đường lối, chính sách trong văn bản, nghị quyết thành các quy phạm pháp luật, bảo đảm chất lượng, kịp thời, nhất là trong quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, thẩm định, góp ý đối với các dự thảo văn bản, kiểm tra,

rà soát, hệ thống hóa văn bản, pháp điển hóa quy phạm pháp luật, bảo đảm các văn bản sau khi được ban hành không trái với chủ trương, chính sách của Đảng.

Thứ năm, Sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện theo yêu cầu của Trung ương hoặc tổng kết công tác hằng năm hoặc theo chuyên đề đối với các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành⁴. Hằng năm, khi kiểm điểm, đánh giá, xếp loại các đơn vị, tổ chức đảng, đảng viên, tổ chức chính trị - xã hội, Đảng ủy, Ban cán sự đảng, lãnh đạo Bộ, Thủ trưởng các đơn vị và cấp ủy đều đánh giá mức độ tự học tập, tìm hiểu, tuân thủ, chấp hành và tổ chức thực hiện văn bản, nghị quyết, coi đây là tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm. Đối với một số văn bản, nghị quyết chuyên đề, Đảng ủy Bộ đều chỉ đạo xây dựng và thực hiện làm điểm để rút kinh nghiệm như nâng cao chất lượng sinh hoạt Chi bộ; học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Đặc biệt, năm 2019, Đảng ủy đã phối hợp với Ban cán sự đảng, Lãnh đạo Bộ chỉ đạo, hướng dẫn cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc xây dựng Kế hoạch và tổ chức tổng rà soát việc triển khai thực hiện **1961** văn bản, nghị quyết của Trung ương ban hành từ năm 2011 đến nay. Từ đó đề ra nhiều giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo để nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả tổ chức thực hiện các văn bản, nghị quyết của Trung ương và cấp ủy cấp trên tại Bộ, trọng tâm là làm rõ nội dung, quy trình, giao trách nhiệm cho các đơn vị và đơn vị đầu mối theo dõi chung và cơ chế bảo đảm trong tổ chức thực hiện văn bản, nghị quyết tại Bộ⁵.

Đến nay, nhận thức về vị trí, vai trò của việc học tập, quán triệt, phổ biến, tổ chức thực hiện các văn bản, nghị quyết được nâng lên, là tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và trở thành việc làm tự thân, thường xuyên, hằng ngày của mỗi tổ chức đảng và từng cán bộ, đảng viên; của cơ quan, đơn vị, tổ chức. Hầu hết chủ trương, chính sách, quy định của Đảng được quán triệt đầy đủ, thực hiện nghiêm túc, không có sai sót, vi phạm đến mức phải bị xử lý, thi hành kỷ luật đảng. Đã gắn kết chặt chẽ hơn giữa triển khai tổ chức thực hiện các

⁴ Năm 2019 và năm 2020 đã tham mưu tổng kết: Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân; Chỉ thị số 33-CT/TW của Ban Bí thư ngày 30/3/2000 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của luật sư; Chỉ thị số 39-CT/TW của Ban Bí thư ngày 09/12/2009 về hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật, cải cách hành chính và cải cách tư pháp; các văn bản, nghị quyết về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN...

⁵ Ban hành Kế hoạch số 813/KH-BTP ngày 11/3/2019 tổng rà soát việc triển khai thực hiện các văn bản, nghị quyết của Trung ương từ năm 2011 đến nay; ii) Tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả tổng rà soát và ban hành Kết luận Hội nghị đề triển khai thực hiện thống nhất trong Bộ (Báo cáo số 237/BC-BTP ngày 03/9/2019; Thông báo kết luận số 169-TBKL/ĐU ngày 04/9/2019); iii) Ban hành Hướng dẫn số 514-HD/BCSĐ ngày 12/11/2019 về nội dung, quy trình tổ chức triển khai thực hiện văn bản, nghị quyết của Trung ương và cấp ủy cấp trên tại Bộ.

văn bản, nghị quyết với công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

3. Những thuận lợi và khó khăn

3.1. Thuận lợi

- Công tác xây dựng đảng có vị trí, vai trò quan trọng, được chú trọng hơn trong nhiệm kỳ Đại hội XII; việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện được thực hiện thường xuyên, sát sao, kịp thời; vị trí, vai trò của Bộ, ngành Tư pháp được khẳng định và ngày càng tăng cường.

- Đảng ủy, Ban cán sự đảng, cấp ủy, Thủ trưởng đơn vị luôn chỉ đạo sát sao, kịp thời thể chế hóa, cụ thể hóa; cán bộ, đảng viên nhận thức đầy đủ, đúng đắn về vị trí, vai trò và trách nhiệm trong thực hiện các văn bản, nghị quyết.

- Đảng bộ có truyền thống đoàn kết nhất trí cao; tính chất công việc của Bộ gắn liền với trách nhiệm thể chế hóa, cụ thể hóa quan điểm, chủ trương, đường lối thành chính sách, pháp luật gắn với hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nên việc học tập, tìm hiểu các văn bản, nghị quyết là nhu cầu tự thân, hàng ngày của mỗi cơ quan, đơn vị và từng cán bộ, đảng viên.

- Các văn bản, nghị quyết của Đảng được ban hành đầy đủ, kịp thời, nội dung khái quát, ngắn gọn, rõ ràng, xác định đúng các vấn đề thực tiễn đòi hỏi.

3.2. Khó khăn

- Khối lượng nhiệm vụ, công việc chuyên môn trong các đơn vị rất lớn, yêu cầu cao cả về chất lượng và tiến độ, nhiều nhiệm vụ đột xuất phát sinh trong khi công tác đảng chủ yếu là kiêm nhiệm.

- Văn bản, nghị quyết có tính khái quát cao, phạm vi điều chỉnh rộng; mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ nhiều, có việc trước mắt, có việc phải triển khai lâu dài, vì thế việc thể chế hóa, cụ thể hóa thành nhiệm vụ, hoạt động cụ thể không phải lúc nào cũng dễ dàng và thuận lợi.

- Hiện chưa rõ hoạt động, nhiệm vụ cần thực hiện trong nội hàm của khái niệm tổ chức thực hiện văn bản, nghị quyết; thiếu cơ chế và nguồn lực bảo đảm thực hiện các văn bản, nghị quyết, cả về nhân lực và kinh phí.

- Một số văn bản, nghị quyết ban hành đã lâu, nội dung có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp với thực tiễn nhưng chậm được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc chấm dứt hiệu lực gây khó khăn trong đơn đốc, theo dõi thực hiện, nhất là trong thể chế hóa, cụ thể hóa phù hợp trước yêu cầu mới.

- Hiện chưa rõ đơn vị chủ trì, làm đầu mối tham mưu, theo dõi việc tổ chức triển khai thực hiện các văn bản, nghị quyết một cách đồng bộ và có hệ thống.

- Việc rà soát việc triển khai thực hiện các văn bản, nghị quyết dưới dạng Mật, Tối mật, Tuyệt mật rất khó khăn; việc lưu trữ, quản lý văn bản, nghị quyết chưa khoa học, khó tra cứu, khai thác, sử dụng trong thực thi công vụ.

4. Một số bài học kinh nghiệm

4.1. Sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, kịp thời của Ban cán sự đảng, Đảng ủy, nhất là ban hành Chương trình hành động, Kế hoạch thực hiện; tổ chức việc học tập, quán triệt, phổ biến, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra là nhân tố quyết định. Sự tích cực, chủ động, sáng tạo trong tham mưu, triển khai thực hiện của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy là bảo đảm để thành công. Sự vào cuộc của các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan, đơn vị là nhân tố thúc đẩy để việc tổ chức thực hiện đạt chất lượng và hiệu quả.

4.2. Mỗi cán bộ, đảng viên phải tích cực, chủ động tự giác tự tìm hiểu, học tập, vận dụng văn bản, nghị quyết trong hoạt động công vụ phù hợp với điều kiện thực tiễn, coi đây là công việc tự thân, hằng ngày của mỗi người để tích cực, chủ động, sáng tạo tham mưu cấp ủy, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện.

4.3. Định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và giao nhiệm vụ cụ thể trong triển khai thực hiện cho từng cơ quan, đơn vị, tổ chức; phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm, sự tích cực, chủ động, sáng tạo của tổ chức giúp việc Ban cán sự đảng, Văn phòng Đảng-Đoàn thể, cán bộ làm công tác đảng của cơ quan, đơn vị.

4.4. Bám sát nhiệm vụ chính trị, gắn học tập, quán triệt, triển khai thực hiện văn bản, nghị quyết với nhiệm vụ chuyên môn; phải thường xuyên rà soát, kiểm tra, đôn đốc, theo dõi việc thực hiện gắn với kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng; chú trọng xây dựng, nhân rộng mô hình hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đăng tải kịp thời các văn bản...

4.5. Chú trọng sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện; kịp thời khen thưởng, động viên các nhân tố tích cực; phát hiện, chấn chỉnh xử lý, các hành vi tiêu cực; tham khảo, học tập kinh nghiệm tại các cơ quan, tổ chức tương đồng.

5. Một số giải pháp cụ thể

5.1. Cấp ủy, Thủ trưởng đơn vị tiếp tục quán triệt, phổ biến và triển khai thực hiện có hiệu quả Thông báo Kết luận số 169-TBKL/ĐU ngày 04/9/2019 của Đảng ủy Bộ và Hướng dẫn số 514-HD/BCSD ngày 12/11/2019 của Ban cán sự đảng về nội dung, quy trình tổ chức triển khai thực hiện văn bản, nghị quyết của Trung ương và cấp ủy cấp trên tại Bộ để các văn bản, nghị quyết được quán

triệt đầy đủ, triển khai thực hiện nghiêm túc theo đúng nội dung, quy trình và yêu cầu đề ra trong các văn bản nêu trên.

5.2. Đa dạng hóa hình thức học tập, phổ biến gắn với tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; đề cao trách nhiệm tự học tập, tìm hiểu, vận dụng của đảng viên, cán bộ. Đổi mới phương pháp học tập, quán triệt, phổ biến văn bản, nghị quyết phù hợp với thực tiễn từng đơn vị, từng nhóm đối tượng; phát huy đầy đủ vai trò của đội ngũ Báo cáo viên trong tuyên truyền miệng. Tập trung quán triệt, phổ biến điểm mới, nội dung chính sách, chủ trương lớn; xác định rõ nhiệm vụ, các vấn đề đặt ra đối với Bộ, ngành trong triển khai thực hiện...

5.3. Tiếp tục quán triệt, phổ biến nâng cao nhận thức của cấp ủy, Thủ trưởng đơn vị về vị trí, vai trò và trách nhiệm trong tổ chức thực hiện văn bản, nghị quyết của Đảng. Theo đó, trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện văn bản, nghị quyết thuộc về Ban cán sự đảng, Đảng ủy Bộ và của các cấp ủy trực thuộc. Trách nhiệm trực tiếp thực hiện thuộc về cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, thủ trưởng các đơn vị và từng cán bộ, đảng viên. Mỗi vị trí công tác phải chủ động học tập, tìm hiểu để nắm vững nội dung, tinh thần của văn bản, nghị quyết, nhất là nhiệm vụ được giao để cụ thể hóa trong thực thi công vụ và thực hiện nhiệm vụ đảng viên. Đề cao trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thực hiện văn bản, nghị quyết, trọng tâm là: i) Tổ chức học tập, quán triệt, phổ biến, trong cán bộ, đảng viên; ii) Chủ động rà soát nhiệm vụ, phối hợp với cấp ủy, tổ chức đảng cùng cấp tham mưu xây dựng trình Ban cán sự đảng, Đảng ủy Bộ ban hành Chương trình hành động, kế hoạch triển khai thực hiện; iii) Chủ động bố trí nguồn lực, đưa triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm để gắn kết với các nhiệm vụ chính trị, chuyên môn; iv) Kịp thời thể chế hóa, cụ thể hóa chủ trương, chính sách, nhiệm vụ thành pháp luật bảo đảm chất lượng, đúng tiến độ; v) Kịp thời tham mưu sơ kết, tổng kết, theo dõi kết quả thực hiện; xây dựng, nhân rộng mô hình hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả; vi) Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp với cấp ủy, các tổ chức chính trị - xã hội trong triển khai thực hiện.

5.4. Xác định rõ nội dung kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện các văn bản, nghị quyết trong Chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm, đột xuất; tăng cường cơ chế tự kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng trong tổ chức thực hiện.

5.5. Quản lý chặt chẽ văn bản, nghị quyết bảo đảm tính hệ thống, khoa học, dễ tra cứu, khai thác, sử dụng, nhất là văn bản, nghị quyết dưới dạng Mật, Tối mật, Tuyệt mật; gắn kết tổ chức thực hiện văn bản, nghị quyết với thực hiện chế độ bảo mật, bảo vệ chính trị nội bộ để tránh thất lạc, làm lộ lọt thông tin, tài liệu;

chấn chỉnh công tác văn thư, lưu trữ, thường xuyên đôn đốc, theo dõi việc triển khai thực hiện tại các đơn vị để có biện pháp tháo gỡ các vướng mắc phát sinh.

6. Đề xuất, kiến nghị

6.1. Đối với Trung ương

- Thường xuyên rà soát để sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản, nghị quyết không còn phù hợp hoặc đã hoàn thành các nhiệm vụ đề ra; chú trọng rà soát, hệ thống hóa và công bố những văn bản hết hiệu lực.

- Chỉ đạo Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ, các Bộ, ngành, đoàn thể, các cơ quan tư pháp quan tâm thể chế hóa, cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng trong quá trình tham mưu xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách, soạn thảo các văn bản để chủ trương, chính sách được bảo đảm thực hiện bằng pháp luật, đi vào cuộc sống.

- Hướng dẫn định mức chi cho công tác đảng, quan tâm đầu tư kinh phí, nguồn lực để tổ chức thực hiện văn bản, nghị quyết.

6.2. Đối với Đảng ủy Khối

- Đề nghị làm rõ trách nhiệm của tổ chức đảng trong cơ quan cấp Bộ có trách nhiệm triển khai thi hành văn bản, nghị quyết để tránh trùng lặp.

- Thường xuyên rà soát, hệ thống hóa các văn bản, nghị quyết do Đảng ủy Khối ban hành để sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới.

- Thường xuyên tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ tổ chức triển khai thực hiện các văn bản, nghị quyết; chỉ đạo, hướng dẫn, đổi mới công tác quán triệt, phổ biến các văn bản, nghị quyết.

THAM LUẬN

XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NỮ CỦA BỘ, NGÀNH TƯ PHÁP ĐÁP ỨNG YÊU CẦU THỰC TIỄN PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN MỚI⁶

Trong suốt chặng đường cách mạng, Đảng ta luôn quan tâm lãnh đạo công tác phụ nữ và thực hiện mục tiêu bình đẳng giới. Bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chủ trương này tiếp tục được thể hiện xuyên suốt trong các văn kiện, chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Văn kiện Đại hội XII của Đảng xác định một trong những phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2016 - 2020 là “Thực hiện hiệu quả các giải pháp thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; ... Nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ; thực hiện tốt bình đẳng giới, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển tài năng...”.

Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác cán bộ nữ và bình đẳng giới, với nhận thức sâu sắc về vai trò của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nữ đối với sự phát triển của Bộ, ngành Tư pháp, trong nhiệm kỳ vừa qua, Ban cán sự đảng, Đảng ủy, Lãnh đạo Bộ Tư pháp đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ nhằm xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nữ tương xứng với tiềm năng và đóng góp của đội ngũ cán bộ nữ đối với Bộ, ngành Tư pháp, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế sâu, rộng về tư pháp và pháp luật.

Tại Đại hội, Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ ngành Tư pháp tập trung vào một số kết quả nổi bật trong công tác cán bộ nữ giai đoạn 2016 - 2020 của Bộ, ngành Tư pháp và đề xuất giải pháp tiếp tục xây dựng, phát triển đội ngũ công chức, viên chức nữ có đủ năng lực, trình độ, phẩm chất chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm mục tiêu bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2025.

I. NHỮNG KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG CÔNG TÁC CÁN BỘ NỮ NHIỆM KỲ 2016 - 2020

Trong giai đoạn 2016 - 2020, Bộ, ngành Tư pháp đã được Đảng, Chính phủ tin tưởng giao chủ trì nhiều nhiệm vụ quan trọng mang tính chiến lược nhằm thực hiện mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng, bảo đảm quốc phòng an ninh và ổn định chính trị xã hội, tăng

⁶ Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ Ngành Tư pháp

cường hoạt động đối ngoại và nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế. Với tỷ lệ 65,4% trong tổng số biên chế của Bộ Tư pháp, đội ngũ công chức, viên chức, người lao động nữ đã và đang có những đóng góp quan trọng trong việc thực hiện những nhiệm vụ chính trị mà Đảng, Nhà nước đã giao.

Để phát huy trí tuệ, tiềm năng của đội ngũ công chức, viên chức nữ trong hoạt động quản lý nhà nước của Bộ, ngành Tư pháp, với vai trò là cơ quan tham mưu, giúp Bộ trưởng tổ chức thực hiện công tác bình đẳng giới trong ngành Tư pháp, trong nhiệm kỳ vừa qua, Ban VSTBPN ngành Tư pháp đã chủ động tham mưu, đề xuất với Ban cán sự đảng, Đảng ủy, Lãnh đạo Bộ xây dựng, ban hành Kế hoạch hoạt động về bình đẳng giới của ngành Tư pháp giai đoạn 2016 - 2020 với 3 mục tiêu và 12 chỉ tiêu định lượng nhằm tăng cường quyền bình đẳng của nữ công chức, viên chức trong công tác quản lý, lãnh đạo, đào tạo, bồi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và thụ hưởng các chế độ, chính sách khác. Với sự chỉ đạo sát sao của Ban cán sự đảng, Đảng ủy, Lãnh đạo Bộ, sự quyết tâm và trách nhiệm của các đơn vị thành viên Ban VSTBPN, công tác cán bộ nữ của Bộ, ngành Tư pháp đã đạt được những kết quả rõ nét, cụ thể là:

1. Thể chế về công tác cán bộ được quan tâm hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý và điều kiện thuận lợi để đội ngũ công chức, viên chức nữ tham gia vào hoạt động quản lý, lãnh đạo

Căn cứ vào quy định của Luật bình đẳng giới và các mục tiêu bình đẳng giới của ngành Tư pháp, từ năm 2016 đến nay, Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ ngành Tư pháp mà vai trò nòng cốt là Vụ Tổ chức cán bộ (cơ quan thường trực của Ban) đã tham mưu trình Ban cán sự đảng, Lãnh đạo Bộ ban hành nhiều văn bản quan trọng, đồng bộ về công tác tổ chức, cán bộ, trong đó đã chú trọng lồng ghép vấn đề bình đẳng giới với những quy định cụ thể kèm chỉ tiêu mang tính định lượng, từ đó góp phần tăng cường sự tham gia của công chức, viên chức nữ Bộ Tư pháp vào các vị trí lãnh đạo, quản lý. Một số minh chứng cụ thể như:

- Kế hoạch số 05-KH/BCSD ngày 26/12/2016 của Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp về rà soát, bổ sung các chức danh lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2017 - 2021 và xây dựng Quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2021 - 2026 đã đặt ra yêu cầu đạt tỷ lệ tối thiểu 25% nữ ở mỗi chức danh quy hoạch.

- Quyết định số 88-QĐ/BCSD ngày 06/12/2018 của Ban cán sự đảng ban hành Quy chế Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý của Bộ Tư pháp đặt yêu cầu: đảm bảo tỷ lệ cán bộ nữ đạt tối thiểu 25% ở mỗi chức danh quy hoạch.

- Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, biệt phái, luân chuyển công chức, viên chức của Bộ Tư pháp ban hành kèm theo

Quyết định số 328/QĐ-BTP ngày 1/3/2018 đã có những quy định bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ và nam giới như: không thực hiện điều động công chức, viên chức nữ đang mang thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi (trừ trường hợp công chức, viên chức có nguyện vọng điều động) và nam công chức, nếu do điều kiện khách quan hoặc do vợ đã mất thì cũng được áp dụng quy định này; không biệt phái công chức, viên chức nữ đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi (trừ trường hợp công chức, viên chức có nguyện vọng biệt phái); không thực hiện luân chuyển công chức, viên chức nữ đang mang thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi (trừ trường hợp công chức, viên chức có nguyện vọng luân chuyển) và công chức nam nếu do điều kiện khách quan hoặc do vợ đã mất thì cũng được áp dụng quy định này.

- Quy chế đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của Bộ Tư pháp ban hành kèm theo Quyết định số 273/QĐ-BTP ngày 12/2/2018 đã quy định, trường hợp có nhiều đối tượng đủ điều kiện, tiêu chuẩn hơn chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng thì công chức, viên chức nữ là một trong những tiêu chí để xét ưu tiên.

- Hướng dẫn số 2119/BTP-TĐKT ngày 20/6/2018 của Bộ Tư pháp về xét, đề nghị tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp tư pháp đã có những quy định rất cụ thể về thời gian công tác, thời gian giữ chức vụ của công chức, viên chức nữ phù hợp với quy định tuổi nghỉ hưu của lao động nữ.

2. Chú trọng lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong công tác quy hoạch, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý

Công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo nữ của Bộ Tư pháp luôn được Ban cán sự đảng, Đảng ủy, Lãnh đạo Bộ quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thường xuyên, bài bản, nề nếp để tạo sự chủ động trong công tác bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng. Cùng với việc chú trọng trẻ hoá đội ngũ cán bộ, mạnh dạn quy hoạch những cán bộ trẻ có phẩm chất, có trình độ, năng lực và triển vọng phát triển vào các vị trí lãnh đạo, khắc phục từng bước tình trạng hụt hẫng, đảm bảo tính liên tục và kế thừa giữa các thế hệ cán bộ, Ban cán sự đảng, Lãnh đạo Bộ cũng đã quan tâm chỉ đạo đưa vào quy hoạch các cán bộ nữ để tăng số lượng cán bộ lãnh đạo nữ. Trong các kế hoạch về công tác quy hoạch, Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp đều đặt ra yêu cầu về độ “mở”, cơ cấu 03 độ tuổi, tỷ lệ cán bộ nữ (không dưới 25%) để các đơn vị quán triệt và triển khai thực hiện.

Đến nay, toàn Ngành đã cơ bản hoàn thành rà soát, bổ sung quy hoạch cho giai đoạn 2017 - 2021 và giai đoạn 2021 - 2026 và luôn đảm bảo tỷ lệ tối thiểu 25% nữ trong mỗi chức danh quy hoạch. So sánh giữa hai nhiệm kỳ cho thấy, tỷ lệ nữ công chức, viên chức của Bộ Tư pháp được đưa vào quy hoạch đã đạt

được những bước tiến đáng kể, cụ thể là: quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng giai đoạn 2014 - 2016 đạt 61%, giai đoạn 2016 - 2021 tăng đạt 64,8%; quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp vụ giai đoạn 2014 - 2016 đạt 38% thì trong giai đoạn 2016 - 2021 tăng đạt 43%.

Công tác quy hoạch được thực hiện bài bản đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác bổ nhiệm đối với công chức, viên chức nữ. Tỷ lệ nữ lãnh đạo cấp vụ của Bộ đã tăng từ 19% năm 2016 lên 32% năm 2019, cấp phòng tăng từ 55,4% năm 2016 lên 61% năm 2019 trong tổng số chức danh lãnh đạo cấp phòng ở các đơn vị thuộc Bộ. Trong nhiệm kỳ vừa qua, Bộ Tư pháp có 01 đồng chí Thứ trưởng là nữ, đạt tỷ lệ 17% lãnh đạo Bộ. Trong các quan thi hành án dân sự địa phương, tỷ lệ nữ lãnh đạo cấp Cục là 4,4%, cấp Chi cục là 19%.

Kế thừa kết quả tích cực trong công tác quy hoạch, bổ nhiệm, tỷ lệ nữ tham gia các cấp ủy Đảng nhiệm kỳ vừa qua cũng gặt hái những thành công nhất định. Tỷ lệ nữ tham gia Đảng ủy Bộ nhiệm kỳ 2016 - 2020 đạt 47%; tham gia cấp ủy tại các chi bộ, đảng bộ trực thuộc đạt 42%, đều tăng so với nhiệm kỳ 2011 - 2015, vượt chỉ tiêu đề ra trong Kế hoạch hoạt động bình đẳng giới của Ngành giai đoạn 2016 - 2020 và cao hơn nhiều so với chỉ tiêu quốc gia (từ 25% trở lên).

3. Tích cực đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện thuận lợi để nữ công chức, viên chức tiếp cận bình đẳng các cơ hội học tập, nâng cao trình độ mọi mặt

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đã có sự gắn kết chặt chẽ hơn với công tác quy hoạch và thực hiện đề án vị trí việc làm, có nhiều đổi mới về nội dung, tập trung đào tạo theo tiêu chuẩn chức danh cán bộ và khung năng lực vị trí việc làm, vừa tạo thế chủ động trong việc xây dựng nguồn cán bộ cho công tác quy hoạch, bổ nhiệm, vừa góp phần đẩy nhanh quá trình chuẩn hóa đội ngũ công chức, viên chức. Giáo trình đào tạo, tài liệu bồi dưỡng đa dạng, thường xuyên được hoàn thiện và cập nhật những quy định mới của pháp luật. Phương pháp đào tạo, bồi dưỡng cũng được đổi mới, lấy người học làm trung tâm, phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo của học viên và được bố trí khá linh hoạt về thời gian, bao gồm cả các lớp trong giờ và ngoài giờ hành chính. Đặc biệt, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, trong năm 2020, Bộ Tư pháp đã triển khai phương pháp đào tạo trực tuyến đối với một số lớp bồi dưỡng kỹ năng dành cho đội ngũ công chức, viên chức của Bộ và bước đầu được đánh giá là khá hiệu quả, phù hợp. Bộ Tư pháp cũng đã thực hiện xã hội hóa nguồn lực tài chính, quan tâm chọn, cử công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do các cơ quan chức năng tổ chức ở trong nước và nước ngoài, mở rộng cơ hội đào tạo, bồi dưỡng cho các công chức, viên chức của Bộ.

Với những giải pháp nêu trên, tỷ lệ nữ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng của Bộ thời gian qua luôn đạt từ 60-70% trong tổng số học viên. Tỷ lệ nữ công chức trẻ được đưa vào danh sách quy hoạch đào tạo trình độ chuyên môn sâu giai đoạn 2014 - 2020 chiếm trên 80%. Từ những giải pháp cụ thể nêu trên, trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, kỹ năng nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ nữ được nâng cao đáng kể. Tính đến hết năm 2019, tỷ lệ nữ có trình độ tiến sỹ tăng và đạt 49% trong tổng số công chức, viên chức có trình độ tiến sỹ; tỷ lệ nữ có trình độ thạc sỹ tăng và đạt 67% trong tổng số công chức, viên chức có trình độ thạc sỹ. Tỷ lệ nữ công chức, viên chức giữ ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương đạt 35,6%, ngạch chuyên viên chính đạt 54,4% trong tổng số công chức, viên chức giữ ngạch chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính của Bộ Tư pháp.

Trong Hệ thống cơ quan thi hành án dân sự, mặc dù công chức, viên chức nữ chiếm tỷ lệ dưới 50% trong tổng số công chức, viên chức nhưng tỷ lệ nữ được chọn, cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu tiêu chuẩn chức danh và khung năng lực vị trí việc làm cũng thường đạt trên 50% học viên. Tỷ lệ nữ có trình độ trên đại học chiếm 37,23% trong tổng số công chức, viên chức có trình độ trên đại học; tỷ lệ nữ giữ ngạch chuyên viên cao cấp là 5%, ngạch chuyên viên chính là 11,55%; ngạch chuyên viên là 51%.

4. Nâng cao đời sống tinh thần, đảm bảo sự tiếp cận và thụ hưởng bình đẳng của công chức, viên chức nữ đối với các chế độ, chính sách dành cho người lao động

Bộ Tư pháp luôn quan tâm và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước nhằm nâng cao đời sống tinh thần và thể chất của công chức, viên chức, người lao động nữ. Các chế độ thai sản, khám chữa bệnh, ưu đãi người có công, ưu đãi đối với công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số, hỗ trợ người có hoàn cảnh gia đình khó khăn... đều được thực hiện kịp thời, khách quan, chặt chẽ trên cơ sở quy định của pháp luật và các quy chế nội bộ. Hàng năm, Bộ Tư pháp đều tổ chức khám bệnh chuyên khoa cho công chức, viên chức, người lao động nữ; tổ chức nói chuyện chuyên đề; hoạt động văn hóa, thể thao nhằm xây dựng đội ngũ công chức, viên chức và người lao động nữ có sức khỏe, trí tuệ, có lối sống văn hóa, góp phần vào sự nghiệp phát triển chung của đất nước cũng như xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

5. Đánh giá chung

Bên cạnh kết quả tích cực nêu trên, việc thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới nói chung, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực nữ của Bộ, ngành Tư pháp nói riêng thời gian qua cũng còn một số khó khăn, hạn chế:

Mặc dù tỷ lệ nữ tham gia các vị trí lãnh đạo, quản lý của Bộ đã tăng nhưng chưa tương xứng với tỷ lệ nữ, tiềm năng và đóng góp của chị em (đặc biệt là trong Hệ thống thi hành án dân sự, tỷ lệ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý cấp Cục và Chi cục rất hạn chế so với lực lượng lao động nữ); tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý càng lên cao càng thấp; số lượng nữ chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp và tương đương tỷ lệ thấp. Đội ngũ chuyên gia pháp luật đầu Ngành ít, nữ chuyên gia đầu Ngành còn thiếu vắng và chưa đảm đương được nhiệm vụ tham mưu cho Đảng và Nhà nước hoạch định chính sách pháp luật và giải quyết những vấn đề pháp lý chiến lược đặt ra trong giai đoạn hội nhập quốc tế hiện nay.

Có nhiều nguyên nhân cả chủ quan và khách quan nhưng trước hết đó là rào cản nhận thức về vai trò giới của phụ nữ. Các định kiến giới còn tồn tại khá phổ biến trong đời sống xã hội, trong chính bản thân phụ nữ dưới hình thức là giá trị truyền thống, các phong tục tập quán đã cản trở sự tham gia và thụ hưởng đầy đủ quyền bình đẳng của phụ nữ trong đời sống xã hội, đặc biệt là trong lĩnh vực việc làm, thăng tiến nghề nghiệp, nâng cao trình độ năng lực, chăm sóc sức khỏe sinh sản... Thể chế, quy định của pháp luật về một số lĩnh vực của công tác tổ chức cán bộ tuy đã được hoàn thiện nhưng chưa đồng bộ, đầy đủ, còn quy định bất cập từ góc độ bình đẳng giới do quy định chênh lệch về tuổi nghỉ hưu giữa nam và nữ; tuổi đi đào tạo, bồi dưỡng không có sự phân tách về giới; nhiệm vụ của Bộ Tư pháp trong thời gian qua tăng nhanh song biên chế, chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức ngành Tư pháp chưa tương xứng với đặc thù, tính chất, yêu cầu công việc của Ngành, dẫn đến hiện tượng nữ công chức, viên chức có trình độ, năng lực và kinh nghiệm chuyên môn ngành; bản thân chị em phụ nữ còn tâm lý ngại phấn đấu vì ưu tiên thời gian để chăm sóc gia đình.

II. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NHẪM TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NỮ

Giai đoạn 2021 - 2025, phát triển bền vững là xu thế bao trùm trên thế giới và là quan điểm nhất quán của Đảng, Nhà nước ta. Các mục tiêu phát triển kinh tế phải đảm bảo hài hòa với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và độc lập, chủ quyền của đất nước. Nhân tố con người là trung tâm, là nguồn lực và mục tiêu của phát triển. Đối với Bộ, Ngành, trong xu thế đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và cải cách pháp luật, cải cách tư pháp, hội nhập quốc tế, vị thế, chức năng, nhiệm vụ của Bộ, Ngành sẽ ngày càng được đòi hỏi, yêu cầu cao hơn. Để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao và tiếp tục duy trì, nâng cao vị thế của Bộ, Ngành trong giai đoạn mới, với lực lượng công chức, viên chức nữ chiếm tỷ lệ quá nửa chắc chắn rất cần phải coi trọng và đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục

những khó khăn, bất cập trong công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ hiện nay, huy động tối đa trí tuệ, tiềm năng của đội ngũ công chức, viên chức nữ tham gia, đóng góp, bảo đảm thực hiện thành công các nhiệm vụ chính trị của Bộ, Ngành Tư pháp trong giai đoạn mới và đóng góp vào sự nghiệp xây dựng, phát triển chung của đất nước. Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ ngành Tư pháp đề xuất một số nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục xây dựng, phát triển đội ngũ công chức, viên chức nữ đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển Bộ, Ngành Tư pháp và đất nước trong giai đoạn mới như sau:

1. Trong hoàn thiện thể chế

Đề nghị Ban cán sự đảng, Đảng ủy Bộ tiếp tục quan tâm, chỉ đạo sát sao về công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ Bộ, ngành; tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, tổng hợp và tham mưu đề xuất với các cấp có thẩm quyền việc sửa đổi, bổ sung hay loại bỏ những quy định về công tác cán bộ nữ không còn phù hợp hoặc cản trở sự phát triển của đội ngũ công chức, viên chức nữ, từ đó đảm bảo việc tiếp cận, thụ hưởng bình đẳng của phụ nữ đối với các cơ hội việc làm, đào tạo, bồi dưỡng, thăng tiến trong sự nghiệp; ban hành Nghị quyết hoặc Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo trong công tác cán bộ nữ và bình đẳng giới.

2. Duy trì, phát huy các kết quả đã đạt được trong công tác cán bộ nữ

Đề nghị Ban cán sự đảng, Đảng ủy Bộ tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác cán bộ nữ và bình đẳng giới để duy trì, phát huy kết quả đã đạt được. Trước mắt cần tập trung thực hiện các giải pháp: (i) Chỉ đạo đưa nội dung công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ vào chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác định kỳ, sơ kết, tổng kết của Bộ, các đơn vị thuộc Bộ để nâng cao tính nề nếp, thường xuyên và hiệu quả thực hiện công tác này; (ii) Chỉ đạo tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức, viên chức nữ theo quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý và chuyên môn sâu; (iii) Chỉ đạo Thủ trưởng các đơn vị chưa có cán bộ lãnh đạo nữ quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm hoặc giới thiệu bổ nhiệm cán bộ nữ đủ điều kiện, tiêu chuẩn vào các vị trí lãnh đạo theo quy hoạch; (iv) Định kỳ kiểm tra việc đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng công chức, viên chức nữ theo vị trí việc làm, Quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý, quy hoạch đội ngũ công chức trẻ chuyên môn sâu là nữ đã được phê duyệt của đơn vị; (v) Có quy định, cơ chế để đưa kết quả thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới, bao gồm việc thực hiện quy định của Đảng, Nhà nước về bình đẳng giới trong lĩnh vực cán bộ thành nội dung, tiêu chí đánh giá, chấm điểm thi đua của các đơn vị thuộc Bộ và các Sở Tư pháp định kỳ hàng năm.

3. Tiếp tục quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực nữ chất lượng cao

Đề nghị Ban cán sự đảng, Đảng ủy Bộ tiếp tục quan tâm chỉ đạo nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động đào tạo nguồn nhân lực nữ của Bộ, ngành Tư pháp, trong đó chú trọng đào tạo các chức danh tư pháp, chuyên gia pháp luật đầu Ngành trong những lĩnh vực trọng yếu của Bộ, đáp ứng yêu cầu về cán bộ trong bối cảnh thực hiện cảnh cải cách tư pháp và tăng cường hội nhập quốc tế. Bên cạnh việc xã hội hóa nguồn lực đào tạo, bồi dưỡng và sắp xếp thời gian tổ chức lớp linh hoạt, cần nghiên cứu, có hình thức đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với đặc thù của công chức, viên chức nữ (có thể tăng cường hình thức học online, học cuối tuần, ưu tiên cho đi học khi công chức, viên chức nữ sắp xếp được thời gian và có nguyện vọng) để công chức, viên chức nữ có cơ hội tham gia nhiều hơn. Đồng thời, quan tâm đào tạo tại chỗ qua công việc, hướng dẫn, tạo cơ hội cho công chức, viên chức nữ tham gia vào các công việc chuyên môn chuyên sâu trong cơ quan, đơn vị để trau dồi năng lực, kinh nghiệm và thể hiện bản thân.

4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác cán bộ

Đề nghị Ban cán sự đảng, Đảng ủy Bộ lãnh đạo, chỉ đạo việc đảm bảo các nguồn lực để đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình quản lý cán bộ là phương thức hữu hiệu giúp cho mọi quá trình của công tác tổ chức, cán bộ được công khai, minh bạch. Nghiên cứu tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đào tạo, bồi dưỡng; quản lý hồ sơ cán bộ; tổ chức tuyển dụng; thi tuyển nâng ngạch, thăng hạng chức danh nghề nghiệp; kê khai tài sản thu nhập... Các dữ liệu về cán bộ được quản lý theo nguyên tắc bảo mật như pháp luật đã quy định, mặt khác phục vụ hiệu quả cho quá trình tổng hợp, thống kê, đánh giá tình hình chung về đội ngũ công chức, viên chức nữ để kịp thời có giải pháp phù hợp nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong các khâu của công tác cán bộ.

5. Các biện pháp chung khác

- Ban cán sự đảng, Đảng ủy Bộ quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đảng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ thực hiện lồng ghép giới đồng đều, toàn diện hơn trên các mặt, lĩnh vực quản lý của Bộ, đây vừa là trách nhiệm của Bộ, ngành Tư pháp vừa là giải pháp thiết thực để đảm bảo sự tham gia, thụ hưởng bình đẳng của chính đội ngũ công chức, viên chức nữ của Bộ, ngành Tư pháp đối với các chế độ, chính sách trong lĩnh vực này.

- Tăng cường phổ biến, giáo dục, nâng cao ý thức pháp luật về bình đẳng giới, bao gồm cả đối tượng là công chức, viên chức của Bộ, ngành Tư pháp để từ đó chủ động có hành động cụ thể trong công tác bình đẳng giới. Đồng thời, cần tăng cường tuyên truyền cho chính bản thân người phụ nữ về vai trò, vị trí

của họ trong đời sống gia đình và ngoài xã hội, từ đó không ngừng phấn đấu nâng cao giá trị bản thân và sẵn sàng đối mặt với những thử thách do định kiến giới tạo nên. Chú trọng việc nêu gương tốt, điển hình trong thực hiện bình đẳng giới qua các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, đồng thời tạo dư luận xã hội công khai qua công tác tuyên truyền với những vụ việc vi phạm về bình đẳng giới.

- Nâng cao năng lực tham mưu và tăng cường trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ trong việc thực hiện Luật bình đẳng giới để có thể tư vấn, đánh giá hiệu quả lồng ghép giới vào công tác quản lý nhà nước trên tất cả các mặt, các lĩnh vực của đời sống xã hội. Các đơn vị chức năng của Bộ cần chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng để kiểm tra, thanh tra và kịp thời phát hiện, đề xuất xử lý nghiêm minh những vi phạm về pháp luật bình đẳng giới.

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy *“Nói phụ nữ là nói phân nửa xã hội. Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người”*. Với tỷ lệ trên 60% lực lượng lao động của Bộ Tư pháp, đội ngũ công chức, viên chức nữ đã và đang khẳng định vai trò quan trọng và sự đóng góp tích cực trong việc hoàn thành các nhiệm vụ chính trị của Bộ, Ngành và các đơn vị. Do vậy, để Bộ, Ngành Tư pháp tiếp tục phát triển vững mạnh thì rất cần tiếp tục có phương hướng, giải pháp thiết thực để quan tâm, phát triển đội ngũ công chức, viên chức nữ của Bộ và các đơn vị thuộc Bộ trong thời gian tới./.

THAM LUẬN

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ THI HÀNH KỶ LUẬT ĐẢNG GÓP PHẦN THỰC HIỆN HIỆU QUẢ CÁC CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH, QUY ĐỊNH CỦA ĐẢNG⁷

Nhằm góp phần thực hiện thắng lợi phương hướng, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra trong nhiệm kỳ 2020-2025, đặc biệt là nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu “*Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng*”, mà dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ Tư pháp khóa X, nhiệm kỳ 2015-2020 đã xác định và trình bày tại Đại hội đại biểu Đảng bộ Bộ Tư pháp lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025. Tại Đại hội, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy trình bày tham luận về “*tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng, góp phần thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách, quy định của Đảng*”.

Công tác kiểm tra, giám sát là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng, nhiệm vụ thường xuyên của toàn Đảng, trước hết là nhiệm vụ của cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy, do cấp ủy trực tiếp tiến hành. Công tác kiểm tra, giám sát phải được thực hiện công khai, dân chủ, khách quan, chặt chẽ theo đúng nguyên tắc của Đảng; đề cao trách nhiệm của tổ chức đảng và đảng viên; phải gắn chặt với công tác tư tưởng, công tác tổ chức, công tác dân vận và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; phải thực hiện toàn diện, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả, góp phần xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng.

Nhiệm kỳ 2015-2020, công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng, của Đảng Bộ đã được cấp ủy các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và đạt nhiều kết quả quan trọng; nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng, Ủy ban Kiểm tra các cấp về công tác này đã có chuyển biến tích cực. Cấp ủy các cấp đã nghiêm túc tổ chức phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện các Nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát; chủ động xây dựng Chương trình, kế hoạch kiểm tra toàn khóa, hằng năm và chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các cuộc kiểm tra, giám sát về việc chấp hành, thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, của Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương, của Đảng ủy Bộ Tư pháp...

⁷ Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ Tư pháp

Ngay sau Đại hội, Đảng ủy Bộ, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ đã ban hành kịp thời các quy định, quy chế hướng dẫn về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng trong Đảng bộ, như: Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ; Chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa của Đảng ủy Bộ, của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ; Quy trình tiến hành công tác kiểm tra, giám sát và xem xét, thi hành kỷ luật Đảng của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ, của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ. Bên cạnh đó, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tư pháp đã quan tâm, chú trọng kiện toàn nhân sự của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ, bố trí cán bộ chuyên trách làm công tác kiểm tra (*01 Phó Chủ nhiệm chuyên trách, 01 Ủy viên chuyên trách*); phân công đồng chí Phó Bí thư Đảng ủy Bộ trực tiếp phụ trách công tác kiểm tra, giám sát và thường xuyên quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn việc kiện toàn tổ chức, bộ máy hoạt động của Ủy ban Kiểm tra các cấp; cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra do Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương tổ chức.

Nhiệm kỳ 2015-2020, Đảng ủy Bộ Tư pháp đã lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát đạt được những kết quả cụ thể thể hiện trên các mặt sau:

- Kịp thời phổ biến, quán triệt các văn bản của Đảng, của cấp ủy cấp trên về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng

Ngay sau khi các văn bản quy định, hướng dẫn công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng của Trung ương, Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương được ban hành, Đảng ủy Bộ Tư pháp đã pháp xây dựng kế hoạch, tổ chức hội nghị nghiên cứu, quán triệt và triển khai thực hiện đến từng tổ chức đảng và đảng viên trong Đảng bộ; ngoài việc tổ chức hội nghị nghiên cứu, quán triệt cho các đối tượng là Lãnh đạo cấp ủy, Thủ trưởng đơn vị...Đảng ủy còn chỉ đạo các cơ quan truyền thông của Bộ tuyên truyền, phổ biến các chỉ thị, nghị quyết, quy định, hướng dẫn của Đảng, của Đảng ủy Khối đến toàn thể cán bộ, đảng viên (*Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp, Báo Pháp luật Việt Nam...*). Đồng thời, chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra, các Ban của Đảng ủy Bộ thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, quy định, hướng dẫn về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng đối với các tổ chức đảng trực thuộc.

Thông qua phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện, công tác kiểm tra, giám sát có bước đổi mới, tạo sự chuyển biến tích cực, nâng cao nhận thức của cấp ủy, Ủy ban Kiểm tra các cấp, của cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng. Cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên gương mẫu, nêu cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ

chức kỷ luật, tự giác chấp hành chỉ thị, nghị quyết, quy định, quyết định, hướng dẫn của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Việc xem xét thi hành kỷ luật đảng viên được thực hiện đúng quy trình, thủ tục, công khai, dân chủ, khắc phục được tình trạng xử lý "nhẹ trên, nặng dưới" hoặc để kéo dài, rồi xử lý nhẹ.

- Ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng

Từ đầu nhiệm kỳ 2015-2020, Đảng ủy Bộ Tư pháp đã ban hành Chương trình kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ, chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ, các cấp ủy trực thuộc chủ động xây dựng Chương trình kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ.

Hàng năm, Đảng ủy Bộ, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ đều xây dựng, ban hành Chương trình kiểm tra, giám sát của Đảng ủy Bộ, của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ; ban hành các Quyết định, kế hoạch kiểm tra, giám sát chuyên đề đối với ít nhất 20% tổ chức đảng trực thuộc (*thành lập 07-08 Đoàn Kiểm tra, giám sát các cấp ủy trực thuộc/năm*). Căn cứ Chương trình kiểm tra, giám sát hàng năm của Đảng ủy Bộ, của Ủy ban Kiểm tra, các cấp ủy trực thuộc chủ động xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát hàng năm của cấp ủy mình (*kiểm tra, giám sát đối với 20-25% đảng viên trong Chi bộ*). Qua kiểm tra, giám sát đã góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; kịp thời phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn và đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên; kỷ cương, kỷ luật trong đảng được giữ vững; dân chủ được mở rộng và phát huy, tạo sự đoàn kết thống nhất trong chi bộ, đơn vị; xây dựng chi bộ, đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Ngoài kiểm tra, giám sát định kỳ hàng năm, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ còn chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra, các cấp ủy trực thuộc kiểm tra, giám sát theo yêu cầu, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị theo từng thời điểm. Qua mỗi đợt kiểm tra, giám sát đều có kết luận kiểm tra, kết quả giám sát cụ thể, từ đó cũng rút được kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo về công tác kiểm tra, giám sát. Trong nhiệm kỳ 2015-2020, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ, Ủy ban Kiểm tra đã tiến hành kiểm tra, giám sát đối với 100% tổ chức đảng trực thuộc.

- Về giải quyết đơn, thư tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên

Từ đầu nhiệm kỳ 2015-2020, Đảng ủy Bộ nhận được **05** Đơn tố cáo, trong đó có **01** đơn tố cáo giấu tên do Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối chuyên (*Công văn số 639-CV/UBKTĐUK ngày 05/5/2017*). Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ đã chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành thẩm tra, xác minh theo nội dung Đơn tố cáo và báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ xem xét,

kết luận theo đúng quy định; **01** Đơn tố cáo nặc danh đối với quần chúng đề nghị xem xét kết nạp đảng viên, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ đã thành lập Tổ Thẩm tra, xác minh phối hợp với cấp ủy trực thuộc xác minh, báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ xem xét, kết luận; **01** Đơn tố cáo đối với đảng viên thuộc thẩm quyền của Đảng ủy Bộ, tuy nhiên trong quá trình xác minh, giải quyết Đơn tố cáo, người tố cáo đã xin rút toàn bộ nội dung Đơn tố cáo và Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ đã Thông báo kết thúc việc giải quyết Đơn; **02** Đơn tố cáo đối với đảng viên thuộc thẩm quyền của Đảng ủy Bộ, tuy nhiên nội dung tố cáo xuất phát từ việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan, đơn vị và không thuộc thẩm quyền của Ủy ban Kiểm tra, nên đã chuyển Đơn tố cáo đến cơ quan Thanh tra của Bộ xem xét, thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền. Việc giải quyết đơn thư tố cáo được thực hiện đúng quy trình, kết luận rõ ràng, nên sau khi giải quyết xong không có hiện tượng khiếu nại kỷ luật đảng.

- Về thực hiện thi hành kỷ luật đảng, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng

Từ đầu nhiệm kỳ 2015-2020 đến nay, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ, Ủy ban Kiểm tra đã chú trọng chỉ đạo, hướng dẫn các cấp ủy trực thuộc thực hiện xem xét xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm theo quy định của Đảng đối với **18** trường hợp với hình thức khiển trách vì vi phạm quy định chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình (*sinh con thứ 3*); Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ đã ra Quyết định xóa tên trong danh sách đảng viên đối với **02** trường hợp đảng viên chính thức vi phạm Điều 8 Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam là bỏ sinh hoạt chi bộ và không đóng đảng phí ba tháng liên tục mà không có lý do chính đáng và **02** trường hợp đảng viên dự bị vi phạm về sa sút ý chí phấn đấu, chưa thể hiện tính tiên phong, gương mẫu của người đảng viên, không còn đủ tư cách đảng viên.

Việc xử lý kỷ luật được cấp ủy, Ủy ban Kiểm tra các cấp tiến hành nghiêm túc, công khai, đúng quy định, trình tự, thủ tục, thẩm quyền nên việc chấp hành kỷ luật của đảng viên được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, đặc biệt là đảng viên đã tự giác chấp hành kỷ luật, không có việc khiếu nại, khiếu kiện.

- Về công tác xây dựng ngành

Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ thường xuyên quan tâm kiện toàn nhân sự Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ khi có sự thay đổi nhiệm vụ công tác của các đồng chí Lãnh đạo là thành viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ. Đầu nhiệm kỳ Ban Chấp hành Đảng bộ đã bầu Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ gồm 07 Ủy viên, trong đó 01 đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ là Phó Chủ nhiệm chuyên trách và 01 đồng chí Ủy viên chuyên trách. Đối với các Đảng bộ cơ sở, Đảng ủy Bộ đều chỉ đạo kiện toàn Ủy ban Kiểm tra, trong đó đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ (*đổi*

với Đảng ủy có Ban Thường vụ) hoặc bố trí đồng chí Phó Bí thư Đảng ủy (đối với Đảng ủy không có Ban Thường vụ) làm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra. Đặc biệt là trong nhiệm kỳ này, việc bố trí đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Chánh Thanh tra Bộ làm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra đã tạo thuận lợi cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm tra, tạo nên sự gắn kết giữa công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với công tác thanh tra, kiểm tra của chính quyền, nhất là công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Trong nhiệm kỳ qua, bên cạnh những kết quả quan trọng đạt được, công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng của Đảng bộ Bộ Tư pháp cũng còn một số tồn tại, hạn chế sau:

- Công tác phổ biến, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện các quy định, hướng dẫn của Trung ương, Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát ở một số cấp ủy trực thuộc chưa thường xuyên, sâu rộng, kết quả chưa cao.

- Một số cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc, đặc biệt là người đứng đầu cấp ủy của một số tổ chức đảng chưa coi trọng đúng mức công tác kiểm tra, giám sát; đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát chưa được bồi dưỡng sâu về nghiệp vụ kiểm tra, giám sát nên trong triển khai công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng còn lúng túng, chưa tham mưu kịp thời và chưa đáp ứng được yêu cầu trong tổ chức thực hiện.

- Công tác kiểm tra, giám sát tuy đã được các cấp ủy đảng tăng cường chỉ đạo, song vẫn dễ xảy ra một vài trường hợp vi phạm kỷ luật của Đảng (*vi phạm chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình; vi phạm tư cách đảng viên*).

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

- Cán bộ làm công tác kiểm tra (*kể cả chuyên trách*) trong toàn Đảng bộ Bộ Tư pháp chủ yếu là kiêm nhiệm, không được đào tạo bài bản về nghiệp vụ kiểm tra, giám sát, phần lớn thời gian dành cho thực hiện công tác chuyên môn nên ảnh hưởng trực tiếp tới công tác tham mưu, triển khai thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng.

- Cơ sở vật chất, kỹ thuật và chế độ chính sách đặc thù cho cán bộ làm công tác kiểm tra ở cấp ủy, Ủy ban Kiểm tra các cấp chưa được quan tâm đúng mức.

Giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát trong nhiệm kỳ 2020-2025

- Tiếp tục tăng cường chỉ đạo cấp ủy, tổ chức đảng, Ủy ban Kiểm tra các cấp thường xuyên tổ chức phổ biến, quán triệt đầy đủ và triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản, quy định, hướng dẫn liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo thể chế hoá, cụ thể hóa, tổ chức triển khai thực hiện đường lối, quan điểm, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, các quy định, kết luận của Đảng; việc lãnh đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị, thực hiện nhiệm vụ chức trách của cán bộ, đảng viên.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát định kỳ và theo chuyên đề. Chú trọng kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương, nguyên tắc, quy chế, quy định của Đảng về công tác tổ chức, cán bộ để kịp thời phát hiện các hành vi tham nhũng, tiêu cực; về 19 điều đảng viên không được làm, về công tác bảo vệ chính trị nội bộ; nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả giám sát chuyên đề của cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc.

- Chủ động phát hiện, tiến hành kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng và đảng viên; giải quyết kịp thời, dứt điểm đơn, thư tố cáo, khiếu nại theo quy định của Đảng; xử lý nghiêm minh, kịp thời đối với hành vi vi phạm.

- Thường xuyên củng cố, kiện toàn và nâng cao năng lực hoạt động của Ủy ban Kiểm tra các cấp, tăng cường đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra chuyên trách; chú trọng tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng.

TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT ĐÁP ỨNG YÊU CẦU XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN, HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA⁸

1. Sự lãnh đạo của đảng trong xây dựng, hoàn thiện thể chế

Vị trí và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã được khẳng định trong Hiến pháp. Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo, chỉ đạo cho sự phát triển của đất nước. Đảng lãnh đạo toàn diện, trên mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội. Trong công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, Đảng lãnh đạo trong việc hoạch định, xây dựng chính sách pháp luật, lãnh đạo trong việc thực hiện kiểm tra, giám sát và thi hành các chính sách đó.

Những năm qua, Đảng ta đã ban hành nhiều văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, trong đó có chủ trương, chính sách lớn về xây dựng và hoàn thiện pháp luật. Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, quản lý Nhà nước bằng pháp luật cũng đã được chỉ rõ trong Văn kiện Đại hội XI của Đảng: *“Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân... Quyền lực nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế XHCN...”*; *“Nhà nước tiếp tục hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách tạo điều kiện để nhân dân và các tổ chức này tham gia có hiệu quả vào quá trình hoạch định, thực thi và giám sát việc thực hiện luật pháp, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, ngăn ngừa, khắc phục những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường”* (điểm 4, Mục IV).

Báo cáo chính trị trình Đại hội XII của Đảng xác định: *“Trong những năm tới, đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền XHCN. Bảo đảm pháp luật vừa là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, vừa là công cụ để nhân dân làm chủ, kiểm tra, giám sát quyền lực nhà nước. Quản lý đất nước theo pháp luật, đồng thời coi trọng xây dựng nền tảng đạo đức xã hội”* (điểm 2 Mục 14).

Đặc biệt là Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020. Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết này, Đảng

⁸ Chi bộ Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật

ta cũng đã có sơ kết 10 năm, tổng kết đánh giá 15 năm và có Kết luận về vấn đề này để tiếp tục thực hiện.

Bên cạnh đó, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến 2020 cũng đã đề cập đến công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết này, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW, theo đó đề ra nhiều chủ trương, định hướng lớn, gắn với hệ thống giải pháp đồng bộ, mang tính đột phá; có giải pháp hoàn thiện pháp luật về tố tụng và cơ quan tư pháp nhằm xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, công bằng, phụng sự công lý, phục vụ Tổ quốc và nhân dân, tạo cơ sở quan trọng cho công cuộc cải cách tư pháp đi vào chiều sâu, nhất là việc thay đổi về chất các thể chế tư pháp như điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án.

Đi sâu về từng lĩnh vực, Đảng ta cũng đã ban hành một số Nghị quyết chuyên đề có liên quan tới việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật, trong đó phải kể đến Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả...

Như vậy có thể nói, Đảng ta đặc biệt coi trọng đến việc định hướng chủ trương, chính sách trong công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật để lãnh đạo, chỉ đạo điều hành cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật gắn với chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp

Có thể khẳng định, yêu cầu về xây dựng, hoàn thiện thể chế nói chung và xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền, thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN nói riêng là những nhiệm vụ gắn kết với việc thực hiện các chức năng cơ bản của Bộ Tư pháp. Trách nhiệm này được thể hiện thông qua các hoạt động chủ yếu: (i) Xây dựng thể chế, trong đó Bộ Tư pháp vừa đóng vai trò cơ quan đầu mối tham mưu giúp Chính phủ về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh và trực tiếp soạn thảo một số đạo luật lớn, quan trọng⁹; đồng thời, Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm kiểm soát và đảm bảo chất lượng văn bản QPPL thông qua các hoạt động thẩm định, kiểm tra văn bản, kiểm soát thủ tục hành chính; (ii) thực thi pháp luật trên một số lĩnh vực như thi hành án dân sự, hành chính; bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp ... và

⁹ Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Luật Ban hành văn bản QPPL, Luật Bồi thường của nhà nước, Luật Tiếp cận thông tin, Luật Giám định tư pháp...

theo dõi chung việc thi hành pháp luật; (iii) có trách nhiệm trong việc xây dựng, tham gia xây dựng một số văn bản QPPL nền tảng của nền kinh tế thị trường như về sở hữu, hợp đồng và giải quyết tranh chấp...

Xây dựng hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền, thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN là một trong những nguyên tắc ưu tiên trong các Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, Chương trình xây dựng nghị định và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong những năm gần đây, công tác lập và thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp luật đã có những chuyển biến tích cực, bảo đảm chất lượng hơn, xác định thứ tự ưu tiên đối với lĩnh vực then chốt, tạo sức bứt phá trong phát triển kinh tế - xã hội ở từng giai đoạn. Một trong những nguyên tắc ưu tiên khi lập đề nghị của Chính phủ về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hàng năm là ưu tiên đề xuất vào Chương trình các dự án cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới nhằm: (i) Tiếp tục thể chế hóa kịp thời, đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng, yêu cầu của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội¹⁰, đặc biệt là các dự án, dự thảo để triển khai thực hiện các Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, 9, 10 và 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; (ii) Thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên; (iii) Bảo đảm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo quy định của Hiến pháp; (iv) Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh cho các doanh nghiệp và một trong những căn cứ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh chính là “*đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước*”¹¹.

Từ năm 2015, Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh đã có nhiều đổi mới, tạo sự linh hoạt, tăng cường tính thích ứng nhanh của chính sách với các vấn đề kinh tế, xã hội. Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh do Chính phủ đề xuất đã thể hiện rõ thứ tự ưu tiên đối với một số lĩnh vực trọng điểm, có ý nghĩa then chốt để tập trung nguồn lực thực hiện¹². Đặc biệt, nửa đầu nhiệm kỳ Khóa XIV, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã giao các Bộ, cơ quan ngang Bộ khẩn trương nghiên cứu, lập đề nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các dự án luật, pháp lệnh theo chủ trương, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí

¹⁰Nguyên tắc này được thể hiện qua kết quả công tác xây dựng luật, pháp lệnh, đơn cử từ tháng 5/2005 - 6/2015, Chính phủ đã soạn thảo, trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua 222/238 luật, pháp lệnh, trong đó 66 văn bản (chiếm 30%) thuộc lĩnh vực pháp luật về kinh tế, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.

¹¹Điều a khoản 2 Điều 32 Luật Ban hành văn bản QPPL.

¹²Việc lập đề nghị đã xác lập thứ tự ưu tiên đặc biệt đối với những đạo luật quan trọng phục vụ xây dựng hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền, phát triển kinh tế thị trường như: Luật Cảnh tranh (sửa đổi), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế bảo vệ môi trường; Luật Phòng, chống tham nhũng (sửa đổi), Luật Tổ chức chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật cán bộ, công chức, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương...

thư, Đảng đoàn Quốc hội nhằm bảo đảm tốt hơn sự lãnh đạo của Đảng trong công tác xây dựng pháp luật.

Thời gian qua, trên cơ sở các văn bản của Đảng, nhiệm kỳ 2015-2020, Bộ Tư pháp đã hoàn thành nhiều nhiệm vụ chính trị quan trọng, trong đó có công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhằm góp phần thể chế hóa các định hướng trong Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020. Bộ Tư pháp đã tham mưu giúp Chính phủ trình Quốc hội ban hành các luật, pháp lệnh và đã khẩn trương xây dựng, ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, tạo khuôn khổ pháp lý đồng bộ, thống nhất cho việc quản lý ngành, lĩnh vực của Bộ Tư pháp như: Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Đấu giá tài sản năm 2016, Bộ luật Hình sự, Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, Luật Trợ giúp pháp lý, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp...

Bên cạnh đó, các đạo luật làm cơ sở cho việc tăng cường tính minh bạch trong quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật đã được ban hành như Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Đặc biệt là tại Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIV, ngày 18/6/2020, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015. Đây là một đạo luật quan trọng với nhiều quy định mang tính đột phá nhằm đẩy mạnh cho việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam theo tiêu chí của Nhà nước pháp quyền, trong đó yếu tố rất quan trọng là bảo đảm tính khả thi, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, công bằng, ổn định và dễ tiếp cận của hệ thống pháp luật, phù hợp với yêu cầu, thực tiễn đất nước; đồng thời tôn trọng đầy đủ các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên trong quá trình hội nhập. Xác lập cơ chế bảo đảm tính tối thượng của Hiến pháp một cách thực chất; đảm bảo để pháp luật không chỉ là công cụ hữu hiệu để Nhà nước quản lý xã hội mà còn là công cụ hữu hiệu để nhân dân kiểm soát quyền lực nhà nước.

Song song với công tác xây dựng thể chế pháp luật, các công cụ kiểm soát, nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật như thẩm định, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, kiểm soát thủ tục hành chính tiếp tục được tăng cường và ngày càng được thực hiện bài bản. Công tác thẩm định văn bản quy phạm pháp luật đến nay đã đi vào nề nếp, góp phần quan trọng đảm bảo các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đảm bảo tính thống nhất, tính khả thi, đảm bảo công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Thông qua công tác thẩm định văn bản quy phạm pháp luật, nhiều quy định, cơ chế mang tính bất bình đẳng hoặc không phù hợp đã được kiến nghị bãi bỏ. Công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật cũng đang phát huy vai trò tích cực, tạo cơ chế quan trọng để ngăn ngừa việc các cơ quan nhà nước đưa ra những quy định, chính sách không phù hợp, ảnh hưởng đến sự phát triển của thị trường; góp phần nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường, củng cố niềm tin của người dân, doanh nghiệp vào môi trường đầu tư kinh doanh.

Công tác kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) đã tháo gỡ nhiều điểm nghẽn về TTHC làm cản trở sự vận hành và phát triển của nền kinh tế thị trường được phát hiện và gỡ bỏ nhờ việc đơn giản hóa TTHC trên các lĩnh vực của quản lý nhà nước và các quy định về kiểm soát TTHC. Việc triển khai công tác này đã góp phần cải cách mạnh mẽ TTHC theo hướng tăng cường công khai, minh bạch, đơn giản hóa TTHC để tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường.

3. Tiếp tục tăng cường, đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN

Qua tổng kết Nghị quyết số 48-NQ/TW cho thấy: (i) Hệ thống pháp luật đã cơ bản thể chế hóa kịp thời, toàn diện, đầy đủ và đúng đắn chủ trương, chính sách của Đảng; (ii) Hệ thống pháp luật bảo đảm cân đối, hài hòa trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó, các đạo luật ngày càng giữ vị trí trung tâm, trực tiếp điều chỉnh các quan hệ xã hội; (iii) Hệ thống pháp luật đã có tiến bộ nhiều về chất, cơ bản đồng bộ, thống nhất, đảm bảo tính khả thi, công khai, minh bạch... Để đạt được kết quả này, một yếu tố không thể phủ nhận được đó là sự lãnh đạo của Đảng ta trong việc định hướng về việc xây dựng và hoàn thiện thể chế; bảo đảm việc thể chế hóa kịp thời, đúng đắn các chủ trương, chính sách của Đảng. Sự phối hợp chặt chẽ giữa Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự Đảng Chính phủ, Ban cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam...

Bên cạnh những kết quả nêu trên, vẫn còn tồn tại hạn chế nhất định: (i) Trong hệ thống pháp luật vẫn còn một số quy định chưa đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, khả thi; tính ổn định và khả năng dự báo chưa cao; một số yêu cầu phát sinh từ thực tiễn trong một số lĩnh vực cụ thể chưa được pháp luật điều chỉnh kịp thời; (ii) Công tác xây dựng pháp luật còn có hạn chế; quy trình xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật có lúc chưa được tuân thủ triệt để.

Nguyên nhân của bất cập này, về mặt chủ quan, qua tổng kết thi hành Nghị quyết số 48-NQ/TW cho thấy sự lãnh đạo của một số tổ chức Đảng, cấp ủy Đảng đối với việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW có nơi, có lúc chưa thường xuyên, sâu sắc; công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan Đảng đối với hoạt động xây dựng pháp luật chưa được thường xuyên. Số lượng, trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp làm công tác xây dựng pháp luật, pháp chế chưa tương xứng với nhiệm vụ trong tình hình mới...

Một nguyên nhân khác mà thực tế cho thấy, hoạt động xây dựng, hoàn thiện thể chế đã chỉ ra vẫn còn sức ỳ, sự ngần ngại, thiếu kiên quyết trong đổi mới các chế định pháp lý hiện hành để phục vụ tốt hơn, có hiệu quả hơn cho việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN nói riêng.

Trên cơ sở đó, Đảng ta cần phải có những giải pháp đồng bộ cho vấn đề này, nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế được coi là điểm nghẽn trong công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Trước hết, Đảng cần lãnh đạo chặt chẽ, quyết liệt việc hoàn thiện thể chế theo nội dung, tinh thần của Hiến pháp, đẩy mạnh việc hoàn thiện thể chế là nền tảng pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của các thiết chế trong hệ thống chính trị, quan hệ giữa các thành tố cấu thành hệ thống chính trị, bảo đảm mọi hoạt động của hệ thống chính trị trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật; vận hành thông suốt, tuân thủ và chấp hành Hiến pháp và pháp luật; xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN. Đặc biệt quan tâm xây dựng cơ chế dân chủ trực tiếp để nhân dân thực sự là người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình. Trên cơ sở Hiến pháp năm 2013, tập trung xây dựng các đạo luật về tổ chức bộ máy nhà nước để bảo đảm triển khai đầy đủ các quy định mới của Hiến pháp năm 2013, qua đó xây dựng cho được bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả với đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất, năng lực và tính chuyên nghiệp cao, làm tốt chức năng kiến tạo phát triển thông qua hoạt động quản lý nhà nước và phục vụ nhân dân; thực hiện tốt việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ công cộng; kiểm soát chặt chẽ và bảo đảm hiệu quả khi doanh nghiệp nhà nước thực hiện các hoạt động kinh doanh trong một số ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế, tạo dựng khuôn khổ thể chế phù hợp, tạo sự bình đẳng về cơ hội và các điều kiện cần thiết để mọi người phát huy năng lực và sức sáng tạo vì lợi ích của chính mình và đóng góp cho xã hội. Nhà nước tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng theo cơ chế thị trường; kiểm soát chặt chẽ và xóa bỏ độc quyền doanh nghiệp cũng như cơ chế chính sách dẫn đến bất bình đẳng trong cạnh tranh, tạo thuận lợi nhất cho mọi người dân, doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh.

Thứ hai, cần lãnh đạo xây dựng các thiết chế để đổi mới quan hệ giữa cơ quan, cán bộ nhà nước với người dân, bảo đảm sự giám sát của người dân đối với hoạt động công quyền, công vụ, giải quyết thấu đáo, kịp thời những bức xúc của người dân. Quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm giải trình của tất cả các chủ thể chủ trì, tham gia hoặc liên quan đến quy trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật. Theo đó, (i) Quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, trách nhiệm giải trình của tất cả các tổ chức đảng và các đảng viên (nhất là người đứng đầu và các cán bộ chủ chốt) trong mỗi công đoạn thực hiện phương thức lãnh đạo công tác xây dựng pháp luật và xây dựng cơ chế đồng bộ giữa các công đoạn của quá trình thực hiện phương thức lãnh đạo; (ii) Thể chế hóa, quy trình hóa tất cả các “công đoạn” lãnh đạo xây dựng pháp luật một cách khoa học và phù hợp với thực tiễn, đảm bảo công khai, minh bạch; (iii) Nâng cao chất lượng của tất cả các “công đoạn” xây dựng pháp luật, từ việc ra nghị quyết đến khâu cuối cùng là kiểm tra đánh giá việc thực hiện và kết quả; (iv) Xây dựng được các tổ chức đảng trực tiếp tham gia quá trình lãnh đạo xây dựng pháp luật trong sạch, vững mạnh, có trình độ và tính chuyên nghiệp cao, nhất là các đảng viên giữ cương vị lãnh đạo chủ chốt có đủ phẩm chất và năng lực để hiện thực hóa có hiệu quả phương thức lãnh đạo của Đảng.

Thứ ba, tiếp tục đổi mới và nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chủ trương, định hướng chính sách và năng lực lãnh đạo cụ thể hóa, thể chế hóa của Đảng. Trước hết, cần tiếp tục nâng cao chất lượng nội dung và cách thức ra nghị quyết của các Đảng (về đường lối, chủ trương, định hướng chính sách...) phù hợp với vai trò và chức năng lãnh đạo chính trị của Đảng trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền, phát triển nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Trong các nghị quyết cần xác định rõ các nội dung cần lãnh đạo để cụ thể hóa, thể chế hóa thành các quy định của pháp luật; giao nhiệm vụ rõ cho tổ chức Đảng trong các cơ quan nhà nước (Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ...) có trách nhiệm lãnh đạo việc cụ thể hóa, thể chế hóa. Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của mình, Đảng lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan Nhà nước thể chế hóa chủ trương, đường lối trong các nghị quyết của Đảng thành các quy phạm pháp luật; hình thành khuôn khổ pháp lý để toàn bộ các lĩnh vực của xã hội và mọi chủ thể trong xã hội sống và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật. Để thực hiện được tốt các nhiệm vụ này, Đảng phải lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, đội ngũ chuyên gia đủ phẩm chất và năng lực, nắm chắc cả lý luận và thực tiễn, để xây dựng và lãnh đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả hệ thống pháp luật và các chủ trương, chính sách trong thực tiễn.

Thứ tư, nghiên cứu bổ sung, phát triển Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, Chiến lược cải cách tư pháp phù hợp với tình hình mới theo tinh thần của Hiến pháp. Đầu tư thỏa đáng cho công tác hoạch định chính sách và xây dựng pháp luật; chuyên nghiệp hóa đội ngũ tham mưu hoạch định chính sách, xây dựng chính sách, tiến tới chuyên trách hóa hoạt động soạn thảo văn bản QPPL. Đồng thời bảo đảm sự tham gia thực chất của người dân trong việc góp ý, phản biện chính sách, pháp luật và thực hiện pháp luật; tăng cường quyền tiếp cận công lý và quyền tiếp cận hệ thống pháp luật của người dân.

Thứ năm, lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt việc phòng tránh cơ chế vận động hành lang với động cơ, mục đích, lợi ích nhóm trong việc hoạch định chính sách và xây dựng thể chế.

THAM LUẬN

TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC

THI HÀNH PHÁP LUẬT ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN CỦA

ĐẤT NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN MỚI¹³

1. Chủ trương, đường lối của Đảng đối với hoạt động thi hành pháp luật thời gian qua

Trong thời gian vừa qua, để nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng đã đề ra các chủ trương, đường lối quan trọng định hướng cho tổ chức, hoạt động xây dựng và thực thi luật pháp. Cụ thể là:

- Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân (sau đây gọi là Chỉ thị số 32-CT/TW)¹⁴.

- Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 (sau đây gọi là Nghị quyết số 48-NQ/TW).

- Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 (sau đây gọi là Nghị quyết số 49-NQ/TW).

- Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 09/12/2009 của Ban Bí thư về hợp tác với nước ngoài về pháp luật, cải cách hành chính, cải cách tư pháp.

- **Văn kiện Đại hội XI** (Điểm 3 Mục II Báo cáo chính trị): *“Tiếp tục phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, chính quyền địa phương; đẩy mạnh cải cách hành chính và cải cách tư pháp; thực hiện có hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.*

¹³ **Chi bộ Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật**

¹⁴ Để nắm bắt tình hình triển khai thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong thực tiễn của việc lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác PBGDPL, Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa X đã chỉ đạo tổ chức Hội nghị toàn quốc sơ kết 3 năm (ngày 18/4/2007) và ngày 11/5/2007, Thông báo số 74-TB/TW về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW. Trên cơ sở báo cáo tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW trên phạm vi toàn quốc, ngày 19/4/2011, Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XI đã ban hành Kết luận số 04-KL/TW về kết quả thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW, Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW

Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân”.

- Văn kiện Đại hội XI (Điểm 4 Mục IV Báo cáo chính trị): *“Tăng cường, sử dụng hợp lý các tổ chức, cán bộ nghiên cứu để tham mưu cho Đảng trong việc xây dựng, lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội. Đảng và Nhà nước phải thật sự nâng cao vai trò lãnh đạo, quản lý kinh tế thị trường, chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý có đủ phẩm chất, năng lực, trình độ công tác”; “Nâng cao vai trò của các cơ quan dân cử, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp và của nhân dân trong phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước tiếp tục hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách tạo điều kiện để nhân dân và các tổ chức này tham gia có hiệu quả vào quá trình hoạch định, thực thi và giám sát việc thực hiện luật pháp, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, ngăn ngừa, khắc phục những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường”.*

- Văn kiện Đại hội XII (Điểm 2 Mục 14 Báo cáo chính trị): *“Trong những năm tới, đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền XHCN. Bảo đảm pháp luật vừa là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, vừa là công cụ để nhân dân làm chủ, kiểm tra, giám sát quyền lực nhà nước. Quản lý đất nước theo pháp luật, đồng thời coi trọng xây dựng nền tảng đạo đức xã hội”.*

Trong đó, Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị BCHTW Đảng là văn bản quan trọng của Đảng đã tập trung, xác định rõ các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi hành pháp luật thông qua việc kết hợp chặt chẽ, đồng bộ việc hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của các cơ quan thi hành pháp luật được nêu tại Nghị quyết số 48-NQ/TW với các nội dung cải cách hành chính và các giải pháp về cải cách tư pháp. Cụ thể là:

- Phát triển hệ thống thông tin và phổ biến giáo dục pháp luật, xây dựng và triển khai Chương trình Quốc gia về phổ biến giáo dục pháp luật dài hạn. Hình thành Trung tâm Thông tin pháp luật quốc gia, phát triển mạng lưới thông tin pháp luật. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển dịch vụ thông tin, tư vấn, hỗ trợ pháp luật đáp ứng các nhu cầu đa dạng của nhân dân và phù hợp với pháp luật. Đẩy mạnh hoạt động trợ giúp pháp lý cho người nghèo và các đối tượng chính sách theo hướng xã hội hoá. Tăng cường trao đổi thông tin pháp luật với các tổ chức quốc tế và các quốc gia, trước hết là với các quốc gia thành viên ASEAN.

- Cải cách tổ chức và hoạt động của cơ quan tư pháp, trọng tâm là hoạt động xét xử của toà án theo nội dung của Chiến lược cải cách tư pháp.

- Đề cao kỷ luật, kỷ cương trong các hoạt động của các cơ quan nhà nước. Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động thanh tra công chức, công vụ. Đẩy mạnh đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Bảo đảm mọi hành vi tham nhũng phải được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh theo pháp luật.

- Bảo đảm số lượng và chất lượng nguồn nhân lực cán bộ, công chức làm công tác pháp luật. Đổi mới công tác quản lý nhà nước đối với việc đào tạo cán bộ luật, xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm về đào tạo cán bộ luật. Bồi dưỡng, cập nhật thường xuyên kiến thức pháp luật cho cán bộ quản lý hành chính nhà nước, đặc biệt là đội ngũ cán bộ pháp chế của các bộ, ngành. Đổi mới công tác đào tạo các chức danh tư pháp đáp ứng yêu cầu sử dụng, luân chuyển các chức danh tư pháp. Chú trọng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho các chức danh tư pháp. Nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, hiện đại hoá trang thiết bị trong các cơ sở đào tạo pháp luật, đào tạo các chức danh tư pháp.

- Huy động các nguồn lực tài chính trong nước và quốc tế; quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đó cho việc thực hiện các mục tiêu và nội dung của Chiến lược.

Kết luận số 01-KL/TW ngày 04/04/2016 của Bộ chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW đã xác định: *“Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền các cấp; huy động sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức thành viên đối với công tác xây dựng pháp luật và giám sát thi hành pháp luật. **Xây dựng và hoàn thiện pháp luật phải gắn với tổ chức thi hành pháp luật, củng cố các thiết chế thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật vừa là công cụ quản lí xã hội, vừa là công cụ để nhân dân kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật**”.*

2. Kết quả sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thi hành pháp luật

Thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng ta qua các kỳ Đại hội X, XI, XII, công tác thi hành pháp luật đã được các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền quan tâm thực hiện và đạt được những thành quả bước đầu vô cùng quan trọng. Vai trò của pháp luật và ý thức thượng tôn pháp luật trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, trong quản lý xã hội ngày càng được đề cao. Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp tập trung hơn vào quản lý điều hành vĩ mô và năng động giải quyết những vấn đề lớn, quan trọng; cải cách hành chính tiếp tục được chú trọng và bước đầu đạt được kết quả tích cực; nhiều chủ trương, đường lối của Đảng về

tổ chức thi hành và theo dõi thi hành pháp luật được thể chế trong Hiến pháp, pháp luật và được triển khai thực hiện nghiêm túc¹⁵. Công tác áp dụng pháp luật được thực hiện thống nhất từ trung ương đến địa phương, theo hướng bảo đảm tính dân chủ, công khai, minh bạch; hạn chế tình trạng oan sai, khiếu nại, khiếu kiện. Tình hình vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân cơ bản cũng đã được phát hiện và xử lý khá kịp thời, đúng người, đúng pháp luật góp phần quan trọng vào việc giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm cho các quy định của pháp luật được đi vào thực tiễn cuộc sống.

- *Về thực tiễn áp dụng thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật:* Pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật ngày càng bảo đảm quyền tiếp cận pháp luật của nhân dân, nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật của người dân; hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; huy động toàn bộ hệ thống chính trị tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, huy động được các nguồn lực của các cơ quan, tổ chức và xã hội tham gia hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật; bảo đảm sự công khai, minh bạch của các chính sách, pháp luật. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật có nhiều đổi mới, tiến bộ hơn, bước đầu áp dụng công nghệ thông tin vào công tác truyền thông để đưa pháp luật đi vào cuộc sống nhanh hơn, hiệu quả hơn, thường xuyên và tiết kiệm hơn. Từ năm 2005, Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật các cấp đã được củng cố, kiện toàn và đến nay đang tiếp tục được củng cố, kiện toàn theo Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012. Luật phổ biến, giáo dục pháp luật có nhiều quy định mới, đột phá, trong đó có quy định ngày 9 tháng 11 là "Ngày pháp luật", nhằm tôn vinh Hiến pháp, pháp luật, giáo dục ý thức thượng tôn pháp luật cho mọi người dân.

- *Công tác rà soát, hệ thống hóa, phát triển hệ thống thông tin, tăng cường minh bạch, công khai, dễ tiếp cận của hệ thống pháp luật:* Công tác rà soát, hệ thống hóa VBQPPL luôn được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quan tâm chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện thường xuyên, định kỳ và theo chuyên đề. Đặc biệt là, triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tư pháp phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức rà soát toàn bộ hệ thống pháp luật, qua đó phát hiện những VBQPPL không còn phù hợp để kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành mới, đảm bảo phù hợp Hiến pháp 2013. Pháp

¹⁵ Theo quy định của Hiến pháp 2013 và Luật Tổ chức Chính phủ 2015, Chính phủ là cơ quan hành pháp, cơ quan chấp hành của Quốc hội, thực hiện nhiệm vụ tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; Thủ tướng Chính phủ có nhiệm vụ tổ chức thi hành pháp luật; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ "*tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc*"; UBND tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương, tổ chức thi hành nghị quyết của HĐND.

luật về công báo cơ bản đã được xây dựng, hoàn thiện, bảo đảm tính công khai, minh bạch, nâng cao khả năng tiếp cận pháp luật của người dân. Về cơ bản, các bộ, cơ quan ngang bộ đều có trang thông tin phục vụ công tác xây dựng pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật, mỗi trang thông tin đều được cập nhật và thường xuyên bổ sung những thông tin quan trọng, thông tin mới để mọi cá nhân, người dân và doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận.

- Về bố trí nguồn lực tổ chức, biên chế thi hành pháp luật, thực hiện Nghị quyết số 39-NQ-TW ngày 17/04/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 108/2004/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về tinh giản biên chế các bộ, ngành và địa phương đều cố gắng khắc phục những hạn chế, khó khăn, sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế, kinh phí để bảo đảm điều kiện cho việc thi hành pháp luật trong ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ, ngành, địa phương mình¹⁶.

- *Đề cao kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động của cơ quan nhà nước*: Pháp luật về cán bộ, công chức bổ sung quy định về thanh tra công vụ đối với việc thực hiện tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, biệt phái, miễn nhiệm, đánh giá, thôi việc, nghỉ hưu, khen thưởng, xử lý kỷ luật công chức, đạo đức, văn hóa giao tiếp trong thi hành công vụ của công chức và các điều kiện bảo đảm cho hoạt động công vụ. Việc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án, xử lý các vụ việc về tham nhũng, kinh tế tạo bước đột phá trong phát hiện, xử lý nghiêm sai phạm, có sức cảnh báo, răn đe mạnh mẽ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và bộ máy Nhà nước, khẳng định quyết tâm chống tham nhũng của Đảng, Nhà nước, “không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể người đó là ai”, thực hiện mục tiêu “nhốt quyền lực vào trong lồng cơ chế”.

- *Tăng cường năng lực thiết chế theo dõi thi hành pháp luật*: Các thiết chế thực thi công tác theo dõi thi hành pháp luật cũng lần đầu tiên được hình thành theo Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ, gắn với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tư pháp và các tổ chức pháp chế từ trung ương đến địa phương. Theo đó, ở trung ương đã giao nhiệm vụ theo dõi thi hành pháp luật cho Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật thuộc Bộ Tư pháp. Ở địa phương, có 60/63 Sở Tư pháp đã thành lập Phòng chuyên môn thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật¹⁷.

¹⁶ Báo cáo của Chính phủ về tình hình kinh tế xã hội năm 2018 và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2019 đã giảm số lượng lớn các Tổng cục, Vụ, Cục thuộc Bộ; giảm trên 86,3 nghìn biên chế (12,4 nghìn công chức).

¹⁷ Hiện có 03 Sở Tư pháp chưa thành lập là: Phú Thọ, Lai Châu, Thanh Hóa.

- *Nguồn lực tài chính cho công tác tổ chức thi hành pháp luật*: Nhiều bộ, ngành và địa phương đã quan tâm, bố trí kinh phí cho công tác theo dõi thi hành pháp luật. Hằng năm, các bộ, ngành, địa phương đều lập dự toán trong kinh phí thường xuyên, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành¹⁸.

3. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và đề xuất, kiến nghị tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tổ chức thi hành pháp luật

3.1. Tồn tại, hạn chế

- Về bảo đảm tính liên kết giữa ban hành VBQPPL và tổ chức thi hành pháp luật: Các điều kiện bảo đảm tổ chức thi hành pháp luật chưa được xem xét kỹ khi ban hành luật, việc đánh giá tác động kinh tế - xã hội trước khi ban hành luật chưa được chú trọng đúng mức. Nhiều đạo luật vẫn còn chậm được ban hành hoặc được ban hành nhưng khó đi vào cuộc sống do thiếu các điều kiện bảo đảm, thiếu cơ chế kiểm tra, theo dõi, việc đánh giá tác động kinh tế - xã hội của đạo luật sau khi đã có hiệu lực thi hành.

- Công tác tổ chức thi hành pháp luật tuy đã được quan tâm, nhưng vẫn chưa có cơ chế đủ mạnh, đồng bộ để thực hiện hiệu quả; chế tài pháp lý chưa thực sự nghiêm khắc, vẫn còn hiện tượng “nhờn” luật trên một số lĩnh vực; tình trạng ban hành VBQPPL có nội dung không khả thi, chưa phù hợp thực tiễn gây bức xúc dư luận vẫn còn tồn tại ở một số bộ, ngành và địa phương.

- Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật còn phân tán, dàn trải, nguồn lực hạn chế, hiệu quả chưa cao; nội dung và hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật chưa sát và phù hợp với đối tượng, nhu cầu thực tiễn và địa bàn. Vẫn còn tư tưởng coi phổ biến, giáo dục pháp luật là công việc riêng của ngành Tư pháp.

- Về công tác kiểm tra văn bản: Một số văn bản có dấu hiệu vi phạm pháp luật đã được phát hiện, kết luận nhưng chưa được xử lý kịp thời. Việc khắc phục hậu quả do thực hiện văn bản trái pháp luật gặp nhiều khó khăn. Chưa có giải pháp để đảm bảo sự đồng bộ, gắn kết công tác kiểm tra văn bản với theo dõi thi hành pháp luật.

- Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật: Nghị định số 59/2012/NĐ-CP có phạm vi lĩnh vực theo dõi rộng, trong khi đó, quy định về tiêu chí đánh giá tình hình thi hành pháp luật chưa cụ thể; việc triển khai các hoạt động theo

¹⁸ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng VBQPPL và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

đổi thi hành pháp luật ở nhiều bộ, ngành và địa phương vẫn còn mang tính hình thức, nhất là việc phản ứng chính sách thông qua theo dõi tình hình thi hành pháp luật còn chậm, thụ động, đặc biệt việc xử lý đối với các kiến nghị của Bộ Tư pháp tại báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm chưa được các bộ, ngành, địa phương quan tâm giải quyết triệt để.

- Việc thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền vẫn còn những tồn tại, hạn chế, cụ thể như: kỷ luật, kỷ cương nhiều nơi chưa nghiêm; việc phối hợp công tác giữa một số cơ quan, đơn vị chưa chặt chẽ; còn tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; hiệu lực, hiệu quả quản lý, chỉ đạo điều hành trong một số lĩnh vực chưa cao; nhiều vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài chưa được giải quyết dứt điểm; dư luận về tham nhũng, lãng phí, lợi ích nhóm vẫn còn ở nhiều cơ quan, đơn vị; một bộ phận cán bộ ở các cấp, các ngành chưa thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, làm giảm sút niềm tin của Nhân dân.

3.2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

3.2.1. Nguyên nhân khách quan

- *Thứ nhất*, tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật là nhiệm vụ mới được Hiến pháp năm 2013 ghi nhận, nội hàm, yêu cầu, phương pháp, cách thức thực hiện vẫn còn nội dung chưa rõ nên khi thực hiện còn lúng túng. Các điều kiện bảo đảm thi hành pháp luật vẫn còn hạn chế. Công tác theo dõi, quản lý, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thi hành pháp luật chưa được chú trọng, không có hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia cũng như các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá hiệu quả thi hành pháp luật làm công cụ quản lý nhà nước. Chưa có ở tầm văn bản luật về thi hành pháp luật, nên chưa xử lý được đầy đủ cơ chế phối hợp liên ngành, và xác định trách nhiệm pháp lý trực tiếp đối với các cơ quan ngoài hệ thống hành pháp.

- *Thứ hai*, hệ thống pháp luật của Việt Nam thiếu đồng bộ, nhiều nội dung chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền, còn chồng chéo; tính công khai, minh bạch, khả thi, ổn định còn hạn chế. Cơ chế, quy chế, tổ chức và các điều kiện để thực thi dân chủ, phát huy quyền của Nhân dân trong việc theo dõi, giám sát thi hành pháp luật còn thiếu và chưa đồng bộ.

- *Thứ ba*, xã hội Việt Nam vẫn tồn tại tâm lý và văn hóa hành chính cũ, mà theo đó, các cơ quan, công chức coi việc xây dựng và thực thi chính sách pháp luật như là đặc quyền riêng của mình và vì thế các công việc của Nhà nước luôn khép kín, còn nhân dân ý lại, coi đó là công việc của Nhà nước, ít có quan tâm chung tới hoạt động của Nhà nước và các chính sách, nếu không có ảnh hưởng trực tiếp tới lợi ích cá nhân.

3.2.2. Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, nhận thức của lãnh đạo một số cơ quan về vai trò, tầm quan trọng về công tác xây dựng pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật còn hạn chế, dẫn đến việc triển khai các chủ trương, chỉ đạo của Đảng chưa thật sự đúng yêu cầu. Sự lãnh đạo của một số tổ chức Đảng, cấp uỷ Đảng đối với việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW cũng chưa thường xuyên, chưa sâu sát.

Thứ hai, tư duy xây dựng pháp luật, gắn xây dựng với tổ chức thi hành pháp luật chưa được đổi mới triệt để, chưa phù hợp với bối cảnh mới. Cơ chế bảo đảm sự kiểm tra, giám sát của người dân, xã hội đối với công tác tổ chức thi hành pháp luật chưa phát huy đầy đủ hiệu quả trong thực tiễn. Nhiều cá nhân, tổ chức chưa nhận thức đầy đủ trách nhiệm về tham gia xây dựng pháp luật, giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực thi chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Thứ ba, năng lực, trình độ của cán bộ pháp chế, cán bộ làm công tác xây dựng, thực thi pháp luật tại bộ, ngành, địa phương tuy đã được nâng lên nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn (mới chủ yếu tập trung ở trung ương), tính chuyên nghiệp chưa cao, năng lực trình độ nhận diện vấn đề và kỹ năng, nhất là kỹ năng phân tích, dự báo, xây dựng chính sách, kỹ năng soạn thảo VBQPPL chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Ngoài ra, cơ chế đãi ngộ chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn nên không tạo sức hút nguồn cán bộ có chuyên môn cao.

Thứ tư, công tác nghiên cứu lý luận trong lĩnh vực pháp luật và đổi mới tư duy lập pháp chưa thực sự đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, chưa gắn việc xây dựng pháp luật với phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước.

Thứ năm, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, Nhân dân chưa cao; chưa tự giác, trong khi cơ chế phát hiện vi phạm chưa hiệu quả; chế tài xử lý vi phạm chưa thực sự nghiêm.

3.3. Bài học kinh nghiệm

- Thứ nhất, nhận thức đúng đắn và lãnh đạo sát sao của các tổ chức Đảng, cấp uỷ Đảng là yếu tố quan trọng hàng đầu để bảo đảm cho việc triển khai hiệu quả công tác thi hành pháp luật tại các bộ, ngành và địa phương. Thực tiễn cho thấy, nơi nào tổ chức Đảng, các cấp uỷ Đảng, người đứng đầu cấp uỷ nhận thức đầy đủ, sâu sát về yêu cầu, định hướng nội dung xây dựng pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật và chỉ đạo quyết liệt thì nơi đó có nhiều chuyển biến tích cực.

- Thứ hai, gắn xây dựng pháp luật với tổ chức thi hành pháp luật. Ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật đúng thời hạn; phân công trách nhiệm rõ ràng cho các cơ quan, tổ chức trong bảo đảm các điều kiện,

nguồn lực cho thi hành luật; có cơ chế để kiểm tra, giám sát việc thi hành, nhất là đánh giá tác động hiệu quả kinh tế - xã hội thực tế của văn bản được thi hành.

- Thứ ba, cần bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác thi hành pháp luật với Chiến lược cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW, công tác cải cách hành chính, trong đó chú trọng đến các nội dung như: cải cách thể chế; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, Kết luận số 64- KL/TW ngày 28 tháng 5 năm 2013 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ trung ương đến cơ sở và Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

3.4. Một số đề xuất, kiến nghị tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thi hành pháp luật

- Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước pháp quyền nói chung, trong từng lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp nói riêng để vừa đảm bảo tăng cường sự lãnh đạo về đường lối của Đảng đối với việc xây dựng pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật, vừa đảm bảo tính pháp quyền trong việc thực hiện quyền lực nhà nước.

- Tăng cường giám sát, kiểm tra của các cấp ủy Đảng đối với công tác xây dựng và thi hành pháp luật của các cơ quan nhà nước, nhất là theo chuyên đề đối với các lĩnh vực quản lý nhà nước có nhiều vướng mắc trong thể chế và trong phối hợp tổ chức thực hiện gây ảnh hưởng không tốt đối với đời sống xã hội.

- Đề nghị Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết về việc tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định tại Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24 tháng 5 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 đối với những nội dung còn phù hợp cho đến khi ban hành Nghị quyết mới về những vấn đề liên quan bên cạnh việc đề ra các nhiệm vụ và giải pháp mới, đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý nhà nước và xã hội trong giai đoạn cách mạng mới.

- Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp sớm nghiên cứu, xây dựng, trình Ban Cán sự Chính phủ, Bộ Chính trị xem xét, ban hành “*Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật*”.

- Triển khai và tổ chức thực hiện Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW, tiếp tục triển khai mạnh mẽ Luật phổ biến, giáo dục pháp luật một cách thiết thực, hiệu quả./.

THAM LUẬN

TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG PHÒNG CHỐNG TIÊU CỰC, THAM NHŨNG TRONG CÔNG TÁC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ, HÀNH CHÍNH¹⁹

1. Đặc điểm tình hình; việc lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Tư pháp, Đảng ủy Tổng cục THADS, Tổng cục THADS trong công tác phòng, chống tiêu cực, tham nhũng về thi hành án dân sự, hành chính

Tham nhũng trong hoạt động tư pháp nói chung và thi hành án dân sự nói riêng đó là khi thực hiện hoạt động tư pháp, người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó thực hiện các hành vi xâm hại đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện các hoạt động tư pháp trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án đối với vụ án hình sự, các vụ, việc dân sự, kinh doanh thương mại, lao động, hành chính và các việc khác thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án trong việc bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

Tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động thi hành án dân sự xuất hiện ở nhiều khâu khác nhau. Trong giai đoạn tiếp nhận, xử lý, giải quyết đơn thư tố giác, khiếu nại, tố cáo các vụ việc, vụ án, là các biểu hiện: Chuyển đơn lòng vòng, không giải quyết dứt điểm; bao che cho cơ quan, đơn vị, người bị khiếu nại, tố cáo gây nên khiếu kiện phức tạp, kéo dài; tìm cách kéo dài thời gian giải quyết trái quy định làm phát sinh hành vi tiêu cực khác hoặc tìm lý do khác để không giải quyết; Ra quyết định thi hành án trái pháp luật hoặc không ra các quyết định thi hành án khi có căn cứ pháp luật; ra các quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp khẩn cấp tạm thời, cưỡng chế thi hành án trái pháp luật; hợp thức hóa việc nộp tiền đầu giá tài sản để trích thu phí thi hành án và ra quyết định giải tỏa kê biên trái pháp luật hoặc các hành vi cố ý không ra hoặc chậm ra quyết định áp dụng nêu trên khi có căn cứ pháp luật; tổ chức thi hành các quyết định thi hành án trái pháp luật hoặc cố ý không tổ chức thi hành các quyết định về thi hành án khi có căn cứ pháp luật...

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên, trong đó có nguyên nhân là do hệ thống pháp luật ở nước ta còn chông chéo, chưa rõ ràng; một số chế định pháp luật còn áp dụng chế tài tùy nghi. Việc giải thích, hướng dẫn pháp

¹⁹ Đảng ủy Tổng cục Thi hành án dân sự

luật chưa kịp thời, chưa được quan tâm đúng mức, khiến cho việc nhận thức, áp dụng pháp luật giữa những người thực hiện hoạt động tư pháp, giữa các cơ quan tư pháp không thống nhất. Việc kiểm soát quyền lực trong hoạt động tư pháp chưa chặt chẽ, phân công, phân cấp chưa rõ ràng. Quy định về trách nhiệm người đứng đầu trong các cơ quan tư pháp nói chung và trong các cơ quan thi hành án dân sự nói riêng thiếu cụ thể (nhất là trong hệ thống này các chức danh tư pháp được thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tương đối độc lập), chưa khuyến khích họ tích cực, chủ động trong việc phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng, tiêu cực trong cơ quan, đơn vị mình quản lý; người đứng đầu cơ quan, đơn vị chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc về tính nghiêm trọng của tệ tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động tư pháp. Việc quản lý, giáo dục cán bộ, công chức trong một số cơ quan thi hành án dân sự còn yếu. Một số thủ trưởng đơn vị vẫn chưa quan tâm đúng mức đến công tác đấu tranh phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực trong đơn vị mình hoặc có triển khai nhưng chỉ mang tính hình thức. Một số cán bộ chủ chốt trong các cơ quan tư pháp chưa giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống; chưa đi đầu và nêu cao tính gương mẫu trong đơn vị do mình phụ trách. Hiên tượng bao che, không xử lý cho dù cấp dưới đã vi phạm hoặc xử lý nội bộ, không đúng với tính chất, mức độ sai phạm. Nhiều trường hợp, dù đã phát hiện cấp dưới có dấu hiệu tội phạm, nhưng vẫn không chuyển cơ quan điều tra để xác minh, điều tra theo luật định. Việc quản lý nghiệp vụ, quản lý cán bộ, công chức tại một số cơ quan thi hành án dân sự chưa chặt chẽ; chưa quan tâm đúng mức đến việc phát hiện tham nhũng, tiêu cực trong đơn vị mình. Nhiều cơ quan, đơn vị chưa coi trọng công tác thanh tra, kiểm tra; chất lượng hoạt động thanh tra, kiểm tra ngang cấp, giữa cơ quan cấp trên với cấp dưới chưa đáp ứng yêu cầu v.v.

Nhận thức rõ tính chất, đặc điểm của các hiện tượng tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động THADS, hành chính, nên công tác phòng, chống tiêu cực, tham nhũng (PCTCTN) đã được Đảng, Nhà nước ta xác định là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, vừa cấp bách, khó khăn, vừa phức tạp và lâu dài. Do đó, Ban chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành nhiều Nghị quyết, kết luận, chỉ thị về công tác này²⁰. Quốc hội đã ban hành Luật Phòng, chống tham nhũng; Chính phủ ban hành các Nghị định, Nghị

²⁰ Nghị quyết Trung ương 3 khóa X; Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/5/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI và Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị; Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị (khóa XI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Quy định số 65-QĐ/TW ngày 03/02/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chỉ đạo, định hướng cung cấp thông tin tuyên truyền PCTN; Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị toàn quốc về công tác PCTN năm 2018; Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay và Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh PCTN, lãng phí, tiêu cực.

quyết hướng dẫn thi hành Luật, Thủ tướng Chính phủ ban hành các Chỉ thị, Công điện để triển khai và chỉ đạo thực hiện các văn bản trên²¹. Đối với lĩnh vực THADS, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-BTP ngày 11/02/2014 về tăng cường phòng, chống tiêu cực, tham nhũng trong THADS; hàng năm Bộ đều ban hành Kế hoạch triển khai công tác phòng, chống tiêu cực, tham nhũng. Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp đã ban hành Công văn số 449-CV/BCSD ngày 19/7/2019 về rà soát, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, tham nhũng trong các cơ quan, đơn vị có chức năng thanh tra, kiểm tra PCTN, TC. Vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp là những hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức và quy tắc xử sự trong hoạt động tư pháp, do người có thẩm quyền hoặc có liên quan đến hoạt động tư pháp thực hiện trong quá trình thực thi hoạt động tư pháp đã cố ý hoặc vô ý xâm hại đến hoạt động đúng đắn của cơ quan điều tra, kiểm sát, xét xử và thi hành án, xâm phạm đến quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, xã hội.

Triển khai các văn bản trên, Đảng ủy Tổng cục đã chỉ đạo, lãnh đạo Tổng cục THADS ban hành nhiều văn bản để quán triệt, thực hiện trong toàn Hệ thống THADS: Công văn số 356/TCTHADS-TCCB ngày 13/02/2014 triển khai thực hiện Chỉ thị số 01/-BTP ngày 11/02/2014 trong toàn Hệ thống THADS; Công văn số 956/TCTHADS-GQKNTC ngày 26/3/2020 quán triệt, triển khai thực hiện công tác phòng, chống tiêu cực, tham nhũng trong THADS; Công văn số 1695/TCTHADS-GQKNTC ngày 22/5/2020 triển khai Kế hoạch thực hiện phòng, chống tham nhũng của Tổng cục trong toàn Hệ thống THADS; Kế hoạch thực hiện dân chủ trong thi hành án dân sự ngày 11/4/2019 nhằm phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi tiêu cực, quan liêu, phiền hà, sách nhiễu nhân dân.

2. Kết quả thực hiện phòng, chống tiêu cực, tham nhũng trong công tác thi hành án dân sự, hành chính

2.1. Kết quả đạt được

Thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban cán sự đảng, Đảng ủy Bộ, Đảng ủy Tổng cục đã quan tâm chỉ đạo trong công tác phòng, chống tiêu cực, tham nhũng trong thi hành án dân sự, hành chính đã đạt được một số kết quả:

2.1.1. Về công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế về phòng, chống tiêu cực, tham nhũng trong thi hành án dân sự, hành chính

Tham mưu, trình cấp có thẩm quyền ban hành nhiều văn bản pháp luật về THADS: về công tác tổ chức thi hành án, công tác tổ chức cán bộ; quản lý

²¹ Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCTN năm 2018; Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 29/11/2017 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng đến năm 2020; Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 và Công điện 724/CD-CD-TTg ngày 17/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

tiền, tài sản trong THADS; công tác kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; ban hành và chỉ đạo các Cục THADS ban hành các bộ quy trình, quy chế nội bộ.

Để tiếp tục hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, loại bỏ những khâu trung gian, những thủ tục rườm rà, chồng chéo, đặc biệt là những khe hở dễ gây ra tiêu cực, tham nhũng trong thi hành án dân sự, Đảng ủy đã chỉ đạo Tổng cục THADS đang tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi Thông tư số 03/2017/TT-BTP ngày 05/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành THADS; Thông tư số 02/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 quy định quy trình giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự.

2.1.2. Về công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về phòng, chống tiêu cực, tham nhũng trong thi hành án dân sự, hành chính

Đảng ủy Tổng cục đã lãnh đạo chỉ đạo Tổng cục THADS, các cơ quan THADS đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các chính sách, pháp luật về PCTCTN trong Hệ thống THADS thông qua quán triệt nội dung các văn bản về PCTCTN trong các cuộc họp, sinh hoạt Chi bộ. Tiếp tục tổ chức quán triệt sâu rộng và thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Ban chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các Nghị quyết của Chính phủ... liên quan đến công tác PCTCTN²². Gắn công tác phòng chống tiêu cực, tham nhũng với thực hiện hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương²³, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ²⁴; các Chỉ thị, Nghị quyết của Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp về tăng cường phòng chống tiêu cực, tham nhũng trong THADS...

Ngày 30/12/2016, Đảng ủy Tổng cục THADS đã có Kế hoạch toàn khóa số 132-KH/ĐU về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, đồng thời ban hành công văn số 112-CV/ĐU ngày 23/12/2016 chỉ đạo chi ủy các chi bộ trực thuộc tổ chức quán triệt, triển khai Chỉ

²² Nghị quyết Trung ương 3 khóa X; Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/5/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI và Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 29/11/2017 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng đến năm 2020; Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị (khóa XI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Quy định số 65-QĐ/TW ngày 03/02/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chỉ đạo, định hướng cung cấp thông tin tuyên truyền PCTN; Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị toàn quốc về công tác PCTN năm 2018; Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

²³ Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay và Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

²⁴ Chỉ thị số 26/CT-TTg về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

thị số 05-CT/TW và các văn bản có liên quan đến toàn thể đảng viên, công chức, người lao động trong đơn vị. Liên tiếp trong 3 năm gần đây, Đảng ủy Tổng cục ban hành Kế hoạch về việc đẩy mạnh tuyên truyền, học tập và làm theo tư tưởng đạo đức phong cách Hồ Chí Minh (Kế hoạch số 24-KH/ĐU ngày 23/3/2017, Kế hoạch số 35-KH/ĐU ngày 16/4/2018; Kế hoạch số 61-KH/ĐU ngày 27/3/2019) về việc đẩy mạnh tuyên truyền học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, nội dung kế hoạch đã chỉ đạo Tổng cục, các chi bộ trực thuộc, các tổ chức đoàn thể Công đoàn, Đoàn Thanh niên nghiêm túc thực hiện.

Ngày 04/5/2018 Tổng cục THADS đã ban hành Kế hoạch số:1471/KH-TCTHADS về việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và thực hiện Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức ngành Tư pháp” trong hệ thống các cơ quan THADS, đồng thời Tổng cục phối hợp với Đảng ủy Tổng cục tổ chức Hội nghị trực tuyến giữa điểm cầu trung ương với điểm cầu tại 63 Cục THADS. Hội nghị đã nghe Đ/c Vũ Đức Nam - Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Ban Tuyên giáo Đảng ủy Khối các cơ quan trung ương trình bày chuyên đề quan trọng “Xây dựng phong cách, tác phong công tác của người đứng đầu, của cán bộ, đảng viên trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Qua chuyên đề, các đảng viên, công chức, người lao động đã được khái quát lại những nội dung cơ bản của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Ngày 26/5/2020, Tổng cục THADS tổ chức Hội nghị trực tuyến về Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 và các Quy định của Đảng về nêu gương. Qua đó góp phần xây dựng Hệ thống THADS ngày càng tinh gọn, hiệu quả, sáng tạo, đoàn kết; đội ngũ công chức, người lao động yên tâm công tác; kết quả thực hiện nhiệm vụ ngày càng cao và bền vững.

2.1.3. Thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu trong Hệ thống THADS

Xác định người đứng đầu có vai trò đặc biệt quan trọng, chịu trách nhiệm cao nhất trước cấp trên trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật; quản lý, xây dựng cơ quan, đơn vị trong sạch, vững mạnh; gương mẫu, giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên, Đảng ủy, Lãnh đạo Tổng cục luôn tập trung thực hiện đồng bộ và toàn diện các khâu của công tác cán bộ, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, nhất là người đứng đầu, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, then chốt mang tính đột phá trong công tác xây dựng Đảng.

- Gương mẫu, đi đầu, thống nhất cao về ý chí và hành động trong việc chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ đảng, các Chỉ thị, quy định của Đảng, quy định của

pháp luật về PCTCTN, quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp; không can thiệp trái pháp luật vào việc giải quyết vụ việc thi hành án hoặc lợi dụng ảnh hưởng của mình tác động đến người có trách nhiệm thi hành án vì mục đích vụ lợi; chủ động phòng ngừa, phát hiện và xử lý cán bộ, công chức có hành vi, biểu hiện tham nhũng; chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong đơn vị mình.

- Thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình theo quy định pháp luật; chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý thực hiện công khai, minh bạch; trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật về công khai, minh bạch thì xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện phân công trách nhiệm rõ ràng đối với cấp phó được giao phụ trách trong từng lĩnh vực; quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của cấp phó, tránh tình trạng chồng chéo, bỏ trống trong hoạt động quản lý. Nguyên tắc, Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm chung và chịu trách nhiệm trực tiếp đối với lĩnh vực do mình quản lý, cấp phó chịu trách nhiệm trực tiếp đối với lĩnh vực được giao phụ trách.

- Thực hiện và có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo công tác PCTCTN; chủ động tự phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng trong tổ chức, cơ quan, đơn vị mình. Xử lý kịp thời, nghiêm minh Lãnh đạo cơ quan, đơn vị để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình trực tiếp lãnh đạo, quản lý nhưng không chủ động phát hiện, xử lý, nhất là đối với trường hợp bao che, ngăn cản việc phát hiện, xử lý tham nhũng.

- Thực hiện dân chủ trong quản lý và điều hành hoạt động của cơ quan, đơn vị; trong quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức thông qua Quy chế nội bộ của cơ quan, đơn vị, các cuộc họp giao ban định kỳ, hàng tháng, hàng quý và 6 tháng. Thường xuyên đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao và đề ra các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phải thực hiện trong thời gian tới của cơ quan, đơn vị. Cuối năm, người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải tổ chức đánh giá tổng kết hoạt động của cơ quan, đơn vị tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

- Xem xét, giải quyết kịp thời theo quy định của pháp luật các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của cán bộ, công chức, viên chức và kiến nghị của các tổ chức đoàn thể của cơ quan, đơn vị; kịp thời báo cáo với cơ quan có thẩm quyền những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình. Kịp thời xử lý người có hành vi cản trở việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan,

đơn vị và người có hành vi trả thù, trù dập cán bộ, công chức, viên chức khiếu nại, tố cáo, kiến nghị theo quy định của pháp luật.

2.1.4. Về công tác tổ chức cán bộ

- Xác định công tác tổ chức cán bộ là then chốt, Đảng ủy tập trung chỉ đạo Tổng cục và các cơ quan THADS địa phương đã thực hiện công khai, minh bạch trong công tác tổ chức cán bộ, đặc biệt là trong tuyển dụng, bố trí, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức, hạn chế đến mức thấp nhất sai sót, để xảy ra khiếu kiện trong công tác này; thực hiện đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ trong thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ công chức; tăng cường kiểm soát công tác tuyển dụng công chức, đảm bảo công khai, minh bạch trong tuyển dụng công chức; tổ chức thi tuyển công chức của cơ quan THADS theo hướng tập trung; tổ chức thi nâng ngạch theo đúng quy định. Cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức theo yêu cầu vị trí việc làm và tăng cường chất lượng công chức. Trong đó, Tổng cục THADS là một trong những đơn vị đi đầu trong việc xây dựng, hoàn thiện Đề án cơ cấu, xác định vị trí việc làm. Đồng thời, tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy định về công tác cán bộ, nhằm kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong công tác này, xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xảy ra sai phạm, tham nhũng.

- Về công khai, minh bạch tài sản, thu nhập trong PCTCTN: Toàn Hệ thống THADS đã triển khai thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập cá nhân của cán bộ, công chức Lãnh đạo, Chấp hành viên, Thẩm tra viên, niêm yết công khai bản kê khai tài sản, thu nhập theo đúng quy định của Luật PCTN năm 2018. Việc kê khai tài sản của cán bộ, đảng viên đã được thực hiện một cách đầy đủ, trung thực và công khai trong đảng bộ, chi bộ. Trong các cơ quan THADS, không có phản ánh về những thu nhập, tài sản bất minh, không có dư luận tố cáo của nhân dân về việc kê khai tài sản của cán bộ, đảng viên.

Việc thực hiện quy tắc ứng xử của công chức, chuẩn mực đạo đức Chấp hành viên: Toàn Hệ thống THADS đã thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, các quy tắc đạo đức nghề nghiệp: Thực hiện các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức ngành Tư pháp (ban hành theo Quyết định số 2659/QĐ-BTP ngày 03/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp); chuẩn mực đạo đức Chấp hành viên (ban hành kèm theo Quyết định số 51/2002/QĐ-BTP ngày 27/02/2002 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp).

- Về tinh giản, sắp xếp lại tổ chức bộ máy cơ quan THADS, Tổng cục THADS đã phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp xây dựng Đề án biên

chế của Hệ thống tổ chức THADS. Biên chế công chức các cơ quan THADS cũng bước đầu được điều chỉnh phù hợp với vị trí địa lý, đặc điểm vùng miền, khối lượng công việc của các cơ quan THADS. Để sử dụng hiệu quả số biên chế được giao, bảo đảm nguồn lực tăng cường cho các địa phương có số việc, số tiền phải thi hành lớn, hiện nay, Tổng cục đang tham mưu cho Lãnh đạo Bộ nghiên cứu, xây dựng Đề án sắp xếp lại các cơ quan THADS theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng.

Thực hiện chủ trương tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị, từ năm 2015 đến nay, Hệ thống THADS đã tinh giản biên chế đối với 237 người²⁵, trong đó: nghỉ hưu trước tuổi có 219 người và thôi việc có 18 người, đồng thời thực hiện nghiêm việc giảm biên chế theo lộ trình. Từ năm 2016 đến nay toàn Hệ thống THADS đã giảm 869 biên chế, bằng 9,1% so với biên chế năm 2015.

2.1.5. Về công tác tổ chức thi hành án

Thời gian qua, kết quả THADS đạt được liên tục năm sau cao hơn năm trước một cách ổn định và bền vững, hoàn thành, vượt mức chỉ tiêu của Đảng và Nhà nước giao, thể hiện: năm 2017 thi hành xong đạt tỷ lệ 79,25% về việc, 38,31% về tiền; năm 2018 thi hành xong đạt tỷ lệ 80,30% về việc, 38,35% về tiền; năm 2019 thi hành xong đạt tỉ lệ 78,59% việc, 35,43% về tiền trên số có điều kiện thi hành; 06 tháng đầu năm 2020, thi hành xong đạt tỉ lệ 53,00% việc, 17,21% về tiền trên số có điều kiện thi hành.

Kết quả THADS về việc thu hồi tài sản tham nhũng: Một trong những nhiệm vụ của THADS là thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự, trong đó có các vụ án tham nhũng kinh tế. Công tác THADS nói chung và công tác thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế nói riêng đã đạt được những kết quả tích cực đáng ghi nhận, cụ thể: Năm 2017, thi hành xong đạt 72,06% về việc và 64,84% về tiền; năm 2018, đã thi hành xong đạt 61,27% về việc và 27,89% về tiền; năm 2019 thi hành xong đạt tỷ lệ 74,57% về việc, 32,21% về tiền trên số có điều kiện thi hành; 06 tháng đầu năm 2020, thi hành xong đạt tỉ lệ 49,24% về việc và 18,35% về tiền.

2.1.6. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực trong THADS, hành chính

Công tác kiểm tra, đặc biệt công tác tự kiểm tra được chỉ đạo quyết liệt, chặt chẽ, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các sai phạm, siết chặt kỷ luật, góp

²⁵ Nghỉ hưu trước tuổi năm 2015: 14 người; năm 2016: 42 người; năm 2017: 43 người; năm 2018: 31 người; năm 2019: 39 người; đợt 1.2020: 38 người, dự kiến đợt 2.2020: 10 người, bổ sung đợt 2: 2 người. Thôi việc Năm 2015: 1 người; năm 2016: 1 người; năm 2017: 7 người; năm 2018: 3 người; năm 2019: 5 người; dự kiến đợt 2 năm 2020: 1 người.

phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Trên cơ sở theo dõi, thống kê thực hiện công tác kiểm tra tại Tổng cục THADS cho thấy:

Năm 2017 tổ chức kiểm tra 23 cuộc, trong đó 04²⁶ cuộc kiểm tra toàn diện và 19²⁷ cuộc kiểm tra chuyên đề; năm 2018 tổ chức kiểm tra 19 cuộc, trong đó 02²⁸ cuộc kiểm tra toàn diện, 14²⁹ cuộc kiểm tra chuyên đề và 03³⁰ cuộc kiểm tra liên ngành; năm 2019 tổ chức 18 cuộc, trong đó 01 cuộc kiểm tra toàn diện (Khánh Hòa), 16³¹ cuộc kiểm tra chuyên đề và 01 cuộc kiểm tra liên ngành. Kết quả 03 năm qua, trong toàn Hệ thống THADS 03 năm (từ 2017 - 2019) đã phát hiện và xử lý 25 trường hợp có hành vi tham nhũng.

Công tác thanh tra, từ năm 2017 đến nửa đầu năm 2020, Thanh tra Bộ ban hành 109 Kết luận thanh tra liên quan đến công tác THADS³², năm 2017 có 32 Kết luận, năm 2018 có 47 Kết luận, năm 2019 có 27 Kết luận, năm 2020 có 03 Kết luận. Sau khi nhận được Kết luận thanh tra, Tổng cục đã thực hiện đúng và đầy đủ kiến nghị theo kết luận; kịp thời chỉ đạo các cơ quan THADS địa phương thực hiện các kết luận, kiến nghị và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định. Trong đó, nghiêm túc thực hiện các kết luận liên quan đến xử lý vi phạm, đã xem xét, xử lý kỷ luật công chức chiếm 04% qua hoạt động thanh tra.

2.1.7. Thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý

Tại Tổng cục và các cơ quan THADS địa phương đã thực hiện nghiêm yết công khai các quy trình liên quan đến quản lý tài chính, thủ tục THADS, HC và quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo. Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trên các lĩnh vực theo Luật Phòng chống tham nhũng; cải cách hành chính và đổi mới công nghệ quản lý, phương thức thanh toán.

²⁶ Ninh Bình, Phú Yên, Sơn La.

²⁷ Đắc Nông, Quảng Ninh, Vĩnh Long, Tiền Giang, Đồng Tháp, Trà Vinh, Khánh Hòa, Hải Phòng.

²⁸ Lâm Đồng, Thái Nguyên.

²⁹ Tp. Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Sơn La, Bình Thuận, Bà Rịa – Vũng Tàu, Quảng Nam, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Quảng Bình, Quảng Trị, Kiên Giang, An Giang, Thanh Hóa, Bến Tre, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Lào Cai.

³⁰ Bình Dương, Bình Thuận, Gia Lai

³¹ Ninh Thuận, Tp. Hà Nội, Tp. HCM, Lâm Đồng, Bắc Giang, Quảng Ninh, Bạc Liêu, Cao Bằng, Bắc Kan, Điện Biên, Nghệ An, Bình Phước, Tp. Hải Phòng, Đắk Lắk, Tiền Giang, Cần Thơ

³² Năm 2017 có 32 Kết luận, năm 2018 có 47 Kết luận, trong đó: 43 Kết luận thanh tra theo kế hoạch: 09 Kết luận thanh tra về công tác tổ chức cán bộ và việc quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công; 09 Kết luận thanh tra công tác đầu tư xây dựng cơ bản; 25 Kết luận thanh tra về trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng và giải quyết khiếu nại, tố cáo; 36 Kết luận thanh tra liên quan đến việc chấp hành pháp luật của cơ quan thi hành án dân sự và bán đấu giá tài sản đối với vụ việc thi hành án (thanh tra đột xuất). Năm 2019 và nửa đầu năm 2020, Thanh tra Bộ ban hành 30 Kết luận thanh tra, trong đó: 09 Kết luận thanh tra (07 Kết luận thanh tra về quản lý sử dụng ngân sách, tài sản công và công tác tổ chức cán bộ; 02 Kết luận thanh tra về xây dựng cơ bản); 15 Kết luận thanh tra liên quan đến việc chấp hành pháp luật của cơ quan thi hành án dân sự và bán đấu giá tài sản đối với vụ việc thi hành án cụ thể (Thanh tra vụ việc đột xuất). Thanh tra Bộ đã ban hành 06 Kết luận thanh tra về việc thực hiện các quy định về phòng chống tham nhũng và trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo của Thủ trưởng cơ quan THADS địa phương (Thanh tra theo Kế hoạch).

Công tác cải cách thủ tục hành chính, nhất là thủ tục hành chính trong công tác THADS, HC được Tổng cục THADS đặc biệt coi trọng. Tổng cục THADS đã ban hành Quyết định số 536/QĐ-TCTHADS ngày 11/5/2017 về việc triển khai hỗ trợ trực tuyến yêu cầu thi hành án và Quyết định số 537/QĐ-TCTHADS ngày 11/5/2017 về việc ban hành Quy trình triển khai và thực hiện cơ chế một cửa tại các cơ quan THADS. Đến nay, toàn bộ 63 địa phương thực hiện thí điểm tiếp nhận yêu cầu thi hành án trực tuyến; 63 địa phương thực hiện cơ chế một cửa. Kết quả bước đầu cho thấy, việc triển khai thí điểm tiếp nhận yêu cầu thi hành án trực tuyến, thực hiện cơ chế một cửa tại cơ quan THADS đã giảm tải thời gian công sức của người dân, nâng cao tính công khai, minh bạch trong hoạt động THADS, góp phần phòng, chống tiêu cực, tham nhũng trong THADS.

- Tổng cục THADS và các cơ quan THADS địa phương triển khai, thực hiện cải cách hành chính trong quy trình giải quyết công việc: Về tổ chức thi hành án, công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan trực tiếp đến đương sự tạo điều kiện thuận lợi để người dân liên hệ giải quyết công việc đáp ứng yêu cầu cá nhân, tổ chức.

- Áp dụng khoa học công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan, đơn vị; thực hiện công khai, minh bạch hóa các thủ tục hành chính trong THADS như thực hiện đăng tải công khai danh sách người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành và quyết định giải quyết khiếu nại lần 2, thông tin về việc không chấp hành án hành chính trên Cổng/Trang Thông tin điện tử THADS theo quy định; các quy trình tổ chức thi hành án; quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo...; tổ chức triển khai áp dụng hệ thống tiêu chuẩn ISO trong quản lý, kiểm soát hoạt động hành chính; Công khai số điện thoại đường dây nóng, địa chỉ hộp thư điện tử của cơ quan để tiếp nhận, xác minh, xử lý kịp thời thông tin về đơn thư khiếu nại, tố cáo, tiêu cực, tham nhũng liên quan đến THADS.

Đồng thời, xây dựng và áp dụng phần mềm quản lý quá trình thụ lý, tổ chức THA và báo cáo thống kê THADS trong Hệ thống THADS; phần mềm Hỗ trợ trực tuyến thi hành án dân sự phục vụ người dân và doanh nghiệp; phần mềm Hệ thống quản lý văn bản điều hành tại Tổng cục và các cơ quan THADS địa phương; phần mềm Kế toán nghiệp vụ thi hành án trong Hệ thống THADS; phần mềm Lưu trữ dùng chung cho hệ thống THADS; đầu tư mua sắm, lắp đặt và đưa vào sử dụng hệ thống giao ban trực tuyến với 64 điểm cầu (tại Tổng cục và 63 Cục THADS); hệ thống tổng đài nhắn tin SMS tại Tổng cục THADS; cấp chữ ký số cho Lãnh đạo Tổng cục, Lãnh đạo các đơn vị thuộc Tổng cục, các Cục trưởng và một số Trưởng phòng chuyên môn của Cục THADS; 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc Tổng cục, các cơ quan THADS địa

phương đều được cấp hộp thư điện tử công vụ phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ (khoảng 10.000 tài khoản), dung lượng cao nhất lên đến 5GB. Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào xây dựng, gửi báo cáo ngày càng được tăng cường, đi vào nề nếp, rút ngắn thời gian làm báo cáo thống kê, kịp thời phục vụ nhu cầu sử dụng số liệu, thông tin thống kê trong quản lý, điều hành hoạt động thi hành án dân sự.

Đặc biệt là việc đưa vào áp dụng thí điểm một số nội dung yêu cầu thi hành án trực tuyến; các cơ quan THADS địa phương đã thực hiện, triển khai có hiệu quả cơ chế một cửa trong giải quyết thủ tục hành chính và dịch vụ bưu chính công ích trong tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực THADS. Kết quả: 63/63 địa phương đã triển khai thực hiện cơ chế một cửa trong giải quyết thủ tục hành chính (63 Cục THADS và 691/704 Chi cục THADS); Các cơ quan THADS địa phương đã phối hợp, ký thỏa thuận với Bưu điện Việt Nam để triển khai dịch vụ bưu chính công ích trong lĩnh vực THADS.

- Trong hoạt động giải quyết công việc của Tổng cục THADS và cơ quan THADS địa phương đã ban hành và thực hiện các quy trình, quy chế³³; nội quy làm việc của cơ quan, đơn vị và quyết định phân công nhiệm vụ của Lãnh đạo. Việc phân công triển khai thực hiện công việc của cơ quan, đơn vị được thực hiện tại các cuộc họp giao ban hàng tháng, trong thực hiện nhiệm vụ đảm bảo dân chủ, công khai.

2.2. Kết quả phát hiện và xử lý tham nhũng

2.2.1. Số vụ việc tham nhũng, lĩnh vực, đối tượng vi phạm

Các vụ việc tham nhũng đều được phát hiện qua công tác kiểm tra (kiểm tra nội bộ, kiểm tra của cấp trên với cấp dưới), thanh tra, điều tra. Tính chất vi phạm trong các vụ việc liên quan đến tiêu cực, tham nhũng ngày càng phức tạp tập trung vào lĩnh vực quản lý tiền, tài sản, tang vật trong các vụ việc THADS. Mặc dù số vụ việc tham nhũng đã giảm nhưng vẫn ở mức cao (25 trường hợp) được phát hiện. Một số vụ việc vi phạm đã kéo dài nhiều năm nhưng chưa kịp thời phát hiện, dẫn đến công chức bị xử lý hình sự. Đối tượng bị phát hiện và xử lý xảy ra trên hầu hết các vị trí công tác từ cán sự, thư ký thi hành án, thủ kho, thủ quỹ, Chấp hành

³³ Quy chế về tiếp công dân, Quy chế làm việc, Quy chế thực hiện dân chủ, Quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế mua sắm tài sản công, Quy chế quản lý kho vật chứng, tài sản tạm giữ...; bộ quy trình về công tác tổ chức, cán bộ Tổng cục THADS xây dựng gồm: Quy trình tiếp nhận công chức về công tác tại Tổng cục THADS và các cơ quan THADS; Quy trình tuyển dụng công chức, Quy trình tiếp nhận công chức, Quy trình chuyển đổi vị trí công tác, Quy trình định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với Chấp hành viên; Quy trình xử lý kỷ luật đối với công chức, viên chức, người lao động thuộc Tổng cục THADS và các cơ quan THADS; Quy trình chọn, cử và quản lý công chức đi đào tạo, bồi dưỡng trong hệ thống các cơ quan THADS; Quy trình tổ chức thi hành án trong nội bộ cơ quan THADS và Quy trình tổ chức thi hành án trong Hệ thống THADS.

viên cho đến Thủ trưởng đơn vị, nhưng nhiều nhất tập trung vào Thủ trưởng cơ quan THADS, Kế toán, Chấp hành viên, cụ thể, 03 năm qua đã phát hiện, xử lý:

- Lãnh đạo cơ quan THADS: 07 trường hợp Chi cục trưởng bị cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao khởi tố; 01 trường hợp Phó Chi cục trưởng đã bị cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao khởi tố và 01 trường hợp Phó Chi cục trưởng bị kỷ luật.

- Chấp hành viên có 07 trường hợp: 05 trường hợp đã bị khởi tố, 02 trường hợp bị kỷ luật.

- Kế toán có 04 trường hợp: 01 trường hợp đã bị kết án (án cao nhất 17 năm tù), 01 trường hợp đang bị xem xét xử lý hình sự; 02 trường hợp bị kỷ luật.

- Các hành vi tham nhũng xảy ra ở các vị trí công tác khác từ 01 đến 02 trường hợp.

2.2.2. Về các loại hành vi vi phạm liên quan đến tham nhũng, tiêu cực và tính chất, mức độ nghiêm trọng

Các loại hành vi vi phạm liên quan đến tham nhũng có tính chất phức tạp, nghiêm trọng và chủ yếu tập trung vào các trường hợp sau đây:

- Tham ô tài sản; nhận hối lộ; lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tiền của đương sự; lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ;

- Lợi dụng vị trí công tác sử dụng trái phép vật chứng, tiền, tài sản thi hành án trái pháp luật; thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng; xâm tiêu tiền thi hành án;

- Chậm kê biên tài sản, kéo dài thời gian thi hành án nhằm mục đích vụ lợi;

- Chi - thu sai nguyên tắc tài chính trong thi hành án;

- Buông lỏng quản lý, chỉ đạo, kiểm tra tạo điều kiện cho cấp dưới làm trái quy định pháp luật (lập khống hồ sơ thuế kho, bảo trì trụ sở, lập chứng từ khống để rút tiền ngân sách Nhà nước);

- Thu tiền không nhập quỹ thi hành án, cố tình làm sai lệch việc lập báo cáo tài chính nhằm mục đích chiếm đoạt tiền;

- Mở sổ quỹ tiền mặt không đúng quy định, để quỹ tiền mặt tại đơn vị với số tiền lớn, tạo điều kiện để thủ quỹ chiếm dụng tiền quỹ trong thời gian dài;

- Vi phạm quy định pháp luật về quản lý kho vật chứng để trục lợi.

Trong đó, đáng lưu ý trong nhiều vụ việc, tài sản đã được Tòa án kê biên để đảm bảo thi hành án nhưng Chấp hành viên chưa tích cực, chủ động, chưa kịp

thời xử lý, làm chậm tiến độ thu hồi tài sản cho Nhà nước; có trường hợp tài sản để quá lâu không xử lý nên bị giảm giá trị, hư hỏng, bị lấn chiếm, chiếm dụng trái phép, bất hợp pháp. Đặc biệt, hiện nay, có dấu hiệu tình trạng Chấp hành viên câu kết với tổ chức thẩm định giá, bán đấu giá trong quá trình thẩm định giá, bán đấu giá tài sản kê biên để thi hành án, như: (i) lựa chọn các tổ chức thẩm định giá, bán đấu giá tài sản không đủ năng lực hoặc “sân sau”; (ii) tài sản được định giá thấp hơn nhiều lần so với giá thị trường; (iii) quá trình bán đấu giá tài sản diễn ra khép kín, người có nhu cầu không tiếp cận được để mua hồ sơ tham gia phiên đấu giá; (iv) việc công khai thông tin về phiên đấu giá diễn ra không minh bạch, đăng tin trên các tờ báo, trang thông tin ít người xem, không phổ biến..., gây thất thoát tài sản của cá nhân, Nhà nước và ảnh hưởng đến uy tín của Hệ thống THADS.

Ngoài ra, thực tế qua công tác xử lý, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; qua công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm sát và qua phản ánh của các cơ quan báo chí, truyền thông cho thấy còn biểu hiện, hành vi tiềm ẩn nguy cơ có thể xảy ra tham nhũng trong các mặt công tác của lĩnh vực thi hành án dân sự như: Công tác hướng dẫn chỉ đạo nghiệp vụ, chỉ đạo tổ chức thi hành án: Có biểu hiện thông tin cho đương sự trong vụ việc thi hành án đang xin hướng dẫn nghiệp vụ; lợi dụng việc hướng dẫn nghiệp vụ để kéo dài thời gian thi hành án; tham mưu, đề xuất không khách quan, che giấu những sai phạm của Chấp hành viên; Có dấu hiệu hiện tượng người đứng đầu đơn vị (Cục trưởng, Chi cục trưởng) lợi dụng chức vụ, quyền hạn chỉ đạo, can thiệp vào các vụ việc đang tổ chức thi hành án làm thay đổi bản chất vụ việc nhằm trục lợi, chỉ đạo kéo dài thời gian tổ chức thi hành án; còn tình trạng bao che, dung túng cho cấp dưới.

Trong công tác Kế hoạch, tài chính: Vi phạm về quản lý tài chính, kế toán, sử dụng tài sản: Giả mạo, lập không chứng từ, tài liệu để rút tiền của cơ quan, đơn vị; nâng chi phí hoạt động không đúng thực tế để rút, chiếm đoạt tiền của cơ quan, Nhà nước; sử dụng tài sản công vào việc riêng; “Thông thầu” trong mua sắm, sửa chữa tài sản, phương tiện làm việc để tăng chi phí mua sắm, sửa chữa so với giá trị thực tế phát sinh để chiếm đoạt tiền của cơ quan đơn vị. Về đầu tư xây dựng cơ bản: “Thông thầu” với nhà thầu tư vấn, nhà thầu thi công, Ban quản lý dự án để lập hồ sơ không, tăng chi phí không đúng thực tế để chiếm đoạt tiền, tài sản của đơn vị. Về quản lý kho vật chứng, tài sản tạm giữ: Có lúc, có nơi Thủ kho không tiến hành các thủ tục nhập kho vật chứng, tài sản tạm giữ theo quy định; không thực hiện đúng quy định về niêm phong và mở niêm phong dẫn đến việc người có tài sản nghi ngờ, khiếu kiện gay gắt...

Trong công tác kiểm tra, tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo và bồi thường nhà nước: Trong quá trình kiểm tra hồ sơ che giấu những sai phạm của Chấp hành viên; giúp Chấp hành viên hoàn thiện hồ sơ khắc phục những vi phạm; không trung thực trong việc báo cáo kết quả kiểm tra...; quá trình kiểm tra có thái độ không khách quan, gây khó khăn nhằm mục đích vùi vĩnh đương sự, người có quyền lợi liên quan và đơn vị được kiểm tra... Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo: Lợi dụng việc tiếp công dân để tư vấn, đặt vấn đề để hứa giải quyết vụ việc nhanh, qua đó vùi vĩnh, nhận tiền đương sự; tham mưu giải quyết khiếu nại, tố cáo không khách quan, làm sai lệch hồ sơ thi hành án nhằm mục đích vụ lợi.

Trong công tác tổ chức cán bộ: Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, lợi dụng sơ hở trong cơ chế, chính sách, quy định, cố ý làm trái vì vụ lợi; những nhiễu trong công tác cán bộ

2.3. Tôn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.3.1. Tôn tại, hạn chế

- Về công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy Đảng: Một số nơi công tác kiểm tra, giám sát nội bộ liên quan đến việc PCTCTN còn chưa được quan tâm đúng mức. Các cấp ủy Đảng hàng năm có thành lập tổ kiểm tra nhưng chủ yếu tập trung vào thực hiện công tác kiểm tra việc hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn của đảng viên, chưa tiến hành kiểm tra, giám sát chuyên đề về PCTCTN đối với tập thể lãnh đạo đơn vị hoặc tiến hành kiểm tra đối với chấp hành viên, cán bộ, công chức có nhiều đơn khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của người dân trong giải quyết công việc. Một số đơn vị các tổ chức, đoàn thể (Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Ban Thanh tra nhân dân...) chưa thực hiện tốt vai trò giám sát cũng như phản biện đối với các quyết định, quy định của tập thể lãnh đạo trong quản lý, điều hành các hoạt động của đơn vị. Do đó, tham nhũng bị phát hiện qua các hình thức thanh tra, kiểm tra nội bộ và tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo còn hạn chế (thông tin nội bộ, cân nhắc việc đưa các con số nêu trên).

- Về thể chế: Việc hoàn thiện thể chế, pháp luật về THADS và các quy định pháp luật có liên quan còn chậm, chưa kịp thời, không ít quy định còn chồng chéo, mâu thuẫn, sơ hở dễ bị lợi dụng để tham nhũng, tiêu cực; một số quy định của pháp luật về đăng ký tài sản chưa thống nhất, thiếu chặt chẽ, khó kiểm soát được thu nhập, dẫn đến công tác xác minh, xử lý tài sản để thi hành án trở nên phức tạp, khó khăn.

- Về trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, có nơi có lúc chưa thực hiện tốt trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTCTN; một vài địa phương vai trò của người đứng đầu Chi bộ đảng còn mờ nhạt; một số cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa

nêu gương về đạo đức, lối sống, thiếu kiên quyết PCTCTN; thậm chí thiếu tu dưỡng rèn luyện, lợi dụng sơ hở trong quản lý, cơ chế, chính sách để thực hiện hành vi tham nhũng; lợi dụng nhiệm vụ được giao để nhử nhữ, vòi vĩnh; cố ý làm trái những quy định, quy trình công tác để vụ lợi.

- Về công tác tổ chức cán bộ: Việc xử lý cán bộ, công chức vi phạm tại một số cơ quan THADS có lúc, có nơi còn chưa kịp thời, chưa nghiêm, chưa đủ sức răn đe; vẫn còn hiện tượng bao che vi phạm.

- Về công tác kiểm tra của cấp chính quyền chủ yếu tập trung vào kiểm tra việc hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn, chưa kiểm tra sâu về hành vi tiêu cực, tham nhũng. Kỹ năng, năng lực của người kiểm tra chưa cao, hiệu quả kiểm tra thấp, khả năng tự phát hiện tham nhũng trong đơn vị chưa cao dẫn đến nhiều Chi cục có sai phạm rất nghiêm trọng, rất rõ ràng trong thời gian dài nhưng không được phát hiện, xử lý kịp thời.

Công tác phòng chống tiêu cực, tham nhũng thông qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo tại một số cơ quan THADS chưa được chú trọng; chưa chủ động kiểm tra đối với Chấp hành viên, công chức có nhiều đơn khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của người dân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Số vụ việc tiêu cực, tham nhũng được phát hiện thông qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo còn rất ít.

2.3.2. Nguyên nhân

Nguyên nhân khách quan

- Giữa cấp ủy đảng với lãnh đạo ở một số cơ quan THADS phối hợp chưa thường xuyên trong việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị do có ít thời gian dành cho công tác đảng; nghiệp vụ công tác đảng của 1 số cấp ủy còn hạn chế do chưa được tập huấn chuyên sâu, công tác tổ chức thay đổi do một số Bí thư luân chuyển, điều động đi cơ quan khác hoặc đi cơ sở, phải bổ sung mới.

- Hệ thống các quy định pháp luật về tổ tụng hình sự, về PCTN, về quản lý, đăng ký tài sản, giải quyết phá sản, thẩm định giá và bán đấu giá tài sản,... còn có những nội dung chưa thực sự đồng bộ, thống nhất, thậm chí một số quy định còn mâu thuẫn, chòng chéo với Luật THADS và các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật khác, gây khó khăn cho cơ quan THADS trong quá trình tổ chức thi hành án; đồng thời, pháp luật về THADS cũng có một số quy định chưa thực sự phù hợp với thực tiễn hoặc chưa được quy định cụ thể dễ bị lợi dụng để thực hiện hành vi tham nhũng; pháp luật về công tác tổ chức cán bộ, kế toán, tài

chính, quản lý tài sản, thu nhập còn thiếu, một số quy định pháp luật còn bất cập, thiếu chặt chẽ, khó kiểm soát.

- Công tác quản lý về đấu giá tài sản bao gồm nhiều khâu, liên quan đến sự phối hợp, chủ trì của nhiều cơ quan³⁴. Quan điểm, nhận thức về các nghề hỗ trợ tư pháp nói chung và đấu giá nói riêng còn bị đồng nhất với các nghề kinh doanh thông thường nên có lúc chưa chú trọng đến yêu cầu bảo vệ công lý, công bằng xã hội và an toàn giao dịch, chống thất thoát tài sản công.

Nguyên nhân chủ quan

- Cấp ủy, chính quyền một số cơ quan THADS chưa nhận thức được đầy đủ và quan tâm đúng mức về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Chưa dành nhiều thời gian, chưa thực sự sâu sát, quyết liệt trong việc chỉ đạo, thậm chí có nơi còn khoán trắng, bỏ mặc cho Chấp hành viên giải quyết vụ việc không kiểm soát, không kịp thời phát hiện những hành vi tiêu cực, tham nhũng làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

Một số Lãnh đạo là Thủ trưởng cơ quan, Chấp hành viên, cán bộ, công chức thiếu tu dưỡng rèn luyện, lợi dụng sơ hở trong quản lý, cơ chế, chính sách, pháp luật để thực hiện hành vi tham nhũng; lợi dụng nhiệm vụ được giao để nhũng nhiễu, vòi vĩnh; cố ý làm trái những quy định, quy trình công tác để vụ lợi.

- Việc xây dựng, kiện toàn, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức, Chấp hành viên và lãnh đạo các cơ quan THADS mới đạt được những kết quả bước đầu. Chất lượng đội ngũ công chức làm công tác THADS có lúc, có nơi còn chưa đáp ứng yêu cầu công việc, nhiệm vụ dẫn đến tình trạng “tự diễn biến tự chuyển hóa”, lợi dụng chức vụ, quyền hạn tiêu cực, tham nhũng để trục lợi.

- Kỷ luật công vụ, kỷ cương hành chính tại một số cơ quan THADS còn chưa được chấp hành nghiêm, không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ nội dung ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ, Lãnh đạo Tổng cục trong việc xem xét trách nhiệm, xử lý cá nhân có vi phạm trong quá trình tổ chức thi hành án, để tình trạng kéo dài không xử lý, không có đề xuất phương án giải quyết.

3. Giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong phòng, chống tiêu cực, tham nhũng trong công tác thi hành án dân sự, hành chính

Trước yêu cầu, đòi hỏi ngày càng cao của Đảng, Nhà nước và Nhân dân về công tác PCTN,TC, để thực hiện công tác này có hiệu quả, cần phải phát huy

³⁴ Trước khi Luật đấu giá tài sản được ban hành, trình tự, thủ tục đấu giá tài sản được điều chỉnh bởi nhiều văn bản khác nhau như Luật thương mại, Luật khoáng sản, Luật chứng khoán, Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư liên tịch của các Bộ, ngành. Luật đấu giá tài sản quy định về trình tự, thủ tục đấu giá, còn các Luật chuyên ngành quy định về tài sản đưa ra bán đấu giá, về xác định giá khởi điểm tài sản đấu giá.

những kết quả đã đạt được, khắc phục những tồn tại hạn chế và thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp sau:

3.1. Xây dựng hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về thi hành án dân sự, hành chính thật chặt chẽ

Để phòng, chống tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động thi hành án dân sự, hành chính đạt hiệu quả, tới đây cần thực hiện nhiều nội dung: Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kết hợp chặt chẽ giữa "xây và chống" trong công tác phòng, chống tiêu cực trong hoạt động thi hành án dân sự. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng trong các cơ quan tư pháp. Quán triệt, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị về công tác tư pháp và cải cách tư pháp. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ tư pháp và cải cách tư pháp, thực hiện nghiêm túc quy định về sự lãnh đạo của đảng ủy các cấp đối với các cơ quan tư pháp. Tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức đảng và đảng viên giữ các cương vị lãnh đạo các cơ quan thi hành án dân sự từ Tổng cục, Cục, các Chi cục Thi hành án dân sự.

Đảng bộ Tổng cục THADS tiếp tục chỉ đạo Tổng cục nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để đề xuất hoàn thiện thể chế không tạo kẽ hở từ trình tự, thủ tục THADS, HC đến trình tự, thủ tục trong công tác tổ chức cán bộ cho các cán bộ, công chức, viên chức suy thoái, biến chất lợi dụng thực hiện hành vi tham nhũng, tiêu cực. Trong đó, tập trung rà soát, đánh giá những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Luật THADS để làm cơ sở cho việc nghiên cứu, sửa đổi Luật Thi hành án dân sự, xây dựng và thực hiện Đề án đổi mới, sắp xếp lại tổ chức bộ máy trong Hệ thống THADS, Đề án đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra trong Hệ thống THADS; sửa đổi Thông tư số 03/2017/TT-BTP ngày 05/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành THADS (Vụ Tổ chức, cán bộ); sửa đổi Thông tư 02/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định quy trình giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị, phản ánh trong THADS; phối hợp với Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 91/2010/TT-BTC ngày 17/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán nghiệp vụ THADS. Tổ chức thi hành hiệu quả các quy định của pháp luật, các Đề án về THADS, hành chính, các quy định của pháp luật có liên quan.

3.2. Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo củng cố về tổ chức cán bộ trong Hệ thống Thi hành án dân sự

Đổi mới quan điểm đánh giá cán bộ, phương pháp tiến hành, thực hiện quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đến bố trí, sử dụng cán bộ, công chức thật sự dân chủ,

khách quan. Các cấp ủy đảng phải căn cứ nhiệm vụ chính trị, mục tiêu phát triển của cơ quan, đơn vị mình, khảo sát, đánh giá đội ngũ cán bộ, công chức hiện có, từ đó định rõ tiêu chuẩn cụ thể cho từng loại cán bộ (cán bộ đảng, chính quyền, đoàn thể, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ, cán bộ kiểm tra, tổ chức,...) để xem xét, bổ nhiệm chính xác, phát huy tối đa tiềm năng của cán bộ đảng viên.

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị, các tổ chức đoàn thể phải gương mẫu, trong sạch, có trách nhiệm, quyết tâm cao trong công tác PCTN, tiêu cực. Thực hiện nghiêm việc xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị do mình quản lý, phụ trách theo Điều 73 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. Chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong toàn hệ thống vừa giỏi về chuyên môn vừa có bản lĩnh chính trị, có đạo đức, lối sống lành mạnh.

Thực hiện nghiêm túc việc kê khai tài sản, thu nhập đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập theo hình thức phù hợp với đặc điểm, tình hình của đơn vị để cán bộ, nhân viên tham gia giám sát nhằm ngăn ngừa tiêu cực, tham nhũng.

3.3. Thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát trong đảng và trong hoạt động thi hành án dân sự, hành chính

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Xây dựng và triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát toàn khoá, hàng năm và theo chuyên đề của Đảng bộ, Chi bộ cơ sở trong Hệ thống THADS. Nội dung kiểm tra tập trung vào việc thi hành Điều lệ Đảng, thực hiện các chỉ thị, nghị quyết Trung ương, của cấp uỷ Đảng các cấp, thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị; việc thực hiện Quy định 19 điều Đảng viên không được làm; thực hiện Quy định 213-QĐ/TW về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú; thực hiện tốt công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong Đảng; phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng quy định những dấu hiệu và đảng viên vi phạm kỉ luật Đảng, pháp luật Nhà nước.

Các cấp ủy đảng cần chỉ đạo cấp chính quyền thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát việc hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn, đồng thời, đẩy mạnh kiểm tra, giám sát thực hiện PCTN,TC trong THADS, HC với nhiều phương thức: kiểm tra cấp trên đối với cấp dưới, kiểm tra, giám sát nội bộ, kiểm tra chéo; giám sát chéo giữa các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội. Nâng cao vai trò giám sát của các tổ chức đoàn thể xã hội đối với việc thực hiện quy định pháp luật về PCTN,TC để đẩy lùi.

3.4. Cấp ủy đảng tăng cường phối hợp với cấp chính quyền tuyên truyền, phổ biến, triển khai, quán triệt đầy đủ nội dung, tinh thần các văn bản, nghị quyết, quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác PCTCTN trong Hệ thống THADS nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, tích cực, thống nhất từ nhận thức đến hành động của cán bộ, công chức, người lao động tại đơn vị trong việc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

3.5. Chú trọng bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu công tác đảng cho cấp ủy các cấp. Tăng cường bồi dưỡng, tập huấn, xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn các quy trình trong đảng làm căn cứ cho cấp ủy thực hiện thống nhất, hạn chế tình trạng lúng túng, tiết kiệm thời gian để thực hiện nhiệm vụ chính trị chuyên môn.

3.6. Duy trì và thực hiện tốt việc công khai, minh bạch hoạt động của cơ quan, đơn vị trên các lĩnh vực, nhận diện đầy đủ các biểu hiện, hành vi tham nhũng, tiêu cực trong THADS, hành chính

Công khai thủ tục thi hành án, trình tự, thủ tục giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, đường dây nóng, số điện thoại đường dây nóng, địa chỉ hộp thư điện tử tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, tố giác, tố cáo của người dân và phần mềm hỗ trợ trực tuyến THADS phục vụ người dân; tăng cường đối thoại với công dân nhằm kịp thời tiếp nhận, phát hiện và xử lý thông tin, phản ánh, tố giác, tố cáo của người dân đối với vụ việc, vụ án tham nhũng.

Đầu tư xây dựng cơ bản, lĩnh vực được coi là có phần nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực phải đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo ngay từ bước chuẩn bị lập dự án đầu tư. 100% các dự án, công trình được minh bạch qua các giai đoạn đầu tư (chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, kết thúc đầu tư và thanh quyết toán). Qua các khâu đều được các cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia thẩm định, giám sát và kiểm tra. Công tác đấu thầu, chỉ định thầu được thực hiện nghiêm túc, công khai trên cơ sở quy định của Luật Đấu thầu; đăng tải thông tin về mời thầu, xét thầu, thông báo kết quả đấu thầu. Đặc biệt, các dự án khi triển khai đầu tư, các địa phương nơi có dự án đều thành lập ban giám sát cộng đồng để thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát quá trình thi công.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới công nghệ quản lý. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng cục, các cơ quan THADS địa phương tổ chức rà soát, phân tích nhận diện đầy đủ các biểu hiện, hành vi tham nhũng, tiêu cực có thể xảy ra và thực hiện phòng, ngừa tại đơn vị. Từ đó, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các biểu hiện, hành vi tham nhũng, tiêu cực xảy ra tại đơn vị.

THAM LUẬN
NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
VỀ HỘ TỊCH BẢO ĐẢM THỰC THI
QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN CÔNG DÂN³⁵

Tôn trọng, bảo đảm quyền con người, quyền công dân là vấn đề luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm thực hiện. Việt Nam đã tham gia ký kết, trở thành thành viên của nhiều điều ước quốc tế quan trọng về quyền con người và nghiêm chỉnh tuân thủ các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết. Các quyền con người, quyền công dân trong các điều ước quốc tế đó đã và đang được nội luật hóa, thể hiện ngày càng đầy đủ, rõ nét trong Hiến pháp, pháp luật Việt Nam.

Pháp luật về hộ tịch với các quy định về trình tự, thủ tục, cách thực thực hiện đăng ký các sự kiện hộ tịch của con người, đặc biệt là sự kiện sinh – đăng ký khai sinh, cấp Giấy khai sinh, giấy tờ pháp lý chính thức đầu tiên xác định các thông tin về nhân thân, về mối quan hệ cha, mẹ, con, xác định quốc tịch – mối quan hệ giữa nhà nước và công dân, là cơ sở để thực hiện quyền công dân và các quyền khác của con người, là một trong các phương thức quan trọng để bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân. Việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hộ tịch trong thời gian vừa qua đã góp phần thúc đẩy, bảo đảm việc thực thi quyền con người, quyền công dân.

1. Hoàn thiện thể chế trong lĩnh vực hộ tịch

Luật hộ tịch, được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 20/11/2014, là văn bản đầu tiên ở tầm luật của Việt Nam trong lĩnh vực hộ tịch, đánh dấu một bước quan trọng trong hoạt động thể chế trong lĩnh vực hộ tịch. Việc ban hành các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật cũng được triển khai đồng bộ, kịp thời. Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch, Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực đồng bộ cùng với Luật, đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực thi của cả cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch và người dân, nâng cao hiệu quả thực hiện các quyền đăng ký hộ tịch của cá nhân, không để tình trạng Luật phải chờ Nghị định, Thông tư hướng dẫn.

Với mục tiêu hướng về cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân đăng ký hộ tịch (ĐKHT), Luật hộ tịch đã phân cấp mạnh hơn về thẩm quyền

³⁵ Chi bộ Cục Hộ tịch, Quốc tịch, chứng thực

ĐKHT, chuyển giao toàn bộ thẩm quyền giải quyết toàn bộ các việc ĐKHT có yếu tố nước ngoài cho UBND cấp huyện nhằm phát huy tối đa năng lực, trách nhiệm của chính quyền địa phương; tăng cường vai trò quản lý nhà nước của UBND cấp tỉnh, tiến tới mục tiêu lâu dài là phân cấp triệt để thẩm quyền ĐKHT cho chính quyền cơ sở khi điều kiện cho phép. Cùng với đó, Luật hộ tịch quy định cho phép cá nhân có quyền lựa chọn cơ quan ĐKHT cho mình mà không phải phụ thuộc vào nơi cư trú như trước đây.

Nhằm tiếp tục đơn giản hóa thủ tục ĐKHT, Luật hộ tịch đã cải cách mạnh mẽ về trình tự, thủ tục ĐKHT; bảo đảm công khai, minh bạch về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời gian giải quyết các yêu cầu ĐKHT; Luật xác định phải xây dựng CSDL hộ tịch điện tử để lưu giữ thông tin hộ tịch của cá nhân, kết nối để cung cấp thông tin hộ tịch cơ bản của cá nhân cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tiến tới quản lý công dân thông qua phương thức hiện đại, công dân có thể sử dụng phương thức trực tuyến để đăng ký hộ tịch, khai thác các dữ liệu hộ tịch của bản thân thông qua CSDL hộ tịch điện tử để thực hiện các thủ tục hành chính khác. Các việc hộ tịch cơ bản như: đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước; việc đăng ký hộ tịch của người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật theo quy định của Luật hộ tịch đều được miễn lệ phí.

2. Chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện pháp luật hộ tịch đồng bộ, hiệu quả

- Về công tác chỉ đạo, lập kế hoạch: Để triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả, thống nhất trên toàn quốc, với trách nhiệm là cơ quan giúp Chính phủ quản lý nhà nước về hộ tịch, Bộ Tư pháp đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật hộ tịch³⁶; chủ động phối hợp với các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh tổ chức thực hiện Kế hoạch, bảo đảm các nhiệm vụ theo Kế hoạch được hoàn thành đúng tiến độ, có hiệu quả³⁷. Ở địa phương, Sở Tư pháp đã chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai thi hành Luật hộ tịch³⁸ của tỉnh, chú trọng công tác chuẩn bị về nhân lực, cơ sở vật chất phục vụ cho việc đăng ký hộ tịch.

³⁶ Ngày 15/01/2015, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 59/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật hộ tịch (toàn quốc); Bộ trưởng Bộ Tư pháp có Quyết định số 333/QĐ-BTP ngày 14/02/2015 ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật hộ tịch của Bộ Tư pháp.

³⁷ Hoàn thành nhiệm vụ xây dựng thể chế (đã ban hành 01 Nghị định, 01 Thông tư liên tịch, 01 Thông tư quy định chi tiết thi hành Luật, Nghị định); nhiệm vụ rà soát văn bản QPPL liên quan đến Luật hộ tịch; nhiệm vụ quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Luật, nhiệm vụ rà soát, đào tạo, bồi dưỡng công chức làm công tác hộ tịch thực hiện thường xuyên hàng năm; nhiệm vụ xây dựng Đề án CSDL hộ tịch điện tử toàn quốc đã thực hiện xong giai đoạn 1, áp dụng phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch tại 31/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

³⁸ 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đều đã ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật hộ tịch và chỉ đạo UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn xây dựng Kế hoạch và tổ chức thực hiện trên phạm vi địa bàn phụ trách.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến: nhằm nhanh chóng, kịp thời đưa quy định pháp luật vào cuộc sống, để tất cả các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, các tầng lớp nhân dân nắm và hiểu vai trò, ý nghĩa của đăng ký, quản lý hộ tịch; quyền, trách nhiệm của mỗi người, người thân thích trong việc đăng ký hộ tịch cho bản thân, cho người thân, Bộ Tư pháp đã tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến rộng rãi nội dung cơ bản của Luật hộ tịch, các văn bản quy định chi tiết thi hành với nhiều hình thức phong phú, ở Trung ương³⁹ và các địa phương⁴⁰

- Công tác hướng dẫn, đôn đốc thực hiện: Cơ quan quản lý cấp trên từ Bộ Tư pháp đến Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn từ việc tổ chức triển khai Luật, đến hoạt động chuyên môn nghiệp vụ hộ tịch đối với cơ quan đăng ký hộ tịch cấp dưới, bảo đảm thực hiện đồng bộ, hiệu quả Luật hộ tịch, các văn bản quy định chi tiết thi hành tại tất cả các địa phương⁴¹.

Các Sở Tư pháp cũng chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản chỉ đạo các cấp, các ngành có liên quan triển khai thực hiện Luật hộ tịch, chủ động chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ hộ tịch cho cơ quan đăng ký hộ tịch⁴², hạn chế tình trạng vượt cấp trong quá trình xin ý kiến chỉ đạo nghiệp vụ

Để giải quyết vướng mắc, bảo đảm quyền đăng ký hộ tịch cho người dân, đặc biệt cho đối tượng có khó khăn về điều kiện, hoàn cảnh sống, về giấy tờ cá nhân⁴³, Bộ Tư pháp tích cực trao đổi với các bộ, ngành liên quan và một số Cơ quan đại diện ngoại giao của nước ngoài tại Việt Nam về các vướng mắc thực

³⁹ Tổ chức Hội nghị toàn quốc triển khai thi hành Luật hộ tịch theo hình thức trực tuyến, với sự tham gia của tất cả các địa phương trên cả nước tại 63 điểm cầu; xây dựng Đề cương chi tiết giới thiệu nội dung cơ bản của Luật hộ tịch; các tài liệu tuyên truyền; các bài viết về việc triển khai thi hành Luật hộ tịch, những nội dung cơ bản của Luật hộ tịch...trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp, Báo Pháp luật Việt Nam, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, Báo Dân trí điện tử...; thông tin về quy định mới của Luật hộ tịch, việc đăng ký khai sinh, cấp sổ định danh cá nhân cho trẻ em trên truyền hình VTV và các phương tiện thông tin đại chúng khác; lồng ghép hoạt động tuyên truyền trong quá trình tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, hội nghị tập huấn kiến thức, phổ biến kiến thức pháp luật cho một số địa phương...

⁴⁰ Sở Tư pháp chú trọng tuyên truyền, phổ biến Luật hộ tịch tới đội ngũ cán bộ, công chức, các tầng lớp nhân dân trên địa bàn, với các hình thức: Hội nghị tuyên truyền, phổ biến Luật hộ tịch; thông báo, công bố, niêm yết công khai các thủ tục hành chính (TTHC) về đăng ký hộ tịch tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa” của UBND cấp huyện, cấp xã; đăng tải trên trang/cổng thông tin điện tử của UBND các cấp, Sở Tư pháp; phát hành tờ rơi, tờ gấp có nội dung tuyên truyền pháp luật hộ tịch, ý nghĩa, vai trò của giấy tờ hộ tịch, đặc biệt là Giấy khai sinh; xây dựng các chuyên mục phổ biến pháp luật hộ tịch trên báo, đài truyền hình; lồng ghép nội dung tuyên truyền pháp luật hộ tịch vào các buổi sinh hoạt chuyên đề, tổ chức “Ngày pháp luật”; Quảng Bình: phát hành 17.000 cuốn sách bỏ túi “Tìm hiểu một số quy định của Luật hộ tịch”, 10.000 cuốn sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ hộ tịch cho công chức tư pháp hộ tịch cấp xã, 7.050 cuốn Bản tin Tư pháp...

⁴¹ Bộ Tư pháp có văn bản hướng dẫn gửi các địa phương chủ động thực hiện một số hoạt động chuẩn bị cho việc triển khai thi hành Luật gồm: thông tin, tuyên truyền, phổ biến Luật hộ tịch; tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ đăng ký hộ tịch; có kế hoạch thanh tra, kiểm tra kịp thời đối với công tác đăng ký, quản lý hộ tịch (đặc biệt là những công việc mới được phân cấp cho UBND cấp huyện, cấp xã); bố trí, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng công chức làm công tác hộ tịch theo đúng quy định của Luật hộ tịch, Kế hoạch triển khai thi hành Luật hộ tịch của Chính phủ, Bộ Tư pháp (chấm dứt tình trạng tuyển dụng và bố trí công chức không đủ tiêu chuẩn làm công tác hộ tịch, sử dụng biên chế công chức tư pháp - hộ tịch đảm nhiệm công việc khác)...

⁴² Theo tổng hợp từ báo cáo của các địa phương (số liệu chưa đầy đủ) thì trung bình mỗi Sở Tư pháp đã có 15 văn bản hướng dẫn, đôn đốc triển khai thực hiện Luật hộ tịch, chưa kể các công văn hướng dẫn nghiệp vụ cụ thể

⁴³ Trường hợp gặp vướng mắc, khó khăn khi đăng ký hộ tịch thường là trẻ em bị bỏ rơi, lang thang, người có hoàn cảnh khó khăn, không có/không thống nhất về giấy tờ tùy thân, về nơi cư trú; đồng bào dân tộc thiểu số ...

tiền triển khai thực hiện các thủ tục đăng ký hộ tịch⁴⁴, kịp thời tháo gỡ cho địa phương, hạn chế từng bước tình trạng sự kiện hộ tịch không được đăng ký.

Thông qua các trao đổi, giải pháp hướng dẫn của Bộ Tư pháp, một số lượng không nhỏ người dân, đặc biệt là những trường hợp gặp khó khăn kéo dài, gia đình có tới 3 đời không có giấy tờ, “sống ngoài vòng pháp luật”: ... đã được đăng ký khai sinh, cấp Giấy khai sinh, từ đó được cấp giấy tờ tùy thân, đăng ký cư trú, được bảo đảm quyền con người, thực hiện các quyền công dân.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra được tiến hành thường xuyên, nghiêm túc, phát hiện, xử lý kịp thời các sai sót, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực hộ tịch

Hàng năm, bên cạnh việc chỉ đạo địa phương thực hiện thường xuyên công tác thanh tra, kiểm tra, Bộ Tư pháp cũng tổ chức thanh tra, kiểm tra trực tiếp tình hình đăng ký và thống kê hộ tịch tại các cơ quan đăng ký hộ tịch ở địa phương (UBND cấp xã, UBND cấp huyện), vừa thể hiện tinh thần hướng về cơ sở, vừa đi sâu, sát đến tận các cơ quan đăng ký hộ tịch, phát hiện, uốn nắn kịp thời các sai sót về nghiệp vụ; đồng thời phát hiện nhiều khó khăn, vướng mắc trong thực tế thực hiện các thủ tục đăng ký hộ tịch. Trong đó có nhiều vướng mắc liên quan đến việc thực hiện quyền nhân thân, quyền con người như: việc xác định họ, đặt tên cho con khi đăng ký khai sinh, nhất là đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài; đăng ký lại khai sinh cho cán bộ, công chức là đảng viên mà thông tin về họ tên, ngày, tháng, năm sinh trong hồ sơ, giấy tờ cá nhân không thống nhất với thông tin trong hồ sơ, lý lịch đảng; đăng ký nhận cha, mẹ, con cho trẻ em sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nhưng là con riêng của người mẹ với người thứ ba; đăng ký thay đổi họ, tên của cá nhân, thay đổi phần khai về một bên cha, mẹ khi trẻ em được nhận làm con nuôi; việc cải chính hộ tịch trong Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn, các loại Sổ hộ tịch...; việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trong một số trường hợp cụ thể...Vướng mắc này không có giải pháp kịp thời sẽ cản trở việc đăng ký hộ tịch, nhất là đăng ký khai sinh, từ đó cản trở, khó khăn cho việc thực hiện quyền công dân. Thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hộ tịch ở Trung ương đã trao đổi, hướng dẫn các

⁴⁴ Trao đổi với Bộ Ngoại giao (xử lý vấn đề liên quan đến đăng ký hộ tịch, cấp các giấy tờ hộ tịch của Cơ quan đại diện, cơ quan có thẩm quyền nước ngoài); trao đổi với một số Đại sứ quán nước ngoài tại Việt Nam đề nghị cung cấp thông tin pháp luật liên quan đến việc đăng ký kết hôn (ĐKKH), cấp giấy tờ xác nhận/chứng minh tình trạng hôn nhân (TTHN), kiểm tra xác minh việc đăng ký hộ tịch của công dân Việt Nam ở nước ngoài; trao đổi với Tòa án nhân dân tối cao về một số vấn đề liên quan đến thẩm quyền giải quyết vụ việc liên quan đến hôn nhân gia đình; thống nhất với Bộ Công an một số nội dung thuộc lĩnh vực hộ tịch liên quan đến Thẻ Căn cước công dân (CCCD), nơi cư trú, thu thập thông tin phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư...; xin ý kiến của Hội đồng dân tộc, Ủy ban dân tộc về một số vấn đề liên quan đến thành phần dân tộc.

cơ quan đăng ký hộ tịch địa phương hướng xử lý, giải pháp phù hợp quy định pháp luật, bảo đảm giải quyết kịp thời yêu cầu đăng ký hộ tịch cho người dân.

4. Tổ chức bộ máy làm công tác hộ tịch được kiện toàn một bước; chất lượng đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch được tăng cường, bảo đảm tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ

- Về tổ chức bộ máy làm công tác đăng ký hộ tịch: Nhằm nâng cao năng lực công chức, bảo đảm hiệu quả, chất lượng đăng ký, quản lý hộ tịch, UBND các cấp đã quan tâm bố trí công chức có chất lượng, trình độ, đủ tiêu chuẩn đảm nhiệm công tác đăng ký hộ tịch, củng cố về số lượng, biên chế⁴⁵. Đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch ở các địa phương cơ bản có trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng được yêu cầu công việc⁴⁶. Công chức chưa có trình độ chuyên môn phù hợp đều yêu cầu phải theo học các lớp chuyên ngành Luật (Trung cấp/Đại học) hoặc có kế hoạch tuyển dụng, bố trí công chức đủ tiêu chuẩn thay thế đối với công chức sắp đến tuổi nghỉ hưu/không có nguyện vọng đào tạo.

- Để tăng cường năng lực, chất lượng công chức làm công tác hộ tịch: Bộ Tư pháp đã ban hành Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch⁴⁷, tổ chức nhiều lớp tập huấn chuyên sâu về nghiệp vụ nhằm chia sẻ kinh nghiệm thực hiện Luật hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành, giải đáp, tháo gỡ kịp thời các vướng mắc, là lĩnh vực duy nhất Bộ Tư pháp thực hiện tập huấn được cho đại diện tất cả các Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; xây dựng giáo trình “Nghiệp vụ đăng ký và quản lý hộ tịch”, đưa môn học Nghiệp vụ hộ tịch là một môn học chính thức trong hệ thống đào tạo trung cấp Luật; các địa phương đều phối hợp với các trường Trung cấp Luật, Học viện Tư pháp (Bộ Tư pháp) để tổ chức các lớp bồi dưỡng và cấp Chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho công chức làm công tác hộ tịch.

5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước hiện đại hóa phương thức đăng ký, quản lý hộ tịch, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân thực hiện quyền đăng ký hộ tịch

Luật hộ tịch giao nhiệm vụ cho Bộ Tư pháp xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu (CSDL) hộ tịch điện tử. Bộ Tư pháp đã phê duyệt và triển khai thực hiện Đề án “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc”. Trong bối cảnh ngân sách còn nhiều khó khăn, nguồn lực dành cho việc triển khai thực hiện Đề án còn hạn chế

⁴⁵ Bình quân hiện nay các Phòng Tư pháp (ngoại trừ Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh) được bố trí từ 3-4 công chức; khoảng 62% số xã/phường/thị trấn được bố trí 02 công chức tư pháp hộ tịch trở lên.

⁴⁶ Tỷ lệ công chức làm công tác hộ tịch có trình độ chuyên môn phù hợp của nhiều tỉnh, thành phố xấp xỉ 100%, như: Long An: 100%, Tiền Giang: 100%, TP Đà Nẵng: 98,4%, Điện Biên: 98,5%, Quảng Bình: 98%

⁴⁷ Quyết định số 2247/QĐ-BTP ngày 25/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

(chưa được đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020), nhưng Đề án đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch dùng chung đã được xây dựng và triển khai áp dụng tại các cơ quan đăng ký hộ tịch 61/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; thiết lập hệ thống thông tin hộ tịch điện tử từ Trung ương đến địa phương; tạo điều kiện thuận lợi cho cả người dân và cơ quan đăng ký hộ tịch trong việc thực hiện đăng ký các sự kiện hộ tịch; từng bước hình thành Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cấp số định danh cá nhân cho cá nhân khi đăng ký khai sinh.

Đến nay có 18.000 công chức làm công tác hộ tịch tại gần 11.000 UBND cấp xã, gần 700 Phòng Tư pháp và 61 Sở Tư pháp tham gia tác nghiệp hàng ngày trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch dùng chung; Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử dần được hình thành với: 8.682.830 hồ sơ đăng ký khai sinh; 3.913.808 trường hợp trẻ em là công dân Việt Nam, chưa đủ 14 tuổi được đăng ký khai sinh và cấp Số định danh cá nhân; 2.069.148 hồ sơ đăng ký kết hôn; 1.355.801 hồ sơ đăng ký khai tử; 2.947.119 hồ sơ đăng ký các sự kiện hộ tịch khác; tổng số thông tin công dân được thu thập trên Hệ thống là 30.774.665 thông tin.

Có thể thấy, thông qua việc tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ pháp luật hộ tịch, nâng cao chất lượng, năng lực đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động đăng ký, quản lý hộ tịch đã thúc đẩy mạnh mẽ việc thực hiện quyền đăng ký hộ tịch của người dân, góp phần bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân. Với các kết quả nêu trên, trong thời gian, khi CSDL hộ tịch điện tử toàn quốc cùng CSDL quốc gia về dân cư đi vào vận hành, triển khai thống nhất trên toàn quốc, sẽ cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với tất cả các việc đăng ký hộ tịch, cung cấp thông tin nhân thân cơ bản để người dân thực hiện trực tuyến các thủ tục hành chính khác sẽ tiếp tục thúc đẩy hơn nữa việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

THAM LUẬN

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC BỔ TRỢ TƯ PHÁP⁴⁸

Hoàn thiện chế định bổ trợ tư pháp, xây dựng đội ngũ cán bộ bổ trợ tư pháp góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp đã được đề ra trong Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp và tiếp tục được khẳng định trong Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 nhằm mục tiêu chung là hướng đến việc củng cố, hoàn thiện hệ thống pháp luật tiến tới việc xây dựng thành công mô hình nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Chi bộ Cục Bổ trợ tư pháp đã chủ động quán triệt các chủ trương đó đến cán bộ, công chức; phối hợp chặt chẽ với Lãnh đạo Cục để tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao, vì vậy, trong thời gian qua, một số lĩnh vực bổ trợ tư pháp đã có bước phát triển đột phá về tổ chức và hoạt động, đóng góp vào công cuộc cải cách tư pháp và phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

I. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC BỔ TRỢ TƯ PHÁP

1. Kết quả đạt được trong từng lĩnh vực

1.1 Công tác xây dựng chính sách, pháp luật

Thực hiện chủ trương của Nghị quyết số 48-NQ/TW và Nghị quyết số 49-NQ/TW, trong thời gian qua công tác hoàn thiện thể chế trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp đã được quan tâm thực hiện. Tính đến nay, thể chế trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp đã cơ bản được hoàn thiện, đã có 6/9 lĩnh vực có luật điều chỉnh và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các văn bản luật này đều đã được ban hành; còn 03/9 lĩnh vực được điều chỉnh bởi các nghị định. Trong đó có thể kể đến các văn bản Luật có tính đột phá, tạo hành lang pháp lý góp phần phát triển mạnh mẽ hoạt động và tổ chức trong các lĩnh vực bổ trợ tư pháp, như sau:

a) *Trong lĩnh vực luật sư:* Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư năm 2012 được ban hành với quan điểm quy định rõ nội dung quản lý nhà

⁴⁸ Chi bộ Cục Bổ trợ Tư pháp

nước, phân định rõ quản lý nhà nước với tự quản của các tổ chức xã hội – nghề nghiệp luật sư và phát huy vai trò tự quản của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp luật sư, theo hướng vừa bảo đảm sự quản lý của Nhà nước vừa phát huy tính tự quản, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức xã hội – nghề nghiệp luật sư, các tổ chức hành nghề luật sư. Quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư thể hiện chức năng định hướng, điều tiết và hỗ trợ phát triển của Nhà nước không mang tính chất hành chính, không can thiệp vào hoạt động nghề nghiệp của luật sư, cơ bản phù hợp với thông lệ các nước trên thế giới.

Bên cạnh đó, việc tập trung xây dựng chính sách để bảo đảm việc phát triển đội ngũ luật sư theo đúng định hướng của Nghị quyết 49-NQ/TW luôn được coi là nhiệm vụ quan trọng, cần được ưu tiên, cụ thể tham mưu Lãnh đạo Bộ trong việc trình Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 33/CT-TW ngày 30-3-2009 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của luật sư; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1072/QĐ-TTg ngày 05/07/2011 về Chiến lược phát triển nghề luật sư đến năm 2020. Gần đây nhất, đã tham mưu cho Lãnh đạo Bộ trong việc tổng kết 10 năm triển khai Chỉ thị số 33/CT-TW, trong đó đã đưa ra nhiều kiến nghị để căn chỉnh công tác quản lý luật sư bảo đảm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ chính trị. Các kiến nghị, đề xuất của Bộ Tư pháp đã được Ban Bí thư ghi nhận và đưa vào Kết luận số 69 về tiếp tục triển khai Chỉ thị số 33/CT-TW.

b) Trong lĩnh vực công chứng:

Luật Công chứng năm 2014 ra đời nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ công chứng viên, phát triển các tổ chức hành nghề công chứng quy mô lớn, hoạt động ổn định, bền vững, nâng cao chất lượng hoạt động công chứng, tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động công chứng, bảo đảm an toàn pháp lý cho các bên tham gia hợp đồng, giao dịch, phòng ngừa tranh chấp, góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội. Để bảo đảm hiệu lực thi hành của Luật Công chứng, nhiều văn bản hướng dẫn thi hành đã kịp thời được ban hành như: Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/03/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng; Quyết định số 2104/QĐ-TTg ngày 29/12/2012 về việc phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng đến năm 2020” và Bộ Tư pháp đã ban hành các Thông tư trong lĩnh vực công chứng⁴⁹. *c) Trong lĩnh vực giám định tư pháp:* Luật Giám định tư pháp năm 2012

⁴⁹ Thông tư số 04/2015/TT-BTP hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng, Thông tư số 06/2015/TT-BTP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng, Quyết định số 1245/QĐ-BTP về việc ban hành Chương trình khung đào tạo và khóa bồi dưỡng nghề công chứng.

đã góp phần tạo cơ chế hữu hiệu đáp ứng yêu cầu giám định của hoạt động tố tụng; trình Chính phủ ban hành Nghị định số 85/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 01/2014/QĐ-TTg ngày 01/01/2014 về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp; trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quy chế phối hợp số 992/QCPH-BTP-BCA-BQP-VKSNDTC-TANDTC ngày 26/3/2018 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao trong công tác giám định tư pháp; phối hợp với các bộ, ngành liên quan trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện Đề án Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp; đồng thời, các Bộ, ngành liên quan cũng đã ban hành nhiều quy chuẩn chuyên môn về giám định tư pháp trên các lĩnh vực.

Nhằm đáp ứng yêu cầu mới của công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp đã được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV ngày 10/6/2020.

d) Trong lĩnh vực đấu giá tài sản: Luật Đấu giá tài năm 2016 đã tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động bán đấu giá tài sản phát triển theo hướng chuyên nghiệp hóa, đảm bảo tính công khai, minh bạch, khách quan, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước; trình Chính phủ ban hành Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản; trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 quy định về chương trình khung của khóa đào tạo nghề đấu giá, cơ sở đào tạo nghề đấu giá, việc tập sự và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá và biểu mẫu trong lĩnh vực đấu giá tài sản, Thông tư số 14/2018/TT-BTP ngày 16/10/2018 ban hành Quy tắc đạo đức nghề nghiệp đấu giá viên.

Bên cạnh đó, Cục Bỏ trợ tư pháp cũng đã tham mưu Lãnh đạo Bộ trong việc phối hợp với Ngân hàng Nhà nước trình Chính phủ ban hành Nghị định số 61/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 quy định việc thẩm định giá khởi điểm của khoản nợ xấu và tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu; Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 quy định về thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản, Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản và Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 6/10/2017 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn hành nghề đấu giá tài sản, phí thẩm định điều kiện đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản.

Thực hiện Quyết định số 410/QĐ-TTg ngày 04/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Đấu giá tài sản, Cục Bỏ trợ tư pháp

cũng đã tham mưu Lãnh đạo Bộ có văn bản gửi các Bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc đề nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành quy định về trình tự, thủ tục đấu giá tài sản, đảm bảo phù hợp, thống nhất với quy định của Luật Đấu giá tài sản.⁵⁰ Đồng thời, tham mưu việc hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan đến việc xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động đấu giá như đề nghị bổ sung tội vi phạm quy định về hoạt động đấu giá tài sản trong Bộ luật Hình sự năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật Hình sự năm 2015, theo đó hành vi thông đồng, đùm giã sẽ bị xử lý hình sự thay vì chỉ bị xử lý hành chính như trước đây (Điều 218 Bộ Luật Hình sự năm 2015).

đ) Trong lĩnh vực trọng tài thương mại và hòa giải thương mại

Thế chế chủ trương của Nghị quyết số 49-NQ/TW “Khuyến khích việc giải quyết một số tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải, trọng tài; tòa án hỗ trợ bằng quyết định công nhận việc giải quyết đó”, Luật trọng tài thương mại năm 2010 đã được ban hành thay thế Pháp lệnh trọng tài năm 2003. Hướng dẫn thi hành Luật trọng tài thương mại, Bộ Tư pháp đã tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định số 63/2011/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật trọng tài thương mại. Luật trọng tài thương mại đã hoàn thiện một bước thế chế về tổ chức và hoạt động trọng tài thương mại với nhiều quy định mới theo hướng thuận lợi hơn cho hoạt động của các tổ chức trọng tài ở Việt Nam nhằm thực hiện chủ trương khuyến khích sử dụng trọng tài trong giải quyết các tranh chấp thương mại, góp phần giảm tải hoạt động xét xử của tòa án.

Bên cạnh hoạt động trọng tài thương mại, để tiếp tục thực hiện việc nghiên cứu đưa ra các mô hình giải quyết tranh chấp ngoài tòa án, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn hoạt động kinh doanh, thương mại, đồng thời để tiếp tục giảm tải gánh nặng giải quyết tranh chấp của Tòa án, Bộ Tư pháp đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại. Việc xây dựng, ban hành Nghị định về hòa giải thương mại đã góp phần tạo ra một cơ chế giải quyết tranh chấp linh hoạt, thuận lợi hơn, qua đó, góp phần tạo môi trường kinh doanh minh bạch, thông thoáng, đưa Việt Nam tiếp cận với các cơ chế giải quyết tranh chấp ngoài tòa án của các nước phát triển.

e) Trong lĩnh vực thừa phát lại

Trên cơ sở tổng kết kết quả thực hiện thí điểm thừa phát lại tại 13 địa phương, ngày 26/11/2015, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 107/2015/QH13

⁵⁰ 63/63 UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất tại địa phương.

chấm dứt việc thực hiện thí điểm, cho thực hiện chế định thừa phát lại trong phạm vi cả nước kể từ ngày 01/01/2016.

Để đáp ứng tình hình thực tiễn hiện nay, Bộ Tư pháp đã tham mưu cho Chính phủ ban hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/1/2020 về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại (có hiệu lực thi hành từ ngày 24/2/2020) và hiện đang hoàn thiện Dự thảo Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP.

g) Trong lĩnh vực quản tài viên: Nghị định số 22/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/02/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản đã tạo cơ sở pháp lý cho sự hình thành của đội ngũ quản tài viên - một lĩnh vực mới. Sự ra đời của đội ngũ quản tài viên đã góp phần làm chuyên nghiệp hoá việc quản lý, thanh lý, xử lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã bị phá sản.

1.2 Phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ chức danh hỗ trợ tư pháp và hoạt động của các tổ chức hành nghề trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp

a) Trong lĩnh vực luật sư: Tính đến nay, trong cả nước đã thành lập 63 Đoàn luật sư tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với hơn 14.000 luật sư và hơn 5000 người tập sự hành nghề luật sư hoạt động trong gần 4000 tổ chức hành nghề luật sư. Cùng với sự phát triển về số lượng, chất lượng của đội ngũ luật sư ở nước ta đã và đang từng bước được nâng cao, bước đầu đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, hội nhập quốc tế.

Theo báo cáo từ các Đoàn luật sư, trong 03 năm 2015, 2016 và 2017, đội ngũ luật sư Việt Nam đã tham gia 43.738 vụ án hình sự, 36.280 vụ việc dân sự, 41.560 vụ việc tư vấn trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, thương mại, 2.687 vụ án hành chính, 1.828 vụ án lao động; tư vấn pháp luật 270.762 vụ việc; đại diện ngoài tổ tụng 5.705 vụ việc; các dịch vụ pháp lý khác 17.974 vụ việc và tham gia TGPL miễn phí 110.592 vụ việc. Riêng trong năm 2018, theo báo cáo của 59/63 Đoàn luật sư, đội ngũ luật sư Việt Nam đã tham gia 12.450 vụ án hình sự, trong đó có 7.395 vụ án hình sự chỉ định và 5.055 vụ án hình sự được khách hàng mời. Số liệu thống kê cho thấy 100% các vụ án theo yêu cầu của các cơ quan tiến hành tố tụng đều có luật sư tham gia. Trong việc tham gia tố tụng hình sự, tỷ lệ án có sự tham gia của luật sư do công dân mời ngày càng tăng so với án theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng. Việc bào chữa cho bị can, bị cáo theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng được các luật sư tích cực tham gia, đạt tỷ lệ 100% vụ án, đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ chính trị tại địa phương, đặc biệt là các tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ.

Dịch vụ pháp lý mà luật sư cung cấp ngày càng đa dạng, phong phú, chất lượng dịch vụ ngày càng được nâng lên. Nhiều tổ chức hành nghề luật sư đã vươn ra khu vực để chiếm lĩnh thị phần liên quan đến hoạt động đầu tư, thương mại quốc tế phục vụ nhu cầu của các doanh nghiệp. Chất lượng tham gia tố tụng của luật sư cũng có tiến bộ rõ rệt, nhiều ý kiến tranh luận của luật sư đã được Hội đồng xét xử ghi nhận, góp phần đáng kể vào việc giảm thiểu oan sai trong hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, nâng cao hiệu quả công tác điều tra, truy tố, xét xử.

b) Trong lĩnh vực công chứng: Hiện nay cả nước có 2.700 công chứng viên đang hành nghề tại 1.098 tổ chức hành nghề công chứng, trong đó có 118 Phòng công chứng là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp do Nhà nước thành lập và 980 Văn phòng công chứng do các công chứng viên đề nghị và được Nhà nước cho phép thành lập. Toàn bộ các Văn phòng công chứng đều hoạt động theo mô hình công ty hợp danh; 100% công chứng viên bổ nhiệm đều có trình độ cử nhân Luật trở lên; 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có Văn phòng công chứng theo chủ trương xã hội hóa.

Trung bình mỗi năm các tổ chức hành nghề công chứng đã công chứng được 5.608.966 giao dịch, thu phí và thù lao công chứng 2.295 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước 301 tỷ đồng. Hoạt động công chứng đã đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, an toàn và ổn định trật tự của đất nước, tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò của hoạt động công chứng trong đời sống xã hội, đáp ứng nhu cầu công chứng ngày càng tăng của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời là công cụ phục vụ quản lý nhà nước có hiệu quả.

Nhìn chung, tổ chức và hoạt động công chứng đã được phát triển theo hướng chuyên nghiệp hóa, xã hội hóa, đúng theo tính chất của một dịch vụ công, hoạt động công chứng phát triển theo xu hướng hội nhập với khu vực và thế giới. Mạng lưới tổ chức hành nghề công chứng gắn với địa bàn dân cư đang bước đầu được hình thành cùng với mô hình văn phòng công chứng theo chủ trương xã hội hóa. Hoạt động công chứng được chuyển sang chế độ dịch vụ công thay thế cho chế độ hành chính công trước đây. Chế định công chứng ngày càng được hoàn thiện theo các chuẩn mực và thông lệ quốc tế.

c) Trong lĩnh vực giám định tư pháp: Hệ thống tổ chức giám định tư pháp công lập, hoạt động giám định chuyên trách trong 03 lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần và kỹ thuật hình sự đã được củng cố, hoàn thiện một bước rất quan trọng; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động giám định được các bộ chủ quản lãnh

vực giám định quan tâm đầu tư bảo đảm điều kiện hoạt động của các tổ chức giám định tư pháp thuộc thẩm quyền quản lý.

Đội ngũ giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc có sự phát triển ngày càng nhanh cả về số lượng và chất lượng; việc lập và công bố danh sách tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc, người giám định tư pháp theo vụ việc trong các lĩnh vực tài chính, thuế, ngân hàng, xây dựng, thông tin và truyền thông, giao thông vận tải... được chú trọng. Tính đến nay, cả nước hiện có hơn 6.000 giám định viên tư pháp và gần 2000 người giám định tư pháp theo vụ việc.

Theo báo cáo của các bộ, ngành và địa phương, trung bình mỗi năm từ năm 2011 đến nay các tổ chức giám định trong toàn quốc thực hiện giám định hơn 150 nghìn vụ việc, chủ yếu là theo trung cầu của cơ quan điều tra trong Công an nhân dân và Quân đội nhân dân, còn lại là trung cầu giám định của các cấp Tòa án, cơ quan điều tra thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

d) Trong lĩnh vực đấu giá tài sản: Tính đến nay cả nước có 1008 đấu giá viên đã được Sở Tư pháp cấp Thẻ đấu giá viên; hơn 410 doanh nghiệp đấu giá tài sản được cấp Giấy đăng ký hoạt động; 59/63 Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp tục được đổi mới cơ cấu tổ chức và hoạt động đáp ứng yêu cầu của tình hình mới⁵¹. Việc doanh nghiệp đấu giá tài sản thực hiện đăng ký hoạt động thống nhất tại Sở Tư pháp và chỉ hành nghề đấu giá tài sản đã tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các doanh nghiệp đấu giá tài sản theo hướng chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa.

Các tổ chức đấu giá tài sản đã tổ chức thành công nhiều cuộc đấu giá với giá trị tài sản bán được cao hơn nhiều so với giá khởi điểm, thu ngân sách Nhà nước thông qua hoạt động đấu giá đạt hiệu quả cao. Theo số liệu thống kê thì từ tháng 01/2017 đến tháng 12/2019, các tổ chức đấu giá tài sản đã tổ chức 86.607 cuộc đấu giá thành với tổng giá khởi điểm là 194.755.264.588.031 đồng, tổng giá trị bán thành là 233.053.890.494.911 đồng, làm lợi cho người có tài sản, ngân sách Nhà nước là 38.185.501.487.248 đồng, nộp thuế cho ngân sách nhà nước là 95.026.953.024 đồng.

Hoạt động của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tại nhiều địa phương khá hiệu quả, đóng vai trò nòng cốt trong việc dẫn dắt, định hướng cho hoạt động đấu giá tài sản tại địa phương, nhất là tại các tỉnh miền núi, có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, góp phần đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá

⁵¹ Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Trà Vinh giải thể năm 2015, các tỉnh Sóc Trăng, Long An, Tiền Giang giải thể năm 2019 theo Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII.

nhân, Nhà nước, phòng tránh lãng phí, thất thoát tài sản công, đảm bảo hiệu quả thi hành các bản án của Tòa án liên quan đến thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp. Các Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản đã và đang từng bước đổi mới mô hình tổ chức, hoạt động, chuyển dần sang cơ chế tự chủ về tài chính, hoạt động theo mô hình doanh nghiệp theo lộ trình phù hợp theo chủ trương đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII.⁵²

đ) Trong lĩnh vực trọng tài thương mại

Việc thi hành Luật trọng tài thương mại năm 2010 đã có một số kết quả đáng ghi nhận. Tính đến nay, cả nước có 33 Trung tâm trọng tài (trong đó có 07 Trung tâm trọng tài thương mại có hoạt động về hòa giải thương mại) với hơn 700 trọng tài viên, có 13 Trung tâm hòa giải thương mại và hơn 120 hòa giải viên thương mại.. Số lượng vụ tranh chấp giải quyết bằng trọng tài cũng tăng hơn so với trước, trong 04 năm (từ năm 2011 đến năm 2015), các Trung tâm trọng tài đã thụ lý và giải quyết 586 vụ việc, trung bình 115 vụ/1 năm. Điều này chứng tỏ niềm tin của các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài vào trọng tài thương mại cũng được tăng lên.

e) Trong lĩnh vực thừa phát lại

Tính đến nay, Bộ Tư pháp đã bổ nhiệm hơn 600 Thừa phát lại, đã phê duyệt Đề án thực hiện chế định Thừa phát lại của 34 địa phương, có 86 Văn phòng Thừa phát lại được thành lập tại 32 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (bao gồm 13 địa phương thực hiện thí điểm).

g) Trong lĩnh vực quản tài viên: Đến nay, cả nước có trên 1.500 người được cấp Chứng chỉ hành nghề quản tài viên, trong đó gần 300 người đăng ký hành nghề cá nhân và có 42 doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

1.3. Công tác quản lý nhà nước trong các lĩnh vực hỗ trợ tư pháp

a) Trong lĩnh vực luật sư: Công tác quản lý nhà nước về tổ chức, hoạt động luật sư đã đạt được những kết quả nhất định, công tác thẩm tra việc cấp, thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư được thực hiện chặt chẽ, nhất là tiêu chuẩn về tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và có phẩm chất đạo đức tốt, bảo đảm sàng lọc đầu vào của luật sư đáp ứng tiêu chuẩn không chỉ về chuyên môn mà còn về nhân thân;

⁵² Hiện nay, có 17/59 Trung tâm đã thực hiện cơ chế tự chủ 100% kinh phí; 40/63 Trung tâm được Nhà nước hỗ trợ 1 phần kinh phí (hơn 10 Trung tâm đã có kế hoạch chuyển sang hoạt động tự chủ 100% kinh phí); 02/63 Trung tâm đang được Nhà nước bao cấp 100% kinh phí (miền núi, khó khăn).

việc cấp, thu hồi Giấy phép thành lập tổ chức, chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam, bảo đảm đúng quy định pháp luật, kiên quyết từ chối cấp phép cho các cá nhân, tổ chức nước ngoài có vấn đề, nhất là phức tạp trong hoạt động hành nghề; theo dõi sát hoạt động của luật sư, tổ chức luật sư nước ngoài cũng như luật sư, tổ chức luật sư Việt Nam. Công tác quản lý nhà nước đã góp phần phát triển số lượng luật sư, nâng cao chất lượng hành nghề luật sư, duy trì việc tuân theo pháp luật, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp của luật sư theo đúng định hướng mà Đảng, Nhà nước đã đề ra.

Trong quá trình quản lý, việc kết hợp giữa quản lý nhà nước với phát huy tính tự quản của tổ chức xã hội nghề nghiệp của luật sư luôn được quan tâm. Bên cạnh đó, bám sát tình hình diễn biến trong hoạt động luật sư, Chi bộ Cục Bổ trợ tư pháp đã cùng tập thể đơn vị kịp thời tham mưu Lãnh đạo Bộ xử lý các tình huống phức tạp phát sinh trong hoạt động luật sư, góp phần giữ vững an ninh, trật tự xã hội. Cùng với đó, để công tác quản lý nhà nước đạt hiệu quả, Bộ Tư pháp đã luôn có sự gắn kết, phối hợp với Ban Thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy trong việc lãnh đạo, chỉ đạo củng cố các tổ chức xã hội - nghề nghiệp luật sư; chú trọng chỉ đạo việc kết hợp giữa quản lý nhà nước với phát huy tính tự quản của tổ chức xã hội nghề nghiệp của luật sư; có chính sách đào tạo nghề luật sư miễn phí cho những địa phương có khó khăn; chủ động triển khai các hoạt động nhằm xây dựng đội ngũ luật sư giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, am hiểu luật pháp và tập quán thương mại quốc tế, thông thạo tiếng Anh, thành thạo về kỹ năng hành nghề luật sư quốc tế, có đủ khả năng tư vấn các vấn đề liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế.

b) Trong lĩnh vực công chứng:

Triển khai thi hành Luật công chứng năm 2014, Chi bộ Cục Bổ trợ tư pháp cũng đã tham mưu Lãnh đạo Bộ trong việc tổ chức thành công Đại hội đại biểu thành lập Hiệp Hội công chứng viên Việt Nam năm 2019 và việc thành lập 53/63 Hội công chứng viên ở địa phương. Công chứng Việt Nam đã được Liên minh công chứng quốc tế kết nạp trở thành thành viên chính thức (thành viên thứ 84) của Liên minh công chứng quốc tế vào năm 2013. Đây cũng là những dấu ấn khẳng định hoạt động công chứng Việt Nam tiếp tục hội nhập với hoạt động công chứng trên thế giới; đồng thời là nền tảng cơ sở vững chắc cho sự phát triển của hoạt động công chứng Việt Nam trong thời gian tới.

Sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch (trong đó có Luật Công chứng) được ban hành, Cục Bổ trợ tư pháp đã tham mưu cho Lãnh đạo Bộ ban hành văn bản gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh,

thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị quan tâm, chỉ đạo Sở Tư pháp, các sở, ban, ngành liên quan tại địa phương quan tâm, chỉ đạo việc xây dựng các Phòng công chứng thành các đơn vị sự nghiệp tự chủ làm đầu tàu về chuyên môn, nghiệp vụ theo tinh thần đổi mới và nâng cao chất lượng hiệu quả của đơn vị sự nghiệp công lập. Đồng thời, nhằm giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực công chứng khi triển khai Luật Quy hoạch, Cục đã tham mưu cho Lãnh đạo Bộ phối hợp với Bộ Kế hoạch và đầu tư tổng hợp những khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp xử lý trong quá trình triển khai thực hiện Luật Quy hoạch. Hiện nay, Cục đang tham mưu cho Lãnh đạo Bộ xây dựng Nghị quyết của Chính phủ về Chính sách phát triển nghề công chứng để bảo đảm việc phát triển nghề công chứng một cách phù hợp, tránh tùy tiện, tràn lan, kém chất lượng.

c) Trong lĩnh vực giám định tư pháp: Công tác quản lý nhà nước về giám định tư pháp có bước đổi mới đột phá căn bản, ngày càng đi về chiều sâu có sự phân công, phân cấp giữa các bộ, ngành và địa phương rõ nét hơn; sự phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng (cơ quan trung cầu và sử dụng kết luận giám định)... đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp, tăng cường chất lượng hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự, giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự.

d) Trong lĩnh vực đấu giá tài sản: Triển khai Quyết định số 410/QĐ-TTg, Chi bộ Cục Bỏ trợ tư pháp đã tham mưu Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quyết định số 652/QĐ-BTP ngày 09/5/2017 về Kế hoạch triển khai Luật Đấu giá tài sản; quán triệt và tổ chức thực hiện Luật Đấu giá tài sản và các văn bản hướng dẫn cho các địa phương trên phạm vi cả nước; tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng hành nghề, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ đấu giá viên; ban hành các Công văn triển khai, hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra, thanh tra, chấn chỉnh nhằm nâng cao chất lượng hoạt động đấu giá tài sản và tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hoạt động đấu giá tài sản tại địa phương. Bộ Tư pháp đã tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra theo kế hoạch hàng năm và đột xuất theo thông tin phản ánh của cá nhân, tổ chức, trong đó tập trung vào các địa phương mà qua thông tin quản lý, báo chí phản ánh có nhiều dấu hiệu vi phạm, qua đó, kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm và chuyển cơ quan công an có thẩm quyền xử lý theo quy định. Ngoài ra, nhằm khắc phục các tiêu cực trong hoạt động đấu giá, đáp ứng yêu cầu phát triển hoạt động hành nghề đấu giá trong tình hình mới, tiếp cận với xu thế xử lý tài sản công trên thế giới, Chi bộ Cục Bỏ trợ tư pháp đã tham mưu Lãnh đạo Bộ xây dựng và đưa Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản vào vận hành, sử dụng từ ngày 10/4/2020 góp phần tăng cường tính công khai, minh bạch, khách quan của hoạt động đấu giá tài sản.

Đánh giá chung: Công tác quản lý nhà nước về hỗ trợ tư pháp đã có bước chuyển mình và tạo ra những giai đoạn phát triển mới theo đúng chủ trương, định hướng được nêu trong các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng và pháp luật của nhà nước, phù hợp với thông lệ quốc tế. Trong đó, việc hoàn thiện thể chế trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp là nền tảng thúc đẩy việc phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng của các tổ chức, cá nhân hành nghề hỗ trợ tư pháp. Bên cạnh đó, chủ trương xã hội hóa một số lĩnh vực hỗ trợ tư pháp theo Nghị quyết số 49-NQ/TW được thực hiện hiệu quả, đã góp phần giảm tải công việc cho các cơ quan nhà nước, đồng thời đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dân, doanh nghiệp. Vai trò tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư, công chứng đang dần phát huy, bước đầu đã có những đóng góp ngày càng quan trọng trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, phục vụ tích cực cho công cuộc cải cách tư pháp, góp phần tạo lập môi trường pháp lý thuận lợi cho việc thúc đẩy các hoạt động đầu tư, kinh doanh, thương mại trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2. Những khó khăn, thách thức và nguyên nhân

2.1 Khó khăn, thách thức

Bên cạnh những kết quả đã đạt được nêu trên, trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội và các ngành dịch vụ theo cơ chế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa thì công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động hỗ trợ tư pháp cũng đứng trước những khó khăn, thách thức mới, như:

- Trong những năm gần đây có xu hướng đồng nhất các nghề hỗ trợ tư pháp với các nghề kinh doanh thông thường, dẫn đến quan niệm cho rằng các tiêu chuẩn, điều kiện để trở thành các chức danh hỗ trợ tư pháp tương đồng với các điều kiện kinh doanh và yêu cầu phải cắt giảm. Trong khi đó, các nghề hỗ trợ tư pháp là những nghề có tính chất đặc thù, thực hiện các dịch vụ công (công chứng viên, thừa phát lại, người giám định tư pháp), liên quan trực tiếp đến hoạt động tố tụng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

- Số lượng các cá nhân, tổ chức hành nghề hỗ trợ tư pháp tăng nhanh qua các năm... đây vừa là cơ hội để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của xã hội, nhưng cũng là áp lực không nhỏ cho cơ quan quản lý nhà nước. Nhất là trong bối cảnh số lượng biên chế được giao hiện nay ở cả trung ương lẫn các cơ quan địa phương còn mỏng.

- Hiện nay, nhận thức của xã hội về phạm vi, trách nhiệm của các cơ quan trong việc thực thi pháp luật còn chưa đầy đủ, dẫn đến việc hiểu chưa đúng dẫn

về trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong các vụ việc cụ thể có liên quan đến cá nhân, tổ chức hành nghề bỏ trợ tư pháp.

- Hoạt động của một số tổ chức hành nghề bỏ trợ tư pháp còn chưa ổn định, phát triển chưa mang tính bền vững, chưa đáp ứng được yêu cầu của xã hội; một bộ phận đội ngũ hành nghề bỏ trợ tư pháp còn yếu về chuyên môn, nghiệp vụ, hạn chế về kỹ năng hành nghề, tinh thần tự giác tuân theo pháp luật, tuân theo quy tắc đạo đức ứng xử nghề nghiệp của một bộ phận luật sư, công chứng viên, đầu giá viên chưa cao, thậm chí còn tình trạng vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

- Các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong lĩnh vực bỏ trợ tư pháp hầu hết mới được thành lập, chưa có kinh nghiệm hoạt động, nên việc thực hiện vai trò tự quản của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp này còn chưa ngang tầm với vị trí, vai trò và hiệu quả chưa cao. Bên cạnh đó, nhận thức về vai trò quản lý nhà nước và vai trò tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở một số tổ chức còn chưa đúng đắn, đầy đủ, dẫn đến phát sinh tư tưởng thoát ly, xa rời quản lý nhà nước, coi hoạt động tự quản là ngang bằng với hoạt động quản lý nhà nước.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Phương hướng, nhiệm vụ

1.1. Tiếp tục triển khai các văn bản, đề án trong lĩnh vực bỏ trợ tư pháp để việc thi hành và áp dụng pháp luật thống nhất, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả.

1.2. Bên cạnh việc phát triển số lượng một các đồng đều, thì cần nâng cao chất lượng, đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ chức danh hành nghề bỏ trợ tư pháp; đồng thời tăng cường trách nhiệm pháp lý của các cá nhân, tổ chức hành nghề trong lĩnh vực bỏ trợ tư pháp.

1.3. Nghiên cứu để làm rõ phạm vi của hoạt động tự quản của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong lĩnh vực bỏ trợ tư pháp, trong đó xác định rõ nguyên tắc quản lý nhà nước bao trùm mọi lĩnh vực, mọi cá nhân, tổ chức và hoạt động tự quản phải được đặt dưới sự quản lý nhà nước. Đồng thời, củng cố kiện toàn tổ chức, hoạt động của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp này để đảm bảo hoạt động ngày càng hiệu quả, ổn định và tăng cường năng lực tự quản của mình, phù hợp với xu thế phát triển của xã hội và hội nhập quốc tế.

1.4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, cơ chế phối hợp giữa Bộ, ban, ngành, địa phương trong việc quản lý các lĩnh vực bỏ trợ tư pháp, trong đó chú trọng tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát để kịp thời chấn chỉnh, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

2. Đề xuất

Để tiếp tục thực hiện ngày càng tốt hơn công tác tham mưu cho Bộ, ngành thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo trợ tư pháp, trong thời gian tới, kính đề nghị Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đơn vị trong việc thực hiện các nhiệm vụ, cụ thể như:

2.1. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật về bảo trợ tư pháp đảm bảo thể chế hoá đầy đủ nội dung, tinh thần Nghị quyết của Đảng, để các chế định bảo trợ tư pháp có thể phát huy một cách thực chất trong tiến trình cải cách tư pháp. Trong đó, cần nghiên cứu để làm rõ phạm vi của hoạt động tự quản của các tổ chức xã hội – nghề nghiệp trong lĩnh vực bảo trợ tư pháp; đồng thời làm rõ phạm vi, trách nhiệm của các cơ quan trong việc thực thi pháp luật, để làm căn cứ xác định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan trong các vụ việc cụ thể có liên quan đến cá nhân, tổ chức hành nghề bảo trợ tư pháp.

2.2. Nâng cao nhận thức đúng đắn của các cấp, các ngành về vị trí, vai trò của hoạt động bảo trợ tư pháp, qua đó tăng cường cơ chế phối hợp giữa các cơ quan có liên quan đến hoạt động bảo trợ tư pháp.

2.3. Tiếp tục phát triển chất lượng, số lượng của đội ngũ hành nghề bảo trợ tư pháp, hướng đến hình thành mạng lưới dịch vụ bảo trợ tư pháp thuận tiện, an toàn, tin cậy cho xã hội, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu cải cách tư pháp.

2.4. Chỉ đạo các cơ quan liên quan quan tâm tăng cường biên chế cho đơn vị, cũng như là các Phòng bảo trợ tư pháp ở các Sở Tư pháp để đảm bảo nguồn lực thực hiện quản lý nhà nước, nhất là để tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực này. Đồng thời, tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng của các trang tin, phần mềm về bảo trợ tư pháp để phục vụ tốt hơn cho công tác quản lý nhà nước.

THAM LUẬN

TIẾP TỤC CƯỜNG CỐ, KIẾN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY, CÁN BỘ CỦA BỘ, NGÀNH GẮN VỚI TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG VI, VII KHÓA XII VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 39-NQ/TW⁵³

Đại hội XII của Đảng đề ra nhiệm vụ: "Tiếp tục đổi mới bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy phải gắn với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức". Để cụ thể hóa nhiệm vụ trên, Đảng ta đã ban hành Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (Nghị quyết số 39-NQ/TW); Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (Nghị quyết số 18-NQ/TW); Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị quyết số 19-NQ/TW); Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đầy đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ (Nghị quyết số 26-NQ/TW) và Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp (Nghị quyết số 27-NQ/TW).

Qua hơn 4 năm thực hiện Nghị quyết số 39 và hơn 2 năm thực hiện Nghị quyết số 18, 19, 26, 27 đã đem lại kết quả rất tích cực, từ việc xây dựng thể chế đến kết quả cụ thể của cả hệ thống chính trị. Bộ Tư pháp đã thực hiện nhiều nhiệm vụ, giải pháp quan trọng trong công tác xây dựng Ngành như việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, xây dựng đội ngũ cán bộ và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức của Bộ, ngành gắn với việc triển khai thực hiện các Nghị quyết nêu trên.

1. Kết quả công tác xây dựng Ngành

Thứ nhất, về công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Bộ Tư pháp đã chủ trì rà soát các luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành

⁵³ **Chi bộ Vụ Tổ chức cán bộ**

mới, bảo đảm thực hiện có hiệu quả nguyên tắc một cơ quan, tổ chức làm nhiều việc nhưng một việc chỉ giao cho một cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính và thực hiện phân cấp, ủy quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa Chính phủ với các bộ, ngành và giữa Chính phủ, các bộ, ngành với chính quyền địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương. Đã tham mưu, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành nhiều văn bản liên quan đến việc sắp xếp, thu gọn đầu mối các đơn vị hành chính và đơn vị sự nghiệp của Bộ Tư pháp.

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW và Nghị quyết số 18-NQ/TW, Bộ Tư pháp đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp. Trên cơ sở Nghị định số 96/2017/NĐ-CP, Bộ Tư pháp ban hành Đề án Kiện toàn cơ cấu tổ chức, hoạt động của các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp⁵⁴, trong đó hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ xây dựng Đề án sắp xếp cơ cấu tổ chức, cán bộ thuộc đơn vị mình, xây dựng Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị theo quy định của Nghị định số 96/2017/NĐ-CP. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp tiếp tục nghiên cứu, rà soát và sẽ sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các đơn vị hành chính thuộc Bộ sau khi Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ đảm bảo thực hiện theo đúng mục tiêu và nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW. Nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành theo hướng thông suốt, thống nhất, hiệu quả, phù hợp với Nghị định số 138/2016/NĐ-CP ngày 01/10/2016 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ, Bộ Tư pháp cũng đã ban hành Quy chế làm việc mới của Bộ⁵⁵.

Đối với việc hoàn thiện thể chế các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ, Bộ Tư pháp đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Tư pháp đến năm 2021, định hướng đến năm 2030 và Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp⁵⁶. Việc Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản trên đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho Bộ Tư pháp trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các đơn vị sự nghiệp công lập của Bộ đảm bảo tinh gọn, đồng bộ, thống nhất; thực hiện tách bạch chức năng quản lý nhà nước và chức năng cung cấp dịch vụ công; thực hiện vận dụng cơ chế tài chính doanh

⁵⁴ Quyết định số 1610/QĐ-BTP ngày 05/10/2017.

⁵⁵ Quyết định số 2402/QĐ-BTP ngày 27/11/2017.

⁵⁶ Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 05/01/2019 và Quyết định số 1030/QĐ-TTg ngày 16/8/2019.

nghiệp đối với những đơn vị sự nghiệp đủ điều kiện theo quy định. Theo Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp của Bộ Tư pháp giai đoạn từ nay đến năm 2025, Bộ Tư pháp sẽ thu gọn ít nhất 5 đơn vị sự nghiệp công lập; giúp các đơn vị thuộc Bộ tăng dần mức độ tự chủ hàng năm trên cơ sở phù hợp với lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công của các đơn vị sự nghiệp trong lĩnh vực kinh tế và sự nghiệp khác. Phấn đấu đến hết năm 2030 có 60% đơn vị sự nghiệp có thể tự đảm bảo chi thường xuyên. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi một số đơn vị sự nghiệp sang hoạt động theo mô hình vận dụng cơ chế tài chính doanh nghiệp.

Đối với các cơ quan tư pháp địa phương, thực hiện Nghị định số 123/2016/NĐ-CP, Bộ Tư pháp đã chủ động xây dựng và ban hành Quy định về tiêu chuẩn chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương⁵⁷. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng cho các cơ quan tư pháp địa phương thực hiện việc sắp xếp, bố trí cán bộ lãnh đạo Sở Tư pháp đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ được giao. Đồng thời, Bộ Tư pháp cũng đã chủ động xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh⁵⁸. Theo dự thảo Thông tư này, việc sắp xếp về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tư pháp địa phương cũng được xây dựng theo hướng đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với tinh thần của Nghị quyết số 18-NQ/TW.

Đối với việc thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW, Bộ Tư pháp phê duyệt Phương án phân bổ biên chế giai đoạn 2017-2021 đối với các đơn vị quản lý nhà nước và giai đoạn 2018-2021 đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ, trong đó dự kiến phương án giảm biên chế đối với từng đơn vị trong từng năm để đảm bảo đến năm 2021 giảm tối thiểu 10% biên chế so với năm 2015 theo chủ trương của Nghị quyết số 39-NQ/TW⁵⁹. Việc ban hành 02 văn bản này giúp cho Bộ Tư pháp chủ động trong việc thực hiện tinh giản biên chế, bố trí, sắp xếp, đánh giá cán bộ, tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ của Bộ bảo đảm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

⁵⁷ Thông tư số 10/TT-BTP ngày 30/12/2019 quy định về tiêu chuẩn chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thay thế Quyết định số 07/QĐ-BTP ngày 01/8/2006 về việc ban hành tiêu chuẩn Giám đốc Sở Tư pháp làm cơ sở để bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thi tuyển, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Tư pháp theo quy định.

⁵⁸ Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22/12/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (dự thảo Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV).

⁵⁹ Quyết định số 2224/QĐ-BTP phê duyệt Phương án phân bổ biên chế năm 2017 và giai đoạn 2017-2021 đối với các đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ; Quyết định số 2389/QĐ-BTP ngày 19/9/2018 về phương án giao số lượng người làm việc năm 2018 và giai đoạn 2018-2021 đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ.

Thứ hai, về sắp xếp tổ chức bộ máy

Đối với các đơn vị hành chính, Bộ Tư pháp đã sắp xếp, giảm 02 đơn vị cấp vụ⁶⁰, 50% đơn vị hành chính thuộc Bộ đã giảm đầu mỗi đơn vị cấp phòng với tỉ lệ cắt giảm từ 20% trở lên đầu mỗi đơn vị cấp Phòng; điều chỉnh lại nhiệm vụ giữa một số đơn vị thuộc Bộ nhằm khắc phục tình trạng trùng lắp, chồng chéo. Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục đánh giá, rà soát về hiệu quả tổ chức, hoạt động của các đơn vị và cấp phòng để nghiên cứu sáp nhập, hợp nhất các phòng có biên chế ít và khối lượng công việc không nhiều nhằm tinh gọn đầu mỗi bên trong.

Đối với các đơn vị sự nghiệp, Bộ Tư pháp đã sắp xếp, giảm 01 đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ so với thời điểm 30/6/2017⁶¹, dự kiến đến hết năm 2021, Bộ Tư pháp tiếp tục giảm 04 đơn vị sự nghiệp thuộc và trực thuộc Bộ.

Đối với cơ quan tư pháp địa phương, ngày 16/8/2018, Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp đã có Công văn số 308-CV/BCSD gửi Ban Thường vụ Thành ủy, Tỉnh ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị phối hợp chỉ đạo sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan tư pháp địa phương theo đúng tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW trên cơ sở tham khảo dự thảo Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV.

Thứ ba, về biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập

Về việc giảm biên chế công chức và số lượng người làm việc: Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, Bộ Tư pháp đã phê duyệt Đề án tinh giản biên chế của Bộ Tư pháp giai đoạn 2015 - 2021 (Quyết định số 1703/QĐ-BTP ngày 08/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp) trong đó xác định mục tiêu thực hiện tỷ lệ tinh giản biên chế đến năm 2021 tối thiểu đạt 10% số biên chế công chức và số lượng người làm việc của Bộ Tư pháp được Bộ Nội vụ giao năm 2015 và số lượng lao động hợp đồng quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP; khuyến khích các đơn vị sự nghiệp công lập có nguồn thu sự nghiệp đẩy mạnh chuyển đổi thêm 10% số lượng người làm việc sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và xã hội hóa, thay thế nguồn trả lương từ ngân sách nhà nước bằng việc trả lương từ nguồn thu sự nghiệp. Trên cơ sở Đề án tinh giản biên chế của Bộ, các đơn vị thuộc Bộ và Hệ thống thi hành án dân sự đã xây dựng Đề án tinh giản biên chế trong 05 năm, từ năm 2015 đến năm 2021 và Kế hoạch tinh giản biên chế hàng năm trình Bộ phê duyệt để triển khai thực hiện.

⁶⁰ Thay đổi mô hình Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng từ một đơn vị thuộc Bộ thành đơn vị sự nghiệp thuộc Cục; giải thể Trường Trung cấp Luật Buôn Ma Thuột để thành Phân hiệu Trường Đại học Hà Nội tại Đắk Lắk.

⁶¹ Giải thể Trường Trung cấp Luật Buôn Ma Thuột từ ngày 31/12/2019 và trở thành Phân hiệu của Trường Đại học Luật Hà Nội tại Đắk Lắk.

Triển khai thực hiện Đề án tinh giản biên chế, hàng năm Bộ Tư pháp đều thực hiện giảm biên chế của các đơn vị hành chính và đơn vị sự nghiệp hướng tới năm 2021 giảm 10% biên chế hành chính và giảm tối thiểu 10% biên chế của các đơn vị sự nghiệp so với năm 2015. Tính đến thời điểm 31/12/2019, Bộ Tư pháp đã giảm 7.7% biên chế hành chính và giảm 63% số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các đơn vị sự nghiệp so với năm 2015.

Cùng với việc thực hiện giảm biên chế công chức, hàng năm Bộ Tư pháp thực hiện tinh giản biên chế theo quy định của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP. Tất cả các trường hợp tinh giản biên chế đều được hưởng chính sách về hưu trước tuổi hoặc chính sách thôi việc ngay theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.

Thứ tư, về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Những năm qua, Ban cán sự Đảng, Lãnh đạo Bộ Tư pháp luôn xác định chủ trương, phương hướng xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và chuyên gia là một chủ trương, phương hướng quan trọng của công tác xây dựng Ngành để đáp ứng yêu cầu công tác hoạch định chiến lược, chính sách, quản lý vĩ mô của Bộ, ngành. Thực hiện chủ trương nêu trên, Bộ Tư pháp đã chỉ đạo các đơn vị chức năng xây dựng chương trình, kế hoạch và thường xuyên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng theo các tiêu chuẩn chức danh và vị trí việc làm; tổ chức hoặc cử công chức đi dự thi nâng ngạch chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính và tương đương do Bộ Nội vụ hoặc các Bộ quản lý chuyên ngành tổ chức.

Công tác tuyển dụng, tiếp nhận tiếp tục được đổi mới theo hướng tăng tính cạnh tranh, công khai, minh bạch, bám sát yêu cầu của vị trí việc làm, có điều kiện, tiêu chuẩn chuyên biệt phù hợp với đặc thù của một số đơn vị, bảo đảm người được tuyển dụng, tiếp nhận có phẩm chất, năng lực, trình độ đáp ứng tốt yêu cầu công việc tại Bộ. Công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ luôn được quan tâm, thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, thận trọng, dân chủ, khách quan; tiếp tục được đổi mới trên cơ sở quy định, hướng dẫn mới của Đảng và phù hợp với đặc thù của Bộ Tư pháp nhằm đảm bảo thực hiện đúng tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự, thủ tục theo quy định, đảm bảo phát huy được trình độ chuyên môn, năng lực và sở trường công tác của cán bộ.

Đặc biệt, để đổi mới công tác bổ nhiệm và nâng cao chất lượng cán bộ lãnh đạo, quản lý, trên cơ sở chủ trương, quy định của Đảng và Nhà nước, Bộ đã thực hiện thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý với mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ của Bộ trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác tư pháp trong thời kỳ mới,

từ khi có chủ trương của Đảng tính đến nay đã tổ chức được 03 kỳ thi điểm thi tuyển lãnh đạo, quản lý ở các đơn vị thuộc Bộ và lựa chọn, bổ nhiệm được 05 cán bộ lãnh đạo, tạo được bước đột phá trong việc lựa chọn người có đủ năng lực, chuyên môn để bổ nhiệm vào chức danh lãnh đạo, quản lý của Bộ Tư pháp.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác xây dựng Ngành vẫn còn những tồn tại, hạn chế nhất định, cụ thể:

Thứ nhất, về tổ chức bộ máy: Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của Bộ, ngành Tư pháp trong thời gian qua còn chưa kịp thời, lúng túng do Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII được ban hành ngày 25/10/2017, trong khi đó việc kiện toàn tổ chức bộ máy của Chính phủ được thực hiện theo nhiệm kỳ Chính phủ 2016-2021, theo quy định của Luật tổ chức Chính phủ 2015, Nghị định số 123/2016/NĐ-CP và Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Tuy nhiên, hiện nay Chính phủ đang sửa đổi Nghị định thay thế Nghị định số 123/2016/NĐ-CP và Nghị định số 55/2012/NĐ-CP, theo đó việc sắp xếp tổ chức bộ máy các đơn vị thuộc Bộ sẽ tiếp tục được thực hiện sau khi Chính phủ ban hành 02 Nghị định này.

Đồng thời, việc xây dựng và ban hành các văn bản về tổ chức bộ máy của Bộ, ngành chưa đảm bảo tiến độ do phải chờ các văn bản là căn cứ ban hành, như Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV đã được đánh giá, xây dựng dự thảo từ năm 2017, tuy nhiên do Nghị định thay thế Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/04/2014 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/05/2014 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh chưa ban hành nên Bộ Tư pháp chưa có cơ sở pháp lý để ban hành Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV; Thông tư quy định về cơ chế tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành Tư pháp do phải chờ Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 16/2015/NĐ-CP.

Thứ hai, về biên chế và tinh giản biên chế: Biên chế công chức và số lượng người làm việc chưa tương xứng với các nhiệm vụ ngày càng tăng cường, mở rộng được giao cho Bộ, ngành Tư pháp, trong khi đó Bộ đồng thời phải thực hiện việc cắt giảm biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW, Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW. Điều này đã dẫn đến quá tải về khối lượng công việc cho đội ngũ công chức, viên chức của Bộ.

Thứ ba, về công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức: Cơ cấu cán bộ còn chưa hợp lý, vẫn còn tình trạng bị động, hụt hẫng giữa các thế hệ cán bộ; chất lượng còn hạn chế, số lượng chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp và tương đương chiếm tỷ lệ thấp, chưa tương xứng với yêu cầu, tính chất, vị trí công việc; đội ngũ chuyên gia đầu Ngành ít, chưa có nhiều chuyên gia đủ sức tham mưu cho Đảng và Nhà nước hoạch định chính sách pháp luật và giải quyết những vấn đề pháp lý đặt ra trong giai đoạn hội nhập quốc tế hiện nay. Việc thu hút cán bộ có năng lực, kinh nghiệm về công tác tại Bộ còn gặp nhiều khó khăn.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Thứ nhất, nguyên nhân khách quan

- Chủ trương tinh giản biên chế, sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức bộ máy là chủ trương lớn của Đảng, nhiều điểm mới, có việc phức tạp, nhạy cảm trong khi nhận thức của một số đơn vị thuộc Bộ, một bộ phận công chức, viên chức về sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức còn chưa đầy đủ, toàn diện.

- Các quy định của pháp luật về công tác tổ chức, cán bộ còn chưa đầy đủ, còn nhiều bất cập, nhất là quy định về tuyển dụng, thu hút nhân tài; chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức ngành Tư pháp chưa tương xứng với đặc thù, tính chất, yêu cầu công việc của Ngành.

- Nhiệm vụ của Bộ Tư pháp trong thời gian qua gia tăng nhanh, nhiều nhiệm vụ mới, đột xuất song tổ chức, biên chế chưa theo kịp dẫn đến có một số bất cập trong vấn đề tổ chức, biên chế so với yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Thứ hai, nguyên nhân chủ quan

- Việc xây dựng một số văn bản, đề án, quy chế trong công tác cán bộ còn chậm. Công tác kiểm tra, giám sát đối với công tác tổ chức cán bộ tại một số đơn vị còn chưa kịp thời, thường xuyên. Sự phối hợp của Thủ trưởng một số đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan hữu quan đối với công tác tổ chức cán bộ ngành Tư pháp đôi lúc còn chưa được quan tâm đúng mức.

- Đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tổ chức, cán bộ của Bộ, của Ngành còn mỏng, quá tải đối với công việc; chưa được quan tâm bồi dưỡng bài bản nghiệp vụ về công tác tổ chức, cán bộ một cách chính quy, chuyên nghiệp; ứng dụng công nghệ thông tin còn chậm được thực hiện.

4. Nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới

Thứ nhất, tiếp tục rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản, quy định, quyết định, hướng dẫn... về tổ chức bộ máy, biên chế để thực

hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW. Rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của Bộ, ngành sau khi Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi Nghị định số 123/2016/NĐ-CP, Nghị định thay thế Nghị định số 24/2014/NĐ-CP, Nghị định thay thế Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ...đảm bảo thực hiện theo đúng mục tiêu và nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết số 18-NQ/TW.

Thứ hai, rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối tổ chức của các đơn vị thuộc Bộ theo nguyên tắc một tổ chức có thêm đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính, gắn việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp công lập theo lộ trình tại Quyết định số 1030/QĐ-TTg đảm bảo tinh gọn, giảm số lượng đơn vị sự nghiệp và đẩy mạnh tự chủ về tài chính, giảm tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp theo đúng lộ trình. Tiếp tục thực hiện phương án sắp xếp Tổng cục Thi hành án dân sự (gắn với việc hoàn thiện thể chế về ngành, lĩnh vực liên quan) và tổ chức bên trong (tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập), bảo đảm đáp ứng yêu cầu Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW (tinh gọn, giảm đầu mối, đáp ứng tiêu chí thành lập/biên chế tối thiểu, tăng mức tự chủ về tài chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động).

Thứ ba, đẩy mạnh thực hiện phân cấp, phân quyền hợp lý giữa Bộ với các cơ quan tư pháp và thi hành án địa phương, gắn quyền hạn với trách nhiệm; đồng thời đi đôi với kiểm tra, giám sát quyền lực bằng các quy chế, quy định pháp luật, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch và đề cao trách nhiệm giải trình trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi, thẩm quyền được giao, phù hợp với đặc điểm, tình hình của cơ quan, đơn vị.

Thứ tư, tiếp tục phối hợp với Bộ Nội vụ và các cơ quan có liên quan hoàn chỉnh việc xây dựng danh mục, khung năng lực, bản mô tả vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành tư pháp và vị trí việc làm pháp chế - chuyên môn dùng chung để trình cơ quan có thẩm quyền ban hành và áp dụng thống nhất trong phạm vi cả nước (từ trung ương xuống địa phương).

Thứ năm, tập trung hoàn thiện thể chế trong công tác cán bộ; rà soát, bố trí, sắp xếp, sử dụng đội ngũ công chức, viên chức theo vị trí việc làm; xây dựng môi trường làm việc dân chủ, công bằng, thân thiện; nâng cao chất lượng công tác quy hoạch cán bộ, kiện toàn đội ngũ công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của Bộ; đẩy mạnh công tác luân chuyển, điều động công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy hoạch và tăng cường cho các nơi thiếu cán bộ, yếu về hoạt động.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Bộ, ngành theo Nghị quyết số 26-NQ/TW; chú trọng bồi dưỡng lý luận chính trị, kỹ năng nghiệp vụ, lãnh đạo, quản lý, ngoại ngữ và kinh nghiệm thực tiễn; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức, viên chức trẻ có trình độ chuyên môn sâu và xây dựng đội ngũ chuyên gia trong các lĩnh vực quản lý của Bộ.

Thực hiện việc giao và quản lý chặt chẽ biên chế đối với các đơn vị thuộc Bộ trên cơ sở vị trí việc làm, loại hình tổ chức. Tiếp tục thực hiện nghiêm việc tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Đề án tinh giản biên chế của Bộ Tư pháp.

Thứ sáu, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý cán bộ để xây dựng phương thức quản lý khoa học, nâng cao tính minh bạch, hiệu quả thực hiện công tác này và đảm bảo thực hiện mục tiêu của cải cách công vụ, công chức./.

THAM LUẬN

ĐỔI MỚI CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC CỦA BỘ, NGÀNH TƯ PHÁP⁶²

Ở nước ta, Đảng và Nhà nước luôn khẳng định quan điểm coi con người là trung tâm của sự phát triển, của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hiện nay, trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hoá và hội nhập quốc tế, phát triển nhân lực được coi là một trong ba khâu đột phá của chiến lược chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; đồng thời, phát triển nhân lực trở thành nền tảng phát triển bền vững và tăng lợi thế cạnh tranh quốc gia. Việc phát triển nhân lực, một mặt, cần phải có tầm nhìn chiến lược phát triển tổng thể và dài hạn, nhưng đồng thời, trong mỗi thời kỳ nhất định, cần xây dựng những định hướng cụ thể, để từ đó đánh giá thời cơ, thách thức, những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân... để đề ra mục tiêu và giải pháp phát triển thích hợp cho giai đoạn đó phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế. Một trong các mục tiêu, nhiệm vụ tổng quát phát triển đất nước 10 năm, giai đoạn 2011-2020 thể hiện trong Nghị quyết Đại hội XII của Đảng là: *“Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực pháp luật và tư pháp”*.

Nhận thức tầm quan trọng của phát triển nguồn nhân lực, thời gian qua, Đảng ủy Bộ Tư pháp đã phối hợp chặt chẽ với Ban cán sự Đảng, Lãnh đạo Bộ chỉ đạo việc thực hiện các giải pháp để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Bộ, ngành Tư pháp. Trong đó, đặc biệt chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động của Bộ, ngành Tư pháp nói riêng và công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tư pháp và pháp luật nói chung.

1. Thực trạng công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của Bộ, ngành Tư pháp

1.1. Xây dựng các văn bản, đề án, quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của Bộ, ngành Tư pháp

- Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng, các định hướng của Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020 (Nghị quyết 49-NQ/TW), Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020 (Kết luận số 92-KL/TW) và các Chương trình trọng tâm công tác cải cách tư pháp giai đoạn 2016-2021 của Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương

⁶² Đảng bộ Học viện Tư pháp

và của Ban cán sự đảng Chính phủ⁶³, Ban cán sự Đảng, Đảng ủy, Lãnh đạo Bộ Tư pháp đã ban hành hoặc tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành nhiều chủ trương, chính sách liên quan đến xây dựng và phát triển nguồn nhân lực pháp luật và tư pháp giai đoạn 2011-2020⁶⁴. Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 358/QĐ-BTP ngày 06/3/2012 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực ngành Tư pháp giai đoạn 2011 - 2020.

- Bộ Tư pháp đã ban hành Quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trẻ có trình độ chuyên môn sâu của Bộ Tư pháp giai đoạn 2014 - 2020 (Quyết định số 1340/QĐ-BTP ngày 09/6/2014) và Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức, viên chức trẻ có trình độ chuyên môn sâu của Bộ Tư pháp giai đoạn 2018-2020 (Quyết định số 2605/QĐ-BTP ngày 20/12/2017) với mục tiêu *“Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức, viên chức trẻ có trình độ chuyên môn sâu của Bộ Tư pháp có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với sự nghiệp của dân tộc Việt Nam, am hiểu lĩnh vực chuyên môn của Bộ Tư pháp, có tư duy sáng tạo, phương pháp tiếp cận, giải quyết vấn đề khoa học, có kỹ năng nghiên cứu, phân tích, dự báo, hoạch định và tổ chức thực thi chính sách và sử dụng thành thạo ngoại ngữ, tin học, các kiến thức bổ trợ khác nhằm hình thành đội ngũ chuyên gia trong tương lai, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển nền kinh tế thị trường, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của dân, do dân, vì dân và yêu cầu chủ động hội nhập quốc tế”*.

- Bộ Tư pháp đã ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức Bộ Tư pháp kèm theo Quyết định số 273/QĐ-BTP ngày 12/2/2018, góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, xây dựng đội ngũ công chức, viên chức chuyên nghiệp, có đủ phẩm chất, trình độ và năng lực, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân, sự nghiệp phát triển đất nước.

Ngoài ra, Bộ Tư pháp đã ban hành các tài liệu hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan cho công chức địa phương, cụ thể:

- Bồi dưỡng công chức Tư pháp – Hộ tịch cấp xã thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án *“Đào tạo nghề cho lao động nông thôn”* và Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày

⁶³ Chương trình trọng tâm công tác cải cách tư pháp giai đoạn 2016-2021 của Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương (Chương trình số 03-CTr/BCĐCCTPTW), Ban cán sự đảng Chính phủ (Chương trình số 1087-CTr/BCSĐCP).

⁶⁴ Ngày 19/4/2011, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và ban hành Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực giai đoạn 2011 - 2020, trong đó có nhân lực ngành Tư pháp.

16/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020” từ năm 2010 đến năm 2018:

- Bộ Tư pháp biên soạn Tài liệu đào tạo, bồi dưỡng công chức Tư pháp - Hộ tịch xã, thị trấn khu vực đồng bằng và Tài liệu đào tạo, bồi dưỡng công chức Tư pháp - Hộ tịch xã, thị trấn khu vực trung du, miền núi, dân tộc (Quyết định số 419/QĐ-BTP ngày 19/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp); biên soạn Tài liệu bồi dưỡng chức danh công chức Tư pháp - Hộ tịch phường, thị trấn (Quyết định số 3537/QĐ-BTP ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp); Tài liệu bồi dưỡng chuyên sâu nghiệp vụ hộ tịch và chứng thực cho công chức Tư pháp - Hộ tịch xã và Tài liệu bồi dưỡng chuyên sâu nghiệp vụ tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, soạn thảo văn bản hành chính, phổ biến giáo dục, pháp luật và hòa giải cho công chức Tư pháp - Hộ tịch xã (Quyết định số 2721/QĐ-BTP ngày 13/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Quyết định số 2723/QĐ-BTP ngày 13/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp).

1.2. Về số lượng

1.2.1. Số lượng công chức, viên chức, người lao động của Bộ Tư pháp được chọn, cử đi đào tạo, bồi dưỡng

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Bộ, ngành Tư pháp tiếp tục được chú trọng. Từ năm 2011 đến hết năm 2019, Bộ Tư pháp đã đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước cho **75.197** lượt công chức, viên chức thuộc Bộ, cán bộ pháp chế Bộ, ngành và địa phương, cán bộ, công chức cơ quan tư pháp địa phương... nhằm đáp ứng tiêu chuẩn các chức danh, tăng cường bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm cho các chức danh lãnh đạo, quản lý và công chức hành chính, công chức Tư pháp - Hộ tịch,... Nội dung các lớp đào tạo, bồi dưỡng phong phú, toàn diện, như: chuyên môn nghiệp vụ; kỹ năng nghề nghiệp; kỹ năng lãnh đạo, quản lý cấp Vụ, cấp Phòng; lý luận chính trị; ngoại ngữ; tin học; kiến thức hội nhập quốc tế; kiến thức quốc phòng, an ninh. Bên cạnh các lớp bồi dưỡng do Bộ Tư pháp tổ chức, các địa phương đã chủ động tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho công chức, viên chức của Ngành.

Về đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài: Để công tác đào tạo, bồi dưỡng đạt hiệu quả, Bộ Tư pháp đã sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước, từ sự hỗ trợ của học bổng nước ngoài. Tính từ năm 2011 đến năm 2019, Bộ Tư pháp đã cử **1.143** lượt công chức, viên chức đi học tập, bồi dưỡng, nghiên cứu tại nước ngoài về quản lý, điều hành chương trình kinh tế - xã hội; về quản lý hành chính công; về quản lý nhà nước chuyên ngành, lĩnh vực; về xây dựng và phát triển nguồn nhân lực; về chính sách công, dịch vụ

công; về kiến thức hội nhập quốc tế; ngoại ngữ; sau đại học tại Úc, Nhật, Mỹ, Trung Quốc, Đức, Pháp, Canada, Thụy Sĩ...

1.2.2. Số lượng đào tạo, bồi dưỡng các chức danh tư pháp

Bên cạnh quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cho công chức, viên chức các đơn vị thuộc Bộ, Bộ Tư pháp còn đào tạo, bồi dưỡng các chức danh tư pháp, cụ thể:

- *Công tác đào tạo*: Trong 5 năm qua, quy mô đào tạo các chức danh tư pháp có bước phát triển mạnh. Nếu như giai đoạn từ 2010 đến 2014, tổ chức đào tạo được 18.221 học viên thì giai đoạn từ 2015 đến nay, Bộ Tư pháp đã và đang tổ chức đào tạo cho 20.750 học viên, tăng 2.529 học viên.

- *Công tác bồi dưỡng*: Trong các năm từ 2015 đến hết 2019, Bộ Tư pháp đã tổ chức 14 lớp bồi dưỡng nghề công chứng cho 954⁶⁵ lượt người; 04 lớp bồi dưỡng nghề thừa phát lại cho 495⁶⁶ lượt người; 36 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho tổng số 4.018⁶⁷ lượt người tham dự; tổ chức bồi dưỡng ngạch thư ký thi hành án dân sự cho 1.288 lượt công chức; tổ chức bồi dưỡng ngạch Chấp hành viên trung cấp cho 1.407 lượt công chức; ngạch thẩm tra viên cho 271 lượt công chức; ngạch thẩm tra viên chính cho 219 lượt công chức; ngạch chấp hành viên cao cấp, thẩm tra viên cao cấp cho 101 lượt công chức.

1.2.3. Số lượng bồi dưỡng công chức Tư pháp - Hộ tịch

- Bộ Tư pháp đã tổ chức bồi dưỡng cho 672 công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã của 04 tỉnh: Cà Mau, Quảng Trị, Gia Lai, Hà Giang (năm 2012); 423 công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã của 06 tỉnh: Lào Cai, Hà Giang, Bắc Kạn, Phú Thọ, Bắc Giang, Quảng Ngãi (năm 2013); 160 công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã của 02 tỉnh: Thái Nguyên và Quảng Bình (năm 2018).

- Bồi dưỡng công chức làm công tác Hộ tịch nhằm triển khai Luật Hộ tịch từ năm 2015 đến năm 2019:

+ Năm 2015, Bộ Tư pháp đã ban hành Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch (Quyết định số 2247/QĐ-BTP ngày 25/12/2015) và năm 2016, Bộ Tư pháp đã ban hành Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã và cấp huyện (Quyết định số 2412/QĐ-BTP ngày 15/11/2016).

+ Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch tại địa phương: Bộ Tư pháp đã giao Học viện Tư pháp và 05 Trường

⁶⁵ Năm 2015 cho 100 lượt người; năm 2016 cho 103 lượt người; năm 2017 cho 207 lượt người; năm 2018 cho 186 lượt người; năm 2019 cho 249 lượt người.

⁶⁶ Năm 2015 cho 251 lượt người; năm 2016 cho 244 lượt người.

⁶⁷ Năm 2017 cho 852 lượt người; năm 2018 cho 782 lượt người; năm 2019 cho 2.384 lượt người.

Trung cấp Luật phối hợp với các Sở, ngành địa phương tổ chức được tổ chức 112 lớp cho 13.402 cán bộ, công chức làm công tác hộ tịch tại nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước, đáp ứng tiêu chuẩn được quy định theo Luật Hộ tịch.

Đồng thời, Bộ Tư pháp đã yêu cầu Trường Đại học Luật Hà Nội và 05 Trường Trung cấp Luật thuộc Bộ nghiên cứu đưa nội dung đăng ký và quản lý hộ tịch thành nội dung học bắt buộc, thống nhất tại Nhà trường nhằm đào tạo, kiện toàn đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch bảo đảm đủ tiêu chuẩn được quy định trong Luật hộ tịch.

Bên cạnh những nhiệm vụ do Bộ Tư pháp thực hiện, hàng năm, Ủy ban nhân dân các tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn như Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tư pháp... trong việc xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, trong đó có việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ đăng ký, quản lý hộ tịch cho công chức làm công tác hộ tịch, đồng thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tế. Do làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng nên chất lượng công chức làm công tác hộ tịch ở địa phương từng bước được nâng lên, ngày càng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đề ra.

1.3. Về chất lượng

Giai đoạn 2015 - 2019, Bộ Tư pháp đã chủ động xây dựng chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với mục tiêu và đối tượng công chức, viên chức Bộ, ngành Tư pháp đảm bảo phù hợp với yêu cầu, vị trí công việc từng chức danh, nhiệm vụ như: chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ tư pháp cấp huyện; chương trình, tài liệu bồi dưỡng công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã; chương trình, tài liệu bồi dưỡng pháp luật ASEAN của ngành Tư pháp; chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghề công chứng; chương trình, tài liệu bồi dưỡng ngạch thư ký thi hành án dân sự; chương trình, tài liệu ngạch Chấp hành viên trung cấp; chương trình bồi dưỡng tư pháp cấp huyện; chương trình bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng về pháp luật quốc tế và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế cho công chức, viên chức làm công tác liên quan đến pháp luật...

Nội dung đào tạo, bồi dưỡng thiết thực, phù hợp với yêu cầu đối với từng loại chức danh tư pháp, hỗ trợ tư pháp và vị trí việc làm. Chương trình đào tạo, bồi dưỡng chú trọng cả phẩm chất đạo đức và kiến thức, cả lý luận và thực tiễn; bồi dưỡng kiến thức cơ bản và hướng dẫn kỹ năng thực hành, trang bị những kiến thức cơ bản của nền hành chính, kỹ năng hoạt động công vụ, kiến thức quản lý cho từng ngạch chuyên viên, kỹ năng nghiệp vụ cho công chức từng ngạch... Phương thức đào tạo kết hợp việc đào tạo tại các trường lớp với việc rèn

luyện qua thực tiễn công tác. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả trong việc thực thi nhiệm vụ của từng ngạch công chức, viên chức.

Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng đã được mở rộng trong toàn hệ thống cơ quan tư pháp, ngành tư pháp và theo nhu cầu xã hội. Đã thực hiện được việc đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức đào tạo theo chức danh; gắn lý thuyết với thực hành, kỹ năng xử lý thực tiễn đối với từng chức danh và vị trí việc làm.

Công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng vừa đảm bảo tính chặt chẽ, nghiêm túc, vừa linh hoạt, cơ động đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Thể chế quản lý ngày càng được hoàn thiện, công khai, minh bạch đáp ứng tốt với sự thay đổi, phát triển của các chương trình đào tạo, bồi dưỡng. Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật dùng cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng được củng cố, tăng cường đảm nhiệm tốt việc đào tạo, bồi dưỡng các loại đối tượng người học. Việc ứng dụng công nghệ phục vụ cho hoạt động đào tạo ngày nhiều. Năm 2020, một số cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc Bộ Tư pháp đã tổ chức thành công thí điểm triển khai kết hợp đào tạo tập trung và đào tạo từ xa thông qua việc sử dụng phần mềm đào tạo trực tuyến.

- Chất lượng đội ngũ giảng viên:

Những năm qua, trong hoạt động tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, Bộ Tư pháp đặc biệt chú trọng để xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên/báo cáo viên giỏi về kiến thức, chuyên môn, phong phú về kỹ năng, nghiệp vụ. Do đó, khi được giao tổ chức những lớp học đòi hỏi yêu cầu chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ cao, Bộ Tư pháp đã thuyết phục để mời được những nhà lãnh đạo, những chuyên gia đầu ngành tham gia giảng dạy như: đồng chí Vũ Khoan – nguyên Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ; đồng chí Trương Đình Tuyển – Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Thương mại; TS. Nguyễn Tiến Dinh – Nguyên Thứ trưởng Bộ Nội vụ; GS.TS. Nguyễn Thị Mơ – Nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại thương; Luật sư Trương Nhật Quang - Luật sư điều hành Văn phòng Luật sư YKVN; TS. Luật sư Đặng Xuân Hợp - Luật sư thành viên, Văn phòng Luật sư Allen and Overy tại Việt Nam; TS. Luật sư Ngô Thanh Tùng - Công ty Luật TNHH Quốc Tế Việt Nam (Vilaf Hồng Đức)... Do đó, các lớp bồi dưỡng được tổ chức đạt hiệu quả và chất lượng cao, nhận được phản hồi tích cực từ những người tham gia khoá học.

Để các khoá đào tạo, bồi dưỡng đạt được chất lượng cao, ngoài việc đội ngũ giảng viên giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, Bộ Tư pháp cũng luôn chú trọng, yêu cầu, đề nghị các giảng viên/báo cáo viên phải áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực như: lấy người học làm trung tâm, tăng tính tương tác giữa người

học với người học và với người giảng như giảng dạy thông qua các tình huống thực tế, thông qua đối thoại, trao đổi, thực hành tình huống, xem băng, nhận xét; phương pháp song giảng giữa giảng viên lý thuyết và giảng viên thực hành là các thẩm phán, các luật sư, các công chứng viên...

1.4. Kiện toàn mạng lưới cơ sở đào tạo, các cấp đào tạo luật theo quy hoạch được phê duyệt

- Thực hiện Quyết định số 549/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể “Xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật”, Trường Đại học Luật Hà Nội đã rà soát, cập nhật kiến thức mới và chỉnh lý hệ thống giáo trình hiện có, bước đầu đã chuẩn hóa được nội dung và sự tương thích giữa giáo trình của các môn học. Chương trình đào tạo mới được thiết kế theo hướng tinh gọn, thiết thực, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế, đảm bảo tính đồng bộ và liên thông về chương trình giữa các chuyên ngành, các hệ đào tạo. Cụ thể như sau: (1) Phát triển thêm mã ngành đào tạo Tiếng Anh pháp lý; đang đề xuất mở mã ngành đào tạo Tài chính – Ngân hàng; (2) Ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học luật chất lượng cao; trên cơ sở Chương trình đào tạo trình độ đại học luật hệ chính quy, Trường đang rà soát để chỉnh lý đồng bộ các chương trình đào tạo cử nhân luật văn bằng 2 (chính quy, vừa làm vừa học), chương trình đào tạo cử nhân luật văn bằng 1 hệ vừa làm vừa học; đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt thành Đề án đào tạo liên thông từ trung cấp lên đại học luật, trong năm 2016, Trường đã hoàn thành công tác tuyển sinh và tổ chức thi tuyển khóa 1; đã xây dựng chương trình, được cho phép đào tạo và cấp bằng cử nhân luật cho cán bộ pháp chế các Bộ, ngành, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và doanh nghiệp nhà nước; (3) Ban hành các chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ luật của tất cả các chuyên ngành với Chương trình định hướng nghiên cứu và Chương trình định hướng ứng dụng nhằm đáp ứng nhu cầu của người học.

Như vậy, kết quả mở rộng quy mô kết hợp nâng cao chất lượng đào tạo luật của Trường Đại học Luật Hà Nội so với mục tiêu của Quyết định số 549/QĐ-TTg đề ra đang được từng bước thực hiện theo yêu cầu, trong nguồn lực hiện có, đã ưu tiên đào tạo đại học văn bằng 2, thạc sỹ và tiến sỹ, kết hợp nâng cao chất lượng đào tạo đại học hệ vừa làm vừa học. Đồng thời, chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ nhằm đào tạo những nhà khoa học có trình độ cao về lý thuyết và năng lực thực hành phù hợp, có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về

khoa học, công nghệ và hướng dẫn nghiên cứu khoa học; nâng cao số lượng hệ vừa học vừa làm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

- Triển khai Quyết định số 2083/QĐ-TTg ngày 08/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng Học viện Tư pháp thành trung tâm lớn đào tạo các chức danh tư pháp”, Học viện Tư pháp thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các chương trình đào tạo chức danh tư pháp hàng năm cho phù hợp với sự thay đổi của hệ thống pháp luật, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp đặt ra theo hướng tăng cường các hoạt động kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp. Trong hơn 02 năm thực hiện Chương trình hành động, có 05 chương trình được xây dựng mới gồm: chương trình đào tạo nghề luật sư 12 tháng, chương trình đào tạo nghề công chứng 12 tháng, chương trình đào tạo nghề thừa phát lại, chương trình đào tạo luật sư phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế; chương trình đào tạo chung nguồn thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư. Tất cả các chương trình đào tạo các chức danh tư pháp đều đã được chuyển đổi từ hình thức đào tạo niên chế sang hình thức đào tạo theo tín chỉ.

- Đối với các Trường Trung cấp Luật thuộc Bộ Tư pháp, ngày 02/11/2010, Bộ trưởng Bộ Tư pháp có Quyết định số 2663/QĐ-BTP về việc ban hành Chương trình khung đào tạo trình độ trung cấp ngành Pháp luật, gồm 06 môn học chung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với các Trường Trung cấp chuyên nghiệp, 13 môn học chuyên môn luật và 11 môn học nghiệp vụ, theo đó, năm 2011, Bộ Tư pháp đã giao Trường Trung cấp Luật Buôn Ma Thuột nhiệm vụ biên soạn các giáo trình để dùng chung cho các Trường Trung cấp Luật thuộc Bộ.

Qua thực tiễn giảng dạy tại các Trường Trung cấp Luật thuộc Bộ và do các quy định của pháp luật có nhiều thay đổi theo Hiến pháp năm 2013, để tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo trình đào tạo trình độ trung cấp luật với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, ngày 15/7/2016, Bộ Tư pháp đã ban hành Chương trình đào tạo trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy ngành Pháp luật làm cơ sở cho các Trường Trung cấp Luật xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trung cấp chuyên nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.

1.5. Về hợp tác quốc tế về đào tạo nhân lực

Hàng năm, Bộ Tư pháp đều tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài cho công chức, viên chức hoặc mời giảng viên, chuyên gia nước ngoài tham gia đào tạo trong nước nhằm phát triển nguồn nhân lực ngành Tư pháp đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Ngoài ra, Bộ Tư pháp rất chú trọng việc đàm phán, ký kết các thỏa thuận, chương trình, kế hoạch, hoạt động hợp tác về đào tạo nguồn nhân lực, hầu hết các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế giữa Bộ Tư pháp và đối tác nước ngoài đều có nội dung hợp tác về đào tạo nguồn nhân lực hoặc tăng cường năng lực cho cán bộ, chức danh trong ngành Tư pháp. Trong quá trình quản lý các chương trình, dự án hợp tác do Bộ Tư pháp là cơ quan chủ quản, Bộ Tư pháp đã đưa những hoạt động phù hợp hỗ trợ công tác đào tạo của Trường Đại học Luật Hà Nội, Học viện Tư pháp và các cơ sở đào tạo khác thuộc Bộ vào Kế hoạch hoạt động hàng năm của dự án.

Các cơ sở đào tạo thuộc Bộ Tư pháp tiếp tục củng cố, mở rộng và nâng cao chất lượng hợp tác, trao đổi trong đào tạo cán bộ pháp luật ở trong và ngoài nước. Trường Đại học Luật Hà Nội, Học viện Tư pháp đã có quan hệ hợp tác với hơn 20 cơ sở đào tạo luật của nước ngoài. Hoạt động hợp tác quốc tế diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng, tiếp nhận và thu hút sinh viên quốc tế đến học tập. Hiện nay, ngoài sinh viên quốc tế được tiếp nhận theo diện Hiệp định của Chính phủ, Trường Đại học Luật Hà Nội còn thu hút được sinh viên đến từ Lào, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Hoa Kỳ theo học các chương trình dài hạn, ngắn hạn bằng con đường tự túc kinh phí. Ngoài ra, các cơ sở đào tạo thuộc Bộ Tư pháp cũng hỗ trợ tích cực cho hoạt động đào tạo nguồn nhân lực pháp luật cho các nước bạn Lào, Cam-pu-chia.

2. Đánh giá chung

2.1. Kết quả đạt được

Trong nhiệm kỳ 2015-2020, công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực Bộ, ngành Tư pháp đã đạt nhiều kết quả quan trọng, đóng góp cho sự phát triển chung của Bộ, ngành Tư pháp và xã hội, đặc biệt là trong việc tạo nguồn, hỗ trợ và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ các chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp, công chức, viên chức khác cho các ngành toà án, kiểm sát, tư pháp, hải quan và theo nhu cầu xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Thường xuyên chú trọng đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng theo hướng điều chỉnh quy mô, đa dạng hóa loại hình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ chính trị và điều kiện năng lực thực tiễn. Bên cạnh việc tập trung đào tạo, bồi dưỡng tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, đã mở rộng phạm vi đào tạo, bồi dưỡng tại các địa phương khác.

Nhìn chung, công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực Bộ, ngành Tư pháp trong những năm qua đã góp phần quan trọng trên các mặt sau:

Thứ nhất, góp phần nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, các chức danh tư pháp nói chung và đội ngũ cán bộ do Bộ Tư pháp quản lý nói riêng nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, cải cách tư pháp, hội nhập quốc tế trong xu thế toàn cầu hoá của đất nước.

Thứ hai, góp phần thống nhất chung nghiệp vụ, áp dụng, thực hiện pháp luật trên toàn quốc, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, đặc biệt trong các lĩnh vực như: nghiệp vụ thi hành án dân sự; nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính; nghiệp vụ tư pháp - hộ tịch; nghiệp vụ kiểm tra, rà soát văn bản; nghiệp vụ soạn thảo, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; nghiệp vụ thừa phát lại; nghiệp vụ công chứng; nghiệp vụ trợ giúp pháp lý...

Thứ ba, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức đạo đức nghề nghiệp, ý thức phục vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức góp phần nâng cao chỉ số mức độ hài lòng của người dân đối với hoạt động của cơ quan nhà nước thông qua các khoá học về bồi dưỡng kiến thức văn hóa công sở, nâng cao ý thức đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp; các chuyên đề về đạo đức nghề nghiệp trong các chương trình bồi dưỡng nghề, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức...

Thứ tư, góp phần hoàn thiện tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp cho cán bộ, công chức, viên chức, các chức danh tư pháp nói chung qua việc thực hiện hàng loạt các chương trình bồi dưỡng trợ giúp viên pháp lý, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức...

Thứ năm, góp phần tạo nguồn bổ nhiệm cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, các chức danh tư pháp qua việc thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn lãnh đạo, quản lý; chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghề công chứng, nghề thừa phát lại...

Thứ sáu, sự thành công trong hoạt động bồi dưỡng cũng góp phần nâng cao hình ảnh, uy tín của Bộ, ngành Tư pháp trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thể hiện qua việc Bộ Nội vụ đã tin nhiệm giao cho Bộ Tư pháp thực hiện các hoạt động liên quan tới xây dựng chương trình, tài liệu bồi dưỡng như: Chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo vị trí việc làm cho Chi cục trưởng; Chương trình, tài liệu bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng thống nhất thực hiện chung trên phạm vi toàn quốc...

2.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.2.1. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những thành tích nổi bật, công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực Bộ, ngành Tư pháp vẫn còn một số hạn chế như sau:

- Việc triển khai Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực ngành Tư pháp giai đoạn 2011-2020 cũng như Quyết định số 549/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Đề án tổng thể “Xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật”; Quyết định số 2083/QĐ-TTg ngày 08/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Đề án “Xây dựng Học viện Tư pháp thành trung tâm lớn đào tạo các chức danh tư pháp”... còn nhiều mục tiêu chưa đạt được hoặc chậm tiến độ.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng tuy có nhiều chuyển biến tích cực, trọng tâm, trọng điểm hơn so với trước đây, nhưng nội dung chương trình còn dàn trải, nặng về lý thuyết, thiếu thực tiễn, chưa thực sự phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm; phương pháp và hình thức đào tạo chậm đổi mới, chưa theo kịp với xu thế chung của thế giới, nhất là trong khi dịch bệnh Co-vit 19 diễn ra.

- Việc triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ hội nhập quốc tế còn chưa được đầu tư thỏa đáng, chưa có bước đột phá. Trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) còn hạn chế, chưa đồng đều, chưa đáp ứng với yêu cầu của tình hình hiện nay.

- Có hiện tượng chảy máu chất xám (từ khối quản lý nhà nước sang khối tư nhân, từ trong nước ra nước ngoài) trong khi chưa thu hút được nhiều trí thức Việt Nam ở nước ngoài về làm việc lâu dài trong nước.

2.2.2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

- Bộ Tư pháp triển khai nhiệm vụ xây dựng Quy hoạch phát triển nhân lực trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục có nhiều khó khăn, thách thức và những biến động khó lường cũng đã tác động không nhỏ đến việc lập và triển khai thực hiện quy hoạch phát triển nhân lực.

- Khi xây dựng Quy hoạch phát triển nhân lực ngành Tư pháp giai đoạn 2011 - 2020 chưa có Chiến lược xây dựng và phát triển Ngành Tư pháp, Quy hoạch phát triển nhân lực của các ngành kinh tế - xã hội nên định hướng phát triển nhân lực của Bộ chưa được chính xác; nhiều căn cứ pháp lý để xây dựng quy hoạch chỉ là dự thảo, chưa được ban hành chính thức như: Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2020, Chiến lược phát triển dạy nghề đến năm 2020...

Bộ Tư pháp hiện nay có **10.891** biên chế (Bộ Tư pháp có 621 biên chế công chức hành chính, 1.162 viên chức sự nghiệp; Hệ thống Thi hành án dân sự có

9.088 công chức), để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng tăng cường và mở rộng, nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị... Tuy nhiên, với nguồn kinh phí được cấp còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu và đòi hỏi của tình hình thực tế để đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, phục vụ hội nhập và xây dựng đội ngũ chuyên gia trong tương lai.

- Nhận thức và công tác phối hợp của một số Bộ, cơ quan có liên quan trong việc đào tạo chung nguồn một số chức danh tư pháp còn chưa thống nhất; kinh phí để triển khai các Đề án lớn như Đề án tổng thể “Xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật” và Đề án “Xây dựng Học viện Tư pháp thành trung tâm lớn đào tạo các chức danh tư pháp” còn khó khăn.

- Một số văn bản về đào tạo, bồi dưỡng đã ban hành nhưng chưa kịp sửa đổi, bổ sung hoặc chưa có hướng dẫn nên khó triển khai trên thực tế.

3. Các giải pháp cụ thể để đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Bộ, ngành Tư pháp

Để xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế thì chất lượng nguồn nhân lực ngành Tư pháp cần phải được tăng cường một cách toàn diện. Yêu cầu đặt ra đối với công chức, viên chức của Ngành là phải có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ pháp luật; có kiến thức ngoại ngữ và tin học; có khả năng thực hành; có kỹ năng làm việc nhóm, có năng lực và bản lĩnh hội nhập. Bên cạnh đó, cần phải xây dựng đội ngũ luật sư, chuyên gia pháp luật đạt trình độ khu vực và thế giới để tham mưu giúp Chính phủ trong việc hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế, xây dựng và thực thi chính sách pháp luật đồng thời bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và công dân Việt Nam trong các tranh chấp có yếu tố nước ngoài. Đây là trọng trách to lớn đang đặt ra đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; đào tạo cán bộ về pháp luật, các chức danh tư pháp. Nó đòi hỏi công tác đào tạo, bồi dưỡng phải được đổi mới mạnh mẽ, toàn diện trong những năm tới nhằm đáp ứng yêu cầu của Đảng, Nhà nước và đòi hỏi của xã hội. Để góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Bộ, ngành Tư pháp cần thực hiện một số giải pháp cụ thể:

- **Thứ nhất**, tiếp tục chú trọng, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định; đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, đạo đức, kỹ năng nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ (chú trọng tiếng Anh) đáp ứng khả năng làm việc trong môi trường quốc tế đến năm 2030 theo Nghị quyết số 26-NQ/TW.

- **Thứ hai**, tiếp tục đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ngành Tư pháp theo hướng phát triển năng lực tiếp cận, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng với môi trường công nghệ liên tục thay đổi đáp ứng ngày càng tốt hơn với yêu cầu của công cuộc hiện đại hóa đất nước dựa trên nền tảng công nghệ cao theo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- **Thứ ba**, đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng xây dựng đội ngũ chuyên gia, xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn, đạo đức, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ.

- **Thứ tư**, tiếp tục đổi mới chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; đổi mới công tác đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; đổi mới phương pháp dạy và học trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; ứng dụng công nghệ hiện đại trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

- **Thứ năm**, hoàn thiện thể chế, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng như: Xây dựng Quy hoạch phát triển nhân lực Bộ Tư pháp, ngành Tư pháp giai đoạn 2021 đến năm 2030; xây dựng Quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2021-2025; sửa đổi, bổ sung Quy chế đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức Bộ Tư pháp phù hợp với yêu cầu và đòi hỏi của tình hình mới.

- **Thứ sáu**, tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo của Trường Đại học Luật Hà Nội, Học viện Tư pháp và 03 Trường Cao đẳng Luật đáp ứng yêu cầu đào tạo, nâng cao chất lượng cán bộ về pháp luật, đào tạo các chức danh tư pháp.

4. Đề xuất, kiến nghị

- Đề nghị Chính phủ ban hành các văn bản về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đồng bộ, thống nhất phù hợp với các văn bản pháp luật mới và tình hình trong nước, thế giới.

- Đề nghị Ban cán sự Đảng, Lãnh đạo Bộ Tư pháp tiếp tục quan tâm, chỉ đạo sát sao công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển nhân lực Bộ Tư pháp, ngành Tư pháp đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đề ra trong giai đoạn mới.

- Đề nghị Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ tiếp tục quan tâm, chủ động rà soát, đề xuất nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2021-2025, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ và các đơn vị có liên quan tham mưu trình Ban cán sự Đảng, Lãnh đạo Bộ Tư pháp ban hành các văn bản, đề án, quy hoạch, kế hoạch, quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức Bộ, ngành Tư pháp; đào tạo cán bộ pháp luật, đào tạo các chức danh tư pháp hoặc kiến nghị với cơ quan cấp trên ban hành theo thẩm quyền./.

THAM LUẬN

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG HỢP TÁC VỚI NƯỚC NGOÀI VỀ PHÁP LUẬT VÀ TƯ PHÁP⁶⁸

Trong thời gian qua, công tác hợp tác quốc tế về pháp luật và tư pháp đã đạt đóng góp một phần không nhỏ vào sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển của đất nước ta nói chung, sự lớn mạnh của Bộ, Ngành Tư pháp nói riêng. Ban Bí thư Trung ương Đảng cũng đã đánh giá hợp tác quốc tế về pháp luật, tư pháp ngày càng được tăng cường, mở rộng, đi vào chiều sâu và hiệu quả; các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp đã có bước trưởng thành trong việc tiếp thu có chọn lọc tinh hoa và kinh nghiệm quốc tế phù hợp với truyền thống, thực tiễn Việt Nam để hoàn thiện pháp luật, cải cách tư pháp. Qua đó góp phần đào tạo, bồi dưỡng được một lực lượng cán bộ pháp luật có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn cao và bản lĩnh chính trị vững vàng, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu công tác. Đồng thời bạn bè quốc tế ngày càng hiểu rõ hơn, ủng hộ những nỗ lực hoàn thiện hệ thống pháp luật, cải cách tư pháp của Việt Nam. Bên cạnh những kết quả quan trọng đạt được, việc triển khai chủ trương của Đảng về hợp tác quốc tế về pháp luật và tư pháp ở một số nơi vẫn còn chưa đồng bộ; công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này mặc dù có nhiều cố gắng song vẫn còn bất cập, đặc biệt là cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin, kết quả hợp tác.

I. Kết quả thực hiện công tác quản lý nhà nước trong hợp tác với nước ngoài về pháp luật và tư pháp

1. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực này:

Có thể nói, hợp tác quốc tế về pháp luật và tư pháp là một trong những lĩnh vực công tác của Ngành Tư pháp mà Đảng đã có định hướng từ rất sớm. Ngay từ năm 1995, Ban Bí thư đã có Chỉ thị số 57 (ngày 09/9/1995) về hợp tác với nước ngoài về pháp luật và cải cách hành chính, trong đó đã đặt ra nhiều nguyên tắc, nhiệm vụ và giải pháp đến nay cơ bản vẫn còn nguyên giá trị.

Trong giai đoạn 2015-2020, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách đối với công tác đối ngoại nói chung và công tác quản lý nhà nước trong hợp tác với nước ngoài về pháp luật và tư pháp như Quyết định số 272-QĐ/TW ngày 21/1/2015 của Bộ Chính trị ban hành Quy chế quản lý thống nhất hoạt động đối ngoại; Chỉ thị số 39 của Ban Bí thư ngày 09/12/2009 về hợp tác

⁶⁸ **Chi bộ Vụ Hợp tác quốc tế**

với nước ngoài về pháp luật, cải cách hành chính và cải cách tư pháp (Chỉ thị số 39). Đầu năm 2019, Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp đã được giao nhiệm vụ giúp Ban cán sự đảng Chính phủ tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW theo yêu cầu của Ban Bí thư. Quá trình tổng kết đã góp phần đánh giá, xác định được những kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, bài học kinh nghiệm của công tác hợp tác quốc tế về pháp luật, cải cách hành chính, cải cách tư pháp trong 10 năm qua; từ đó, đề xuất với Ban Bí thư về những định hướng, giải pháp hợp tác trong giai đoạn mới trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng, sự phát triển của cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chủ trương chủ động, tích cực hội nhập quốc tế đã được xác định tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII. Kết quả, ngày 20/5/2020, Ban Bí thư đã ban hành Kết luận số 73-KL/TW về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW, trong đó nhấn mạnh một số yêu cầu, định hướng mới cho công tác hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp trong giai đoạn tiếp theo.

2. Kết quả việc thực hiện công tác quản lý nhà nước của Bộ, ngành Tư pháp trong hợp tác với nước ngoài về pháp luật và tư pháp

Đối với Bộ, ngành Tư pháp, hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp đang được triển khai phù hợp với định hướng, chính sách của Đảng và Nhà nước về đối ngoại và yêu cầu cải cách pháp luật, cải cách tư pháp; bảo đảm quán triệt và tuân thủ nguyên tắc giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, không để các đối tác nước ngoài áp đặt hoặc lợi dụng quan hệ hợp tác để can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam. Qua tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 39 cho thấy Ban cán sự đảng, Lãnh đạo Bộ Tư pháp đã lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, thường xuyên các nội dung của Chỉ thị số 39 cùng với các văn bản, nghị quyết, chỉ thị của đảng về công tác đối ngoại trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của Bộ Tư pháp. Các nội dung lãnh đạo, chỉ đạo cũng được đổi mới, hoàn thiện kịp thời với diễn biến tình hình trong nước, thế giới và yêu cầu xây dựng hoàn thiện pháp luật, cải cách hành chính, cải cách tư pháp.

Cụ thể, trong giai đoạn 2015-2020, Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp đã lãnh đạo, chỉ đạo việc rà soát, ban hành các văn bản để triển khai thực hiện chủ trương tại các văn bản, nghị quyết của Đảng và pháp luật Nhà nước về công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật và thực hiện cải cách tư pháp, bao gồm Quy chế làm việc của Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp, Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Bộ Tư pháp (ban hành kèm theo Quyết định số 1486/QĐ-BTP ngày 12/7/2016), Chỉ thị số 02/CT-BTP ngày 08/4/2016 về việc tăng cường công tác quản lý hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật của Ngành Tư pháp. Để xác định được đúng thế mạnh và nhu cầu hợp

tác quốc tế trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp, Bộ Tư pháp đã ban hành Đề án tăng cường quan hệ hợp tác quốc tế của Bộ Tư pháp giai đoạn 2013-2016 và giai đoạn 2017-2021. Nội dung Đề án đã đánh giá được nhu cầu, bối cảnh tình hình cũng như đưa ra định hướng tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác và các lĩnh vực ưu tiên hợp tác quốc tế của Bộ để triển khai thực hiện một cách toàn diện, hướng vào việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của Bộ, ngành Tư pháp, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật và xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao trong lĩnh vực pháp luật.

Đặc biệt, ngày 21/01/2019, Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp đã ban hành Đề án về các giải pháp phòng ngừa nước ngoài tác động, can thiệp vào hoạt động xây dựng pháp luật thông qua hợp tác quốc tế. Theo đó, Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp yêu cầu triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện các nguyên tắc, định hướng về hợp tác quốc tế về pháp luật, giữ vững chủ quyền quốc gia, đặc biệt là lưu ý việc không đưa ra cam kết về kết quả đầu ra là các văn bản quy phạm pháp luật.

Về mặt quản lý nhà nước, theo nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị số 39 và Nghị định số 113/2014/NĐ-CP ngày 26/11/2014 của Chính phủ về quản lý hợp tác quốc tế pháp luật, Bộ Tư pháp triển khai thực hiện các nhiệm vụ quản lý như thường xuyên rà soát, hoàn thiện thể chế trong lĩnh vực này để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất và khả thi; thẩm định, cấp phép, góp ý đối với đề xuất, văn kiện chương trình, dự án, viện trợ phi dự án, hội nghị, hội thảo quốc tế về pháp luật; tổng hợp tình hình hợp tác quốc tế về pháp luật của các cơ quan, tổ chức ở Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ; hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, tổ chức có liên quan trong tổ chức thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và tư pháp; quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật của các hội, quỹ xã hội do Bộ Tư pháp được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước; xây dựng và vận hành Cơ sở dữ liệu về hợp tác quốc tế pháp luật để khai thác, chia sẻ chung kết quả hợp tác...

3. Đánh giá chung

Đánh giá chung cho thấy công tác quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về pháp luật và tư pháp ngày càng đi vào nề nếp dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt triển khai thực hiện của các cấp ủy Đảng. Hợp tác quốc tế ngày càng được tăng cường, mở rộng, đi vào chiều sâu và hiệu quả, góp phần cung cấp thông tin, kiến thức, kinh nghiệm quốc tế cho các cơ quan pháp luật và tư pháp tiếp thu có chọn lọc, phù hợp với truyền thống, thực tiễn Việt Nam; xây dựng đội ngũ cán

bộ pháp luật có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn cao, bản lĩnh chính trị vững vàng, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, trong bối cảnh đất nước hội nhập quốc tế sâu rộng và tình hình thế giới đang có sự thay đổi nhanh chóng, biến động thì nhận thức của một số cán bộ, đảng viên trong một số thời điểm còn chưa đồng đều, chưa kịp thời có điều chỉnh để phản ứng với sự thay đổi, biến động này, đặc biệt sự phát triển công nghệ thông tin, mạng xã hội, internet đã tạo ra sự tiếp cận đa chiều và có ảnh hưởng đến nhận thức, hành động của mỗi người. Việc thực hiện chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về hợp tác quốc tế về pháp luật và tư pháp còn có sự lúng túng nhất định ở một số cơ quan, tổ chức, địa phương do đặc thù về chức năng, nhiệm vụ hoặc điều kiện tự nhiên, xã hội nên không có nhiều hoạt động hợp tác quốc tế. Công tác nắm tình hình, trong đó có quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các hội, quỹ, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức khoa học công nghệ, văn học nghệ thuật có lúc còn bị động. Bên cạnh đó, việc gắn kết, chia sẻ thông tin, kết quả và kinh nghiệm giữa các chương trình, dự án, phi dự án, hoạt động hợp tác quốc tế còn chưa đầy đủ dẫn đến chưa đảm bảo khai thác tối đa hiệu quả nguồn viện trợ của nước ngoài cũng như kinh nghiệm quốc tế có được qua quá trình hợp tác quốc tế để phục vụ hoạt động của Bộ, Ngành Tư pháp.

Do vậy, công tác quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp cần được triển khai toàn diện, chủ động hơn, có sự gắn kết thông tin với các Bộ, ngành có liên quan.

II. Bối cảnh, tình hình và nhiệm vụ, giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước trong hợp tác với nước ngoài về pháp luật và tư pháp trong thời gian tới

1. Bối cảnh, tình hình

Về tình hình quốc tế, quá trình toàn cầu hóa với việc ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế đa phương và ký kết các điều ước quốc tế song phương sẽ tiếp tục đặt ra yêu cầu cho mỗi quốc gia trong chủ động thực thi các quyền, nghĩa vụ thành viên cũng như điều chỉnh, sửa đổi pháp luật trong nước phù hợp và để thực thi các cam kết quốc tế. Trong khi đó, chính sách đối ngoại của các quốc gia đang có sự thay đổi sẽ tiếp tục có sự đan xen giữa lợi ích và nguy cơ, đối tác và đối tượng trong các quan hệ hợp tác quốc tế. Tình hình kinh tế và chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, trong đó có những vấn đề an ninh phi truyền thống và có những thế lực thù địch đang thể hiện rõ hơn sự quan tâm và tìm cách tác động, hướng lái, chuyển hóa thể chế chính trị thông qua tác động đến hệ thống pháp luật, do đó, các hoạt động hợp tác quốc tế trong xây dựng pháp luật tiếp tục đứng trước nguy cơ tiềm ẩn chịu sự tác động, can thiệp

của nước ngoài. Cùng với đó, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin, công nghệ số thúc đẩy nhanh chóng cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ tác động nhanh hơn vào quá trình toàn cầu hóa, làm biến đổi sâu sắc mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, các mối quan hệ của mỗi dân tộc, mỗi quốc gia, kể cả trong việc tiếp cận thông tin pháp luật hoặc các quan điểm đa chiều về những vấn đề pháp lý cụ thể. Ngoài ra, dịch bệnh Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp và sẽ có tác động tới tình hình thế giới trong những năm tiếp theo.

Ở trong nước, chủ trương của Đảng và Nhà nước về chủ động, tích cực hội nhập quốc tế có tác động đa chiều đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Việt Nam hội nhập quốc tế sâu, rộng hơn sẽ phải thực hiện đầy đủ, hiệu quả các cam kết khi tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Công cuộc đổi mới, cải cách của Việt Nam, cùng với hội nhập quốc tế được thực hiện trong 35 năm mang lại nhiều thông tin, kinh nghiệm quốc tế và đồng thời đặt ra những yêu cầu mới đối với việc thực hiện nhiệm vụ của Bộ, ngành Tư pháp, nhất là đối với công tác hợp tác với nước ngoài về pháp luật và tư pháp.

2. Nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới

Nhằm phát huy những kết quả đã đạt được cũng như khắc phục những tồn tại, hạn chế của công tác quản lý nhà nước trong hợp tác với nước ngoài về pháp luật và tư pháp trong thời gian qua và tiếp tục góp phần thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về hội nhập quốc tế⁶⁹, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực pháp luật và cải cách tư pháp⁷⁰, trong thời gian tới, trên cơ sở những chủ trương, định hướng của Đảng và quy định của pháp luật, Chi bộ Vụ Hợp tác quốc tế xin đề xuất một số nhiệm vụ, giải pháp sau nhằm nâng cao hiệu quả của công tác hợp tác với nước ngoài về pháp luật và tư pháp nói chung, công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực này nói riêng, cụ thể là:

- Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nguyên tắc, định hướng hợp tác quốc tế, hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật, cải cách tư pháp; làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên về ý nghĩa, tầm quan trọng và yêu cầu của công tác này;
- Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Ban cán sự đảng và các cấp ủy đảng, đề cao trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị trong đề xuất, tham mưu, thực hiện, đánh giá, quản lý hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật, cải cách tư pháp;
- Đổi mới, nâng cao công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật, cải cách tư pháp thông qua rà soát, hoàn thiện cơ sở pháp

⁶⁹Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế khẳng định đường lối đối ngoại “độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ”

⁷⁰ Kết luận số 73-KL/TW ngày 20/5/2020 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW

lý theo hướng tăng cường hậu kiểm; phát huy hiệu lực, hiệu quả và phân định rõ trách nhiệm; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh các vi phạm;

- Hoàn thiện quy trình công tác từ đề xuất, tham mưu, phê duyệt, tổ chức thực hiện đến tổng kết, đánh giá, khai thác, sử dụng hiệu quả, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong hợp tác quốc tế về pháp luật, tư pháp;

- Chú trọng quản lý hoạt động hợp tác của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và của các hội, quỹ, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong lĩnh vực pháp luật, cải cách hành chính, cải cách tư pháp; có biện pháp quản lý chặt chẽ các tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế nhận viện trợ nước ngoài để thực hiện các chương trình, dự án... trên lĩnh vực pháp luật, cải cách tư pháp.

- Chú trọng công tác nắm bắt, dự báo tình hình, nhận diện rõ đặc điểm của từng đối tác; tăng cường chỉ đạo thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát và phối hợp với cơ quan an ninh thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, phòng ngừa chiến lược “diễn biến hòa bình”, tác động, can thiệp của các đối tượng vào công tác xây dựng thể chế cũng như ngăn chặn nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

- Tăng cường tham gia, cử người làm việc tại các thiết chế pháp lý quốc tế và cơ chế đa phương để bảo vệ lợi ích của Việt Nam trong quá trình hình thành, phát triển của luật pháp quốc tế;

- Tăng cường đào tạo nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực chuyên môn, trình độ ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức tham gia hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật và cải cách tư pháp;

- Nâng cao chất lượng công tác thông tin đối ngoại, tuyên truyền, phổ biến về chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta, tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế đối với công cuộc xây dựng và phát triển đất nước; duy trì và phát huy hình ảnh, vị thế của các cơ quan pháp luật, tư pháp Việt Nam trong mối quan hệ với bạn bè quốc tế;

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin, kết quả hợp tác quốc tế về pháp luật và tư pháp nhằm tiếp thu có chọn lọc tri thức, tinh hoa và kinh nghiệm quốc tế phù hợp với truyền thống, thực tiễn Việt Nam để phục vụ hoàn thiện hệ thống pháp luật, cải cách tư pháp, đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển và bảo vệ đất nước.

- Quan tâm thúc đẩy phát triển các hoạt động hợp tác, hỗ trợ kỹ thuật của Việt Nam với các đối tác đặc biệt (như Lào, Campuchia...) trong lĩnh vực pháp luật, cải cách hành chính, cải cách tư pháp...

THAM LUẬN
TĂNG CƯỜNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG
QUẢN LÝ, CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ
CÔNG TÁC TƯ PHÁP ĐÁP ỨNG YÊU CẦU XÂY DỰNG CHÍNH PHỦ
ĐIỆN TỬ VÀ CUỘC CÁCH MẠNG 4.0⁷¹

Đảng và Nhà nước ta luôn xác định ứng dụng công nghệ thông tin là một trong những giải pháp để hiện đại hóa nền hành chính và là công cụ quan trọng trong việc thực hiện cải cách hành chính. Với mong muốn tạo nên sự công bằng, minh bạch và hiệu quả, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước còn được xác định là động lực quan trọng thúc đẩy kinh tế – xã hội phát triển, giảm phiền hà cho người dân và doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu xây dựng Chính phủ điện tử nhất là trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Trong những năm qua, ứng dụng CNTT đã được Đảng, Chính phủ quan tâm, thúc đẩy phát triển, ứng dụng trong hầu hết các lĩnh vực, trong hoạt động của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, cơ quan nhà nước các cấp. Cụ thể như: Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 36^a/NQ-CP của Chính phủ về Chính phủ điện tử; Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025. Giai đoạn 2015-2020 được xem là giai đoạn nền tảng, mở đầu để Chính phủ triển khai Chính phủ điện tử ở Việt Nam – giai đoạn đẩy mạnh tin học hóa các hoạt động nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tại Việt Nam.

Trong Nhiệm kỳ 2015-2020, được sự quan tâm của Ban Cán sự, Đảng ủy Bộ Tư pháp, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chỉ đạo điều hành triển khai các nhiệm vụ công tác tư pháp đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, góp phần đẩy mạnh quá trình tin học hóa trong nhiều lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, Ngành Tư pháp cũng như góp phần từng bước xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử tại Việt Nam, trong đó nổi bật phải kể đến các hoạt động sau đây:

⁷¹ **Chi bộ Cục Công nghệ thông tin**

Thứ nhất trong quản lý, chỉ đạo điều hành: Bộ đã tập trung đẩy mạnh việc trao đổi văn bản điện tử, thực hiện chế độ báo cáo thống kê qua phần mềm ứng dụng. Bộ Tư pháp đã nâng cấp Phần mềm quản lý văn bản và điều hành và sớm kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia từ năm 2019 đảm bảo việc gửi, nhận văn bản liên thông theo 4 cấp chính quyền đáp ứng các yêu cầu tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước. Đến nay các đơn vị thuộc Bộ, các Cục Thi hành án dân sự đã sử dụng phần mềm một cách hiệu quả. Các đơn vị thuộc Bộ và 63 Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố đã được cấp chữ ký số. Các đơn vị đã thường xuyên sử dụng, nhiều đơn vị đã sử dụng hiệu quả để ký ban hành các văn bản điện tử. Xây dựng phần mềm báo cáo thống kê ngành Tư pháp theo quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BTP và triển khai trên phạm vi toàn quốc với hơn **35.000** tài khoản sử dụng phần mềm. Thực hiện kết nối với hệ thống báo cáo quốc gia để tích hợp các số liệu báo cáo của ngành tư pháp.

Thứ hai trong cung cấp thông tin và dịch vụ công: Ngoài việc cung cấp thông tin theo quy định, trong giai đoạn vừa qua Bộ đã đẩy mạnh cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp, đặc biệt là cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4:

- Bộ đã chủ động triển khai cung cấp dịch vụ công mức độ 3, 4 trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm và lý lịch tư pháp. Đây là nhóm dịch vụ có số lượng hồ sơ lớn, tỷ lệ hồ sơ đăng ký, xử lý trực tuyến rất cao.

- Bên cạnh đó, Bộ đã thiết lập Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của Bộ đảm bảo kết nối, tích hợp dữ liệu với Cổng dịch vụ công Quốc gia. Đồng thời nghiên cứu, thực hiện tích hợp các dịch vụ công trực tuyến lên cổng dịch vụ công của Bộ và cổng dịch vụ công quốc gia.

- Để đảm bảo tính công khai, minh bạch trong hoạt động đấu giá tài sản, Bộ Tư pháp đã xây dựng Cổng thông tin quốc gia về đấu giá tài sản theo quy định của Luật đấu giá tài sản và triển khai cho Sở Tư pháp các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương, các Tổ chức đấu giá tài sản trên toàn quốc.

Thứ ba xây dựng triển khai các hệ thống thông tin trong ngành tư pháp tạo nền tảng xây dựng chính phủ điện tử: Bộ Tư pháp đã tích cực xây dựng và khai thác các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin có quy mô từ trung ương đến địa phương tạo nền tảng xây dựng chính phủ điện tử như cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, hệ thống phần mềm lý lịch tư pháp,

phần mềm Quản lý quá trình thụ lý, tổ chức thi hành án và báo cáo thống kê thi hành án dân sự...

Đặc biệt, triển khai thi hành Luật Hộ tịch, Đề án Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc, Bộ đã thí điểm xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin Đăng ký và quản lý hộ tịch. Ngoài phạm vi thí điểm ban đầu tại 4 tỉnh/thành phố, đến nay Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch dùng chung đã được triển khai và đưa vào sử dụng chính thức tại **61/63** tỉnh, thành với gần **18.000** lượt công chức tư pháp hộ tịch tại **10.869** UBND cấp xã, **693** Phòng Tư pháp và **61** Sở Tư pháp hỗ trợ giải quyết hàng triệu lượt thủ tục hành chính mỗi năm, hàng chục triệu sự kiện hộ tịch được tạo lập.

Thứ tư thực hiện kết nối, trao đổi thông tin với các cơ quan có liên quan:

- Nhằm hỗ trợ các địa phương kết nối, chuyển đổi dữ liệu hồ sơ đăng ký hộ tịch, đăng ký cấp phiếu lý lịch tư pháp của công dân đã được cập nhật trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử dùng chung của địa phương với Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch, Hệ thống phần mềm lý lịch tư pháp để xử lý mà không phải cập nhật lại các thông tin, Bộ Tư pháp đã kết nối các hệ thống thông tin của ngành tư pháp với Hệ thống kết nối liên thông các hệ thống thông tin ở Trung ương và địa phương (Hệ thống NGSP) đối với các dữ liệu có yêu cầu kết nối theo quy định.

- Triển khai liên thông dữ liệu đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi theo quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15/5/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an và Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi. Thực hiện kết nối hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch và hệ thống cấp số định danh của Bộ Công an nhằm cung cấp thông tin và tiếp nhận số định danh cá nhân theo quy định cho công dân đăng ký khai sinh tại 61 tỉnh/thành phố tham gia sử dụng Phần mềm Đăng ký khai sinh điện tử.

Trong giai đoạn tới, với xu hướng phát triển cao hơn là Chính phủ số. Chính phủ hoạt động, vận hành, ban hành chính sách, đưa ra quyết định chỉ đạo điều hành và cung cấp các dịch vụ số một cách chủ động theo nhu cầu của người dân, doanh nghiệp một cách tối ưu dựa trên năng lực khai thác và phân tích dữ liệu, lấy dữ liệu là trung tâm.

Đề định hướng tầm nhìn hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng tới năm 2030, căn cứ thực tế phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số của các nước trên thế giới, với xu thế phát triển chính phủ điện tử hiện

nay và xu thế phát triển các công nghệ số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, IoT... Bộ, ngành cần tập trung một số nội dung cơ bản sau:

- Cung cấp dịch vụ công và thông tin phù hợp với đối tượng sử dụng. Thông tin phổ biến giáo dục pháp luật và dịch vụ công của ngành tư pháp cung cấp cho người dân và doanh nghiệp phải đảm bảo tính thân thiện, phù hợp với người dùng, được tiêu chuẩn hóa và tiết kiệm tài nguyên. Sử dụng cách tiếp cận lấy người sử dụng làm trung tâm để thiết kế, phát triển và tích hợp các dịch vụ xoay quanh nhu cầu của người dân, doanh nghiệp

- Tổ chức tốt việc quản lý dữ liệu và chia sẻ dữ liệu của Bộ, ngành. Tổ chức dữ liệu theo cách mà người dân và doanh nghiệp chỉ cần nhập dữ liệu một lần và dữ liệu này được lưu trữ ở một nơi và phải được sử dụng lại.

- Tăng cường hợp tác và trao đổi thông tin với các cơ quan liên quan như Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm soát nhân dân tối cao, Bộ Công an... nhằm trao đổi, tích hợp, chia sẻ thông tin, xây dựng các nền tảng số và nền tảng dữ liệu dùng chung để giảm thời gian và nỗ lực xử lý thông tin số.

- Thiết lập các chuẩn dữ liệu và phát triển kiến trúc dữ liệu trên cơ sở kiến trúc chính phủ điện tử Bộ Tư pháp để đảm bảo khả năng sử dụng dữ liệu trên các nền tảng và dịch vụ kỹ thuật số của Chính phủ.

- Nghiên cứu, tiếp cận các xu thế phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4: Open Data, Cloud Computing, Big Data, IoT, AI....

Với một số định hướng ứng dụng công nghệ thông tin nêu trên, trong giai đoạn tới, Bộ, ngành tư pháp sẽ tiếp tục triển khai một cách hiệu quả các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hiệu quả hơn nữa các hoạt động nghiệp vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp, góp phần quan trọng đẩy mạnh triển khai Chính phủ số tại Việt Nam.